



GIAO THỜI và THÁCH THỨC

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

"NĂM 2018 ĐÁNH DẤU BƯỚC CHUYỂN ĐỔI TỪ DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN KÈM THEO ĐÓ LÀ NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG QUÁ KHỨ VÀ THÁCH THỨC TRONG TƯƠNG LAI. THÁCH THỨC SẼ TRỞ THÀNH ĐỘNG LỰC ĐỂ CHÚNG TÔI BỨT PHÁ MẠNH MẼ, TÁI CẤU TRÚC TOÀN DIỆN EVNGENCO 3, MỞ RỘNG HỢP TÁC, VƯƠN TẦM RA THẾ GIỚI, XÂY DỰNG TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG."

MỤC LỤC

TIÊU ĐIỂM EVNGENCO 3 NĂM 2018	06 Thông tin chung 08 Hoạt động và sự kiện tiêu biểu năm 2018 10 Thông điệp EVNGENCO 3
VỀ CHÚNG TÔI	14 Quá trình hình thành và phát triển 16 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi 18 Văn hóa doanh nghiệp 20 Lĩnh vực hoạt động 22 Cơ cấu tổ chức 24 Hệ thống nhà máy và các đơn vị thành viên 28 Hội đồng quản trị 30 Ban Tổng giám đốc 32 Thành tựu giải thưởng và đối tác tiêu biểu
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG	36 Tình hình thực hiện công tác năm 2018 và báo cáo đánh giá của Ban điều hành 48 Phân tích tình hình tài chính năm 2018 60 Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2019
ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI	72 Triển vọng đầu tư ngành điện 74 Phân tích SWOT Tổng Công ty 78 Chiến lược phát triển Tổng Công ty 84 Đầu tư và phát triển công nghệ
QUẢN TRỊ CÔNG TY	88 Thông tin và hoạt động của Hội đồng quản trị 94 Thông tin và hoạt động của Ban kiểm soát
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	97 Giới thiệu về báo cáo phát triển bền vững 98 Mô hình quản trị phát triển bền vững của EVNGENCO 3 99 Chiến lược phát triển bền vững 100 Các vấn đề trọng yếu liên quan đến phát triển bền vững
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	108 Thông tin về doanh nghiệp 110 Báo cáo kiểm toán độc lập 113 Bảng cân đối kế toán hợp nhất 116 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 118 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 120 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 1

01

TIÊU ĐIỂM EVNGENCO 3 NĂM 2018

Trong năm 2018, EVNGENCO 3 đảm bảo công tác vận hành sản xuất điện an toàn, liên tục, kinh tế. Đồng thời đảm bảo chất lượng, đáp ứng được tiến độ thi công các dự án đầu tư nguồn điện theo định hướng phát triển đến hết năm 2025.

Thông tin chung	06
Hoạt động và sự kiện tiêu biểu năm 2018	08
Thông điệp EVNGENCO 3	10

THÔNG TIN CHUNG

Tên đầy đủ	Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ Phần
Tên tiếng Anh	Power Generation Joint Stock Corporation 3
Tên viết tắt	EVNGENCO 3
Mã chứng khoán	PGV
Ngày giao dịch đầu tiên trên UPCoM	21/03/2018
Giấy CNĐKDN số	3502208399, đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012 sửa đổi lần 6 ngày 02/01/2019 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	10.699.695.770.000 đồng
Bằng chữ	Mười nghìn sáu trăm chín mươi chín tỷ sáu trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng
Địa chỉ trụ sở chính	Số 60-66 Đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala Phường An Lợi Đông, Quận 2, TP. HCM, Việt Nam
Điện thoại	028 3636 7449
Fax	028 3636 7450
Email	genco3@genco3.evn.vn
Website	http://www.genco3.com

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2018

Cổ đông	Số lượng cổ phần (CP)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ VĐL (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	1.061.355.233	10.613.552.330.000	99,19%
Cán bộ công nhân viên	1.464.700	14.647.000.000	0,14%
Nhà đầu tư bên ngoài	7149644	71.496.440.000	0,67%
Tổng cộng	1.069.969.577	10.699.695.770.000	100,00%

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TCT: Tổng Công ty, EVNGENCO 3, GENCO3
CTCP: Công ty Cổ phần
TNHH MTV: Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
CBCNV: Cán bộ Công nhân viên
CNĐKDN: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
CPND: Cổ phần Nhiệt điện
CTTD: Công ty Thủy điện
KD - TTĐ: Kinh doanh - Thị trường điện
CPĐT PTĐ: Cổ phần Đầu tư Phát triển điện
CTCP ĐT: Công ty Cổ phần Đầu tư
CTCP ĐT & PT: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển
TTĐL: Trung tâm điện lực
QTKD: Quản trị kinh doanh
HĐQT: Hội đồng Quản trị
TGD: Tổng giám đốc
QLDA: Quản lý Dự án
CP: Cổ phần
CPH: Cổ phần hóa

DVSC: Dịch vụ sửa chữa
NMND: Nhà máy nhiệt điện
NMTĐ: Nhà máy thủy điện
NMĐ: Nhà máy điện
HĐTV: Hội đồng thành viên
NLĐ: Người lao động
NSLĐ: Năng suất lao động
ĐT-XĐ: Đầu tư - Xây dựng
ĐT - PTĐ: Đầu tư - Phát triển điện
SXKD: Sản xuất kinh doanh
CNVCLĐ: Công nhân viên chức lao động
AT - VSLĐ: An toàn - Vệ sinh lao động
PCCN: Phòng chống cháy nổ
PCCC: Phòng cháy chữa cháy
PCTT & TKCN: Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn
QLVH: Quản lý vận hành
CMCN4.0: Cách mạng công nghiệp 4.0
CNTT: Công nghệ thông tin

CBSX: Chuẩn bị sản xuất
TNLD: Tai nạn lao động
CLTG: Chênh lệch tỷ giá
LN: Lợi nhuận
LNTT: Lợi nhuận trước thuế
LNST: Lợi nhuận sau thuế
HĐKD: Hoạt động kinh doanh
DTT: Doanh thu thuần
QCQLNB: Quy chế quản lý nội bộ
HTPT: Hạch toán phụ thuộc
SCL: Sửa chữa lớn
SLĐ: Sản lượng điện
NĐT: Nhà đầu tư
VCSH: Vốn chủ sở hữu
BVMT: Bảo vệ môi trường
PTNNL: Phát triển nguồn nhân lực
BHYT: Bảo hiểm y tế
BHXH: Bảo hiểm xã hội
BHTN: Bảo hiểm thất nghiệp



HOẠT ĐỘNG VÀ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2018

21/03/2018

Giao dịch đầu tiên trên UPCoM

22/03/2018

Công ty dịch vụ sửa chữa EPS ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với KEPCO KPS Hàn Quốc

17/09/2018

Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành công

01/01/2019

Chuyển trụ sở từ Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu về Khu đô thị Sala, Quận 2, TP Hồ Chí Minh, được xem là trái tim kinh tế tài chính của cả nước

30/11/2018

Ký kết hợp đồng EPC Dự án Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Tân 2 công suất 42,65 MWp

30/10/2018

Ký kết thành công thỏa thuận hợp tác đầu tư Dự án Trung tâm điện lực Long Sơn tại Bà Rịa Vũng Tàu sử dụng nhiên liệu khí hoá lỏng LNG với tổng công suất dự kiến 3.600 MW

01/10/2018

EVNGENCO3 Chính thức hoạt động theo loại hình Công ty Cổ phần



THÔNG ĐIỆN EVNGENCO 3



Kính thưa Quý vị Cổ đông, Đối tác và Toàn thể CBCNV

Năm 2018, Tổng Công ty Phát điện 3 thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch được Đại hội đồng Cổ đông lần đầu thông qua trong bối cảnh khó khăn về nhiên liệu sản xuất do các nguồn cấp khí và than không đáp ứng đủ năng lực của các nhà máy điện, đặc biệt trong 3 tháng cuối năm 2018. Đồng thời lưu lượng nước về các hồ thủy điện Miền Trung cuối năm thấp hơn dự báo, tỷ giá tiếp tục tăng là những thách thức mà các doanh nghiệp phát điện nói chung và EVNGENCO 3 nói riêng đang chịu tác động đáng kể.

Vượt qua những khó khăn thách thức, EVNGENCO 3 đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn, tin cậy, tối ưu hóa chi phí sản xuất điện để mang lại hiệu quả cao nhất cho quý cổ đông và nhà đầu tư. Đối với công tác đầu tư phát triển nguồn điện, Tổng Công ty đã khởi công Dự án Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 với công suất 42,65 MWp tại tỉnh Bình Thuận, khi đi vào vận hành sẽ đóng góp sản lượng điện hàng năm khoảng 68,4 triệu kWh năng lượng sạch cho Hệ thống điện Quốc gia.

Ngoài ra trong năm 2018, Tổng Công ty đã nỗ lực thực hiện công tác cổ phần hóa và nâng cao năng lực quản trị với nhiều cột mốc đáng ghi nhận như sau: Hoàn tất chào bán cổ phần ra công chúng (IPO) vào ngày 09/02/2018; giao dịch cổ phiếu trên UPCoM từ ngày 21/3/2018; chính thức hoạt động theo mô hình CTCP từ ngày 01/10/2018.

Tiếp nối quá trình phát triển ổn định trong những năm qua, năm 2018, doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty đạt 39.338 tỷ đồng tăng 3,78% so với năm 2017 và lợi nhuận sản xuất điện (không bao gồm CLTG) của Tổng công ty đạt 1.860 tỷ đồng tăng 38,17% so với năm 2017.

Năm 2019, EVNGENCO 3 sẽ tập trung tối đa nguồn lực cho công tác tái cơ cấu và nâng cao năng lực tài chính bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi nhằm tối đa lợi nhuận sản xuất kinh doanh. Đồng thời hoàn thành Dự án Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 trong tháng 6/2019 với chất lượng và hiệu quả kinh tế cao nhất.

Cuối cùng, EVNGENCO 3 xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của Quý khách hàng, sự đồng hành hỗ trợ của Quý đối tác và Quý cổ đông trong năm qua; đồng thời xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và toàn thể Cán bộ, Công nhân viên Tổng Công ty đã nỗ lực không ngừng để thực hiện nhiệm vụ năm 2018.

Trân trọng./.

EVNGENCO 3

NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN 2



TRUNG TÂM ĐIỆN LỰC VĨNH TÂN

02

GIỚI THIỆU VỀ EVNGENCO 3

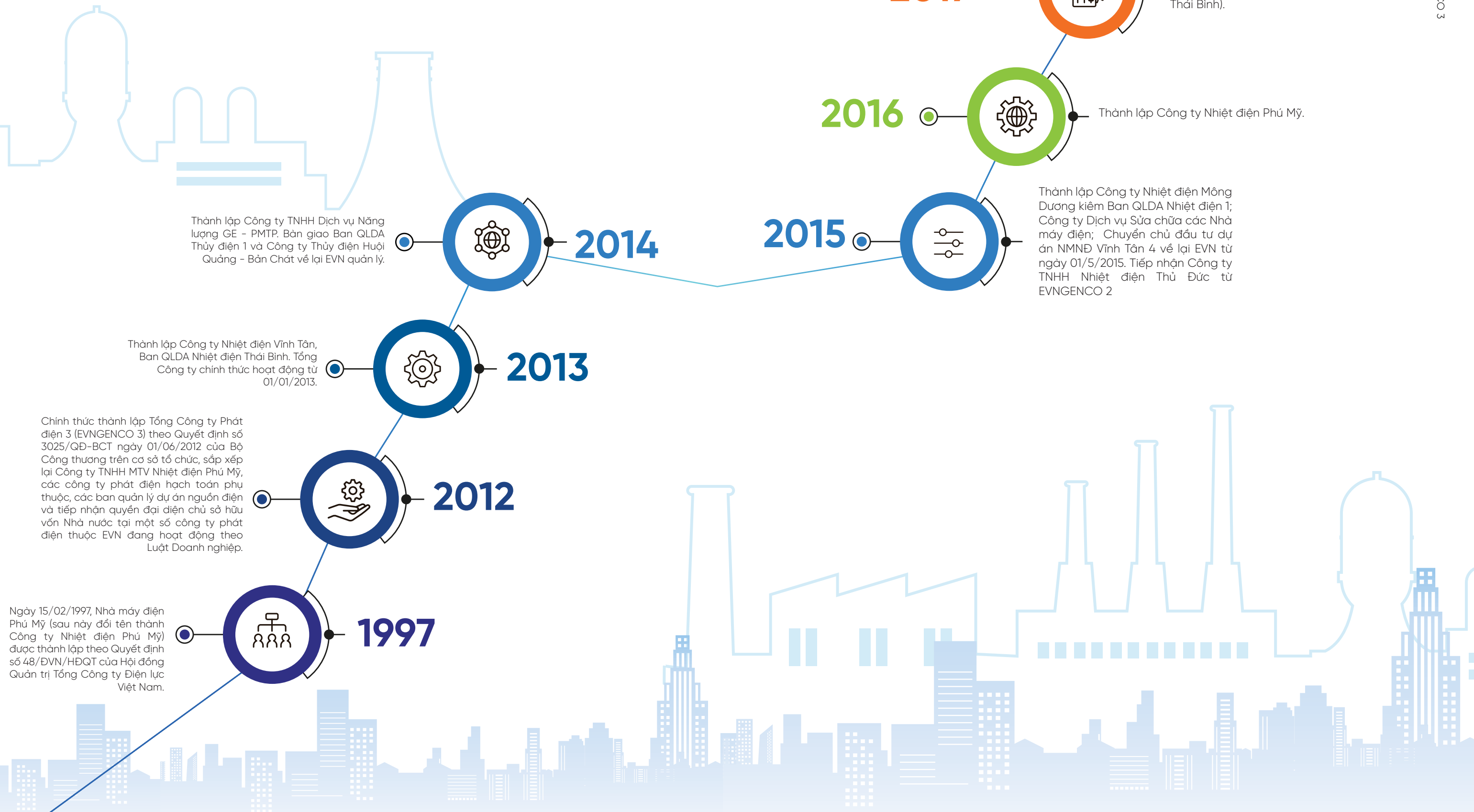
Phát triển bền vững, kiến tạo thành công

Quá trình hình thành và phát triển	14
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	16
Văn hoá doanh nghiệp	18
Lĩnh vực hoạt động	20
Cơ cấu tổ chức	22
Hệ thống nhà máy và các đơn vị thành viên	24
Hội đồng quản trị	28
Ban Tổng giám đốc	30
Thành tựu giải thưởng và đối tác tiêu biểu	32



QUÁ TRÌNH

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Ngày 15/02/1997, Nhà máy điện Phú Mỹ (sau này đổi tên thành Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ) được thành lập theo Quyết định số 48/ĐVN/HĐQT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.

Chính thức thành lập Tổng Công ty Phát điện 3 (EVNGENCO 3) theo Quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01/06/2012 của Bộ Công thương trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, các công ty phát điện hạch toán phụ thuộc, các ban quản lý dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số công ty phát điện thuộc EVN đang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Thành lập Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình. Tổng Công ty chính thức hoạt động từ 01/01/2013.

Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE - PMTP. Bàn giao Ban QLDA Thủy điện 1 và Công ty Thủy điện Huệi Quảng - Bàn Chát về lại EVN quản lý.

2013

2012

2014

2015

2016

2017

2018

Thành lập Công ty Nhiệt điện Mông Dương kiêm Ban QLDA Nhiệt điện 1; Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện; Chuyển chủ đầu tư dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4 về lại EVN từ ngày 01/5/2015. Tiếp nhận Công ty TNHH Nhiệt điện Thủ Đức từ EVNGENCO 2

Thành lập Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ.

Thành lập Công ty Nhiệt điện Thái Bình (kiêm Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình).

Thực hiện chuyển đổi thành công từ mô hình Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần; Thực hiện IPO và đăng ký giao dịch cổ phiếu PGV của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP trên UPCoM vào ngày 21/3/2018; Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức về EVN quản lý.



TẦM NHÌN- SỨ MỆNH VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI



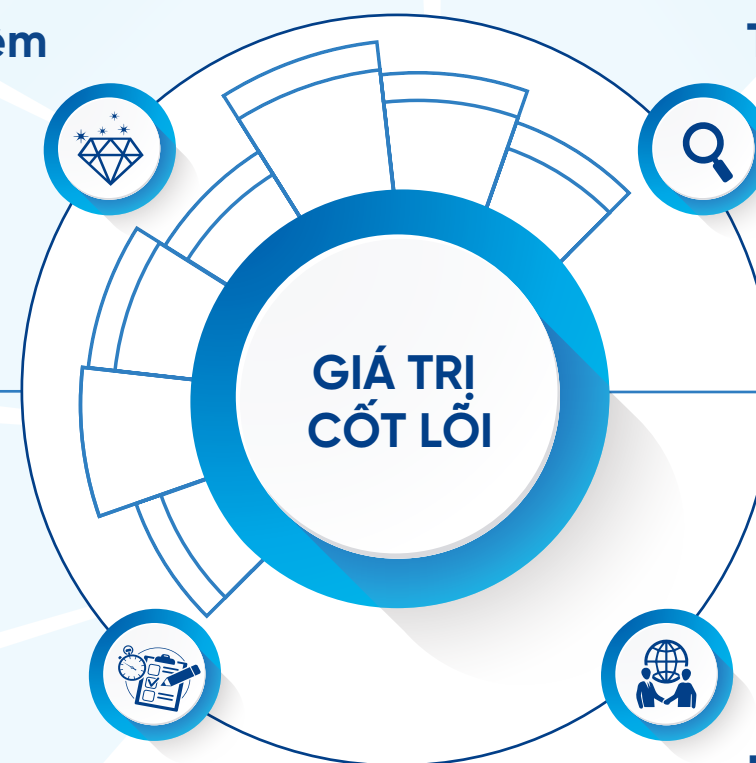
TẦM NHÌN

Tổng Công ty Phát điện 3 trở thành đơn vị có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao, hoạt động hiệu quả bền vững, giữ vai trò trọng yếu đối với nền kinh tế đất nước và đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia; phấn đấu trở thành doanh nghiệp phát triển hàng đầu tại Việt Nam và khu vực ASEAN trong ứng dụng công nghệ năng lượng sạch, bảo đảm môi trường gắn liền với phát triển bền vững.



SỨ MỆNH

Đảm bảo sản xuất điện an toàn, liên tục, kinh tế; đầu tư nguồn điện hiệu quả, góp phần giữ vững an ninh năng lượng của Hệ thống điện Quốc gia.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

**Chất lượng
Tín nhiệm**

**Tận tâm
Trí tuệ**

**Sáng tạo
Hiệu quả**

**Hợp tác
Chia sẻ**

Hướng đến mục tiêu vì sự phát triển bền vững, EVNGENCO 3 luôn lấy hệ thống giá trị cốt lõi làm kim chỉ nam, là chuẩn mực cho mọi hoạt động của Tổng Công ty.

**Chất lượng
Tín nhiệm**

Luôn là nền tảng hoạt động của EVNGENCO 3, chúng tôi xây dựng niềm tin với xã hội bằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ, sự trung thực và tinh thần trách nhiệm trong hành động.

**Tận tâm
Trí tuệ**

Là giá trị phong cách phục vụ, làm việc của EVNGENCO 3. Luôn cố gắng thể hiện thái độ nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm cao với công việc, hết lòng phục vụ khách hàng.

**Hợp tác
Chia sẻ**

Là tinh thần chủ đạo mà EVNGENCO 3 muốn đạt được để hướng đến sự phát triển, thành công của EVNGENCO 3, của EVN và các đối tác của EVNGENCO 3.

**Sáng tạo
Hiệu quả**

Môi trường làm việc chuyên nghiệp, thuận lợi cho sự phát huy sáng tạo chính là đòn bẩy mang lại hiệu quả cao giúp EVNGENCO 3 hoàn thành được sứ mệnh và mục tiêu đề ra.



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

VĂN HÓA CÔNG VIỆC

Luôn tâm niệm với triết lý kinh doanh: “Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín”, chúng tôi luôn cố gắng làm hết trách nhiệm được giao, luôn hợp tác, chia sẻ kiến thức, thông tin để giải quyết công việc đạt hiệu quả cao nhất, vì lợi ích chung, vì sự phát triển của EVNGENCO 3, EVN.

VĂN HÓA GIAO TIẾP

Mọi thành viên trong EVNGENCO 3 đối xử với nhau trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng, sống có tình nghĩa; đoàn kết, hợp tác trên mọi phương diện. “Chúng tôi có văn hóa xử sự luôn xuất phát từ nguyên tắc lấy con người làm gốc, luôn lịch thiệp và đúng mực trong giao tiếp.”

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Với mục tiêu trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng, đầu tư phát triển nguồn điện tại Việt Nam và khu vực, mọi hoạt động của chúng tôi luôn tuân thủ triết lý kinh doanh: “Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín”, tạo ra những giá trị phát triển bền vững cho EVNGENCO 3.

QUAN HỆ VỚI KHÁCH HÀNG

Luôn xem sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng chính là thành công của EVNGENCO 3. Chúng tôi luôn giải quyết nhanh chóng, chính xác những vấn đề mà khách hàng yêu cầu trên quy định của Nhà nước, của Tập đoàn, của EVNGENCO 3.

QUAN HỆ VỚI CƠ QUAN CHÍNH QUYỀN, BÁO CHÍ

Trong mối quan hệ này, EVNGENCO 3 luôn tôn trọng người đại diện của chính quyền, cơ quan báo chí, truyền thông; giữ phong thái đúng mực, hòa nhã, lịch sự, cung cấp thông tin ngắn gọn, dễ hiểu, đúng theo chức trách, nhiệm vụ.

QUAN HỆ VỚI ĐỐI TÁC

EVNGENCO 3 xây dựng mối quan hệ thân thiện, bền vững với các đối tác trên cơ sở bình đẳng, hai bên cùng có lợi và tin tưởng lẫn nhau. Luôn coi trọng sự tuân thủ pháp luật, cạnh tranh lành mạnh trên cơ sở công nghệ tiên tiến, chất lượng sản phẩm tốt.

CAM KẾT VỚI CẤP TRÊN

“An toàn, liên tục và kinh tế” – EVNGENCO 3 cam kết hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp trên giao, đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục, kinh tế, góp phần hưng thịnh quốc gia, cam kết tận tâm và trách nhiệm, sáng tạo và hiệu quả khi thực hiện nhiệm vụ.

CAM KẾT VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

EVNGENCO 3 luôn đảm bảo việc làm và đời sống của người lao động ổn định, được quan tâm, chăm sóc đầy đủ quyền lợi về vật chất và tinh thần theo quy định của pháp luật, đồng thời luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho người lao động rèn luyện, trau dồi kiến thức, kỹ năng để phát triển.

CAM KẾT GIỮ GÌN MÔI TRƯỜNG

EVNGENCO 3 cam kết luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường nhằm bảo vệ ngôi nhà chung của nhân loại. Không ngừng nâng cao nhận thức và tham gia tích cực vào các hoạt động nhằm cải tạo, giữ gìn môi trường trong lành, sạch đẹp tại cơ quan cũng như trong cộng đồng.



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

NGÀNH NGHỀ LIÊN QUAN



01

Sản xuất và kinh doanh điện năng; đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện; các dự án năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo

Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, cơ khí, điều khiển, tự động hóa thuộc dây chuyền sản xuất điện, công trình điện; thí nghiệm điện; cơ khí điện lực

02

Quản lý, vận hành, sửa chữa và khai thác Cảng biển thuộc các Trung tâm Điện lực

03

Tư vấn quản lý dự án, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, lập dự toán; tư vấn thẩm tra và giám sát thi công công trình nguồn điện và các công trình lưới điện đồng bộ các dự án nguồn điện; tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện

04

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện

05

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

- Thi công xây lắp các công trình điện và công trình xây dựng
- Xuất nhập khẩu nhiên liệu, nguyên vật liệu, vật tư thiết bị ngành điện; buôn bán tro xỉ
- Khai thác, chế biến, kinh doanh nhiên liệu, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất điện
- Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu cách điện, vật liệu cách nhiệt; trang bị bảo hộ lao động
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- Cho thuê đất, cho thuê nhà
- Kiểm định, kiểm định an toàn các thiết bị, dụng cụ điện, hệ thống đo lường, đo đếm về điện, nhiệt, áp lực
- Các ngành, nghề khác được Đại hội cổ đông chấp thuận theo quy định của pháp luật Việt Nam

CƠ CẤU TỔ CHỨC





HỆ THỐNG NHÀ MÁY VÀ ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Hệ thống các đơn vị trực thuộc tại ngày 31/12/2018



CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ

Công suất: 2.540 MW

Địa chỉ: Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Hoạt động: Quản lý vận hành 04 nhà máy nhiệt điện: Phú Mỹ 1, Phú Mỹ 4, Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 2.1 MR

CÔNG TY THỦY ĐIỆN BUỒN KƯỚP

Công suất: 586 MW

Địa chỉ: 22, Đường Mai Xuân Thưởng, Phường Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

Hoạt động: Quản lý vận hành 3 NMTĐ: Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpôk 3



CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN

Công suất: 1.244 MW

Địa chỉ: Khuôn viên nhà máy nhiệt điện Vinh Tân 2, Xã Vinh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

Hoạt động: Quản lý vận hành NMNĐ Vinh Tân 2

CÔNG TY DỊCH VỤ SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN EVNGENCO 3 (EPS)

Địa chỉ: 332, Đường Độc Lập (Quốc Lộ 51), thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu

Hoạt động: Cung cấp dịch vụ sửa chữa cho các nhà máy điện



CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN MÔNG DƯƠNG

Công suất: 1.080 MW

Địa chỉ: Khu 8, Phường Mong Duong, Tp Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

Hoạt động: Quản lý vận hành NMNĐ Mong Duong 1

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH

Công suất: 600 MW

Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình

Hoạt động: Quản lý vận hành NMNĐ Thái Bình 1



BAN QLDA NHIỆT ĐIỆN 1

Địa chỉ: Khu 8, phường Mông Dương, Tp Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

Hoạt động: QLDA NMNĐ Mông Dương 1



BAN QLDA NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH

Địa chỉ: Khu nhà làm việc của tư vấn QLDA Nhiệt điện Thái Bình, xã Mỹ Lộc, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình

Hoạt động: QLDA NMNĐ Thái Bình 1



BAN QLDA NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN

Địa chỉ: Khu phố 5, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Bình Thuận

Hoạt động: QLDA NMNĐ Vĩnh Tân 2, cơ sở hạ tầng của Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, NMNĐ Vĩnh Tân 4, Vĩnh Tân 4 mở rộng cho chủ đầu tư (EVN) và Dự án Điện mặt trời Vĩnh Tân 2.



Các công ty con

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Công suất (MW)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp của EVNGENCO 3 (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO 3	Hoạt động
1	Công ty CP NĐ Bà Rịa (BTP)	Khu phố Hương Giang, phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	390	604.856	481.236	79,56	Sản xuất điện năng
2	Công ty CP NĐ Ninh Bình (NBP)	Số 1 Đường Hoàng Diệu- Phường Thanh Bình - Thành phố Ninh Bình	100	128.655	70.454	54,76	Sản xuất điện năng
Tổng cộng					551.690		

Các công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Công suất (MW)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp của EVNGENCO 3 (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO 3	Hoạt động
1	CTCP TĐ Thác Bà (TBC)	Quốc lộ 37, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái	120	635.000	190.500	30	Sản xuất điện năng
2	CTCP TĐ Vĩnh Sơn Sông Hinh (VSH)	21 Nguyễn Huệ, Tp Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	136	2.062.412	517.058	30,55	Sản xuất điện năng
3	CTCP ĐT&PT điện Sê San 3A	96 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai	108	280.000	84.000	30	Sản xuất điện năng
4	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)	Phước Khánh, Nhơn Trạch, Đồng Nai	750	2.878.760	83.022	2,5	Sản xuất điện năng
5	CTCP Điện Việt - Lào	Tầng 9, khu B, Tòa nhà HH4, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trí, Quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội	651	3.250.000	19.600	0,60	Sản xuất điện năng
6	Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE - PMTP	KCN Phú Mỹ 1, Thị xã Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	—	496.424	74.464	15	Dịch vụ ngành năng lượng
Tổng cộng			1.765		968.644		



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN VĂN LÊ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- **Năm sinh:** 1959
- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Hệ thống điện, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Tiến sĩ Mạng và Hệ thống điện
- **Quá trình công tác:**
 - Từ 1993 đến 2004:** Phó Giám đốc Kỹ thuật – Sản xuất của Trung tâm Thí nghiệm điện 3
 - Từ 2004 đến 2007:** Phó Trưởng ban Quản lý dự án Thủy điện 3 kiêm Trưởng ban chuẩn bị sản xuất các Nhà máy thủy điện trên sông Vu Gia – Thu Bồn
 - Từ 2008 đến 2012:** Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện A Vương, Trưởng ban điều hành dự án Thủy điện A Vương
 - Từ 2012 đến tháng 09/2018:** Chủ tịch Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Phát điện 3
 - Từ 01/10/2018 đến nay:** Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP
- **Số CP nắm giữ: 424.546.093 cổ phần (chiếm 39,67% vốn điều lệ)** trong đó:
 - Số cổ phần được ủy quyền đại diện: 424.542.093 cổ phần
 - Số cổ phần cá nhân sở hữu: 4.000 cổ phần



Ông ĐINH QUỐC LÂM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG GIÁM ĐỐC

- **Năm sinh:** 1973
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Hệ thống điện
- **Quá trình công tác:**
 - Từ 1996 đến 1997:** Kỹ sư Ban Quản lý dự án các Nhà máy điện Phú Mỹ – Bà Rịa
 - Từ 1997 đến 1998:** Trưởng ca vận hành Nhà máy điện Phú Mỹ.
 - Từ 1998 đến 2002:** Phó quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy điện Phú Mỹ
 - Từ 2002 đến 2005:** Quản đốc phân xưởng vận hành 1 Nhà máy điện Phú Mỹ
 - Từ 2005 đến 2006:** Trợ lý Giám đốc Nhà máy điện Phú Mỹ
 - Từ 2006 đến 2011:** Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ
 - Từ 2012 đến tháng 09/2018:** Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Phát điện 3
 - Từ 01/10/2018 đến nay:** Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP
- **Số CP nắm giữ: 318.433.670 cổ phần (chiếm 29,76% vốn điều lệ)** trong đó:
 - Đại diện Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam sở hữu: 318.406.570 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu: 27.100 cổ phần



Ông TRƯƠNG QUỐC PHÚC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- **Năm sinh:** 1961
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính kế toán; đã hoàn thành chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- **Quá trình công tác:**
 - Từ 1991 đến 1993:** Phó phòng Kế toán Sở Điện lực Bà Rịa – Vũng Tàu
 - Tháng 1993 đến 2003:** Trưởng phòng Kế toán Nhà máy điện Bà Rịa
 - Từ 2003 đến 2009:** Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ
 - Từ 2009 đến 2011:** Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ
 - Từ 2012 đến 2012:** Chủ tịch Công ty, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ
 - Từ 2013 đến tháng 09/2018:** Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Phát điện 3
 - Từ 01/10/2018 đến nay:** Thành viên HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP
- **Số CP nắm giữ: 318.412.970 cổ phần (chiếm 29,76% vốn điều lệ)** trong đó:
 - Số cổ phần được ủy quyền đại diện: 318.406.570 cổ phần
 - Số cổ phần cá nhân sở hữu: 6.400 cổ phần



Ông ĐỖ MỘNG HÙNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- **Năm sinh:** 1958
- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Nhiệt điện
- **Quá trình công tác:**
 - Từ 2001 đến 2004:** Phó Trưởng Ban Kỹ thuật nguồn điện, Tổng công ty Điện lực Việt nam
 - Từ 2004 đến 2006:** Trưởng Ban Kỹ thuật nguồn điện, Tổng công ty Điện lực Việt Nam
 - Từ 2006 đến 2008:** Trưởng Ban Kỹ thuật nguồn điện, Tập đoàn Điện lực Việt Nam
 - Từ 2003 đến 2013:** Kiểm nhiệm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh và Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng
 - Từ 2012 đến 2013:** Kiểm nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng
 - Từ 2008 đến 2016:** Trưởng Ban Kỹ thuật – Sản xuất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam
 - Từ 2016 đến 2018:** Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Ban An toàn Tập đoàn Điện lực Việt Nam
 - Từ ngày 01/02/2018:** Nghỉ hưu
 - Từ 01/10/2018 đến nay:** Thành viên độc lập HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3
- **Số cổ phần được ủy quyền đại diện:** 0 cổ phần
- **Số cổ phần cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông ĐÌNH QUỐC LÂM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Hệ thống điện

Quá trình công tác:

Từ 1996 đến 1997: Kỹ sư Ban Quản lý dự án các Nhà máy điện Phú Mỹ - Bà Rịa

Từ 1997 đến 1998: Trưởng ca vận hành Nhà máy điện Phú Mỹ.

Từ 1998 đến 2002: Phó quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy điện Phú Mỹ

Từ 2002 đến 2005: Quản đốc phân xưởng vận hành 1 Nhà máy điện Phú Mỹ

Từ 2005 đến 2006: Trợ lý Giám đốc Nhà máy điện Phú Mỹ

Từ 2006 đến 2011: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ

Từ 2012 đến tháng 09/2018: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3

Từ 01/10/2018 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP

Số CP nắm giữ: 318.433.670 cổ phần (chiếm 29,76% vốn điều lệ) trong đó:

Đại diện Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam sở hữu: 318.406.570 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 27.100 cổ phần



Ông PHAN THANH XUÂN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
KỸ THUẬT - SẢN XUẤT

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Thiết bị điện

Số CP nắm giữ: 13.500 cổ phần (chiếm 0,0013% vốn điều lệ) trong đó:

Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: Không

Cá nhân sở hữu: 13.500 cổ phần



Ông CAO MINH TRUNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
SỬA CHỮA VÀ CÔNG NGHỆ

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy

Số CP nắm giữ: 22.300 cổ phần, (chiếm 0,0021% vốn điều lệ) trong đó:

Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: Không

Cá nhân sở hữu: 22.300 cổ phần



Ông LÊ VĂN DANH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Điện - Điện tử

Số CP nắm giữ: 12.000 cổ phần, (chiếm 0,0011% vốn điều lệ) trong đó:

Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: Không

Cá nhân sở hữu: 12.000 cổ phần



Ông NGUYỄN THANH TRÙNG DƯƠNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
KINH DOANH - THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Mạng và Hệ thống điện, Kỹ sư Kỹ thuật điện

Số CP nắm giữ: 15.400 cổ phần, (chiếm 0,0014% vốn điều lệ) trong đó:

Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: Không

Cá nhân sở hữu: 15.400 cổ phần



Bà NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
KINH TẾ - TÀI CHÍNH

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Cử nhân QTKD

Số CP nắm giữ: 9.600 cổ phần, (chiếm 0,0009% vốn điều lệ) trong đó:

Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: Không

Cá nhân sở hữu: 9.600 cổ phần



THÀNH TỰU GIẢI THƯỞNG & ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU



THÀNH TỰU GIẢI THƯỞNG

Cờ thi đua của
CHÍNH PHỦ

cho việc hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của ngành Điện lực Việt Nam năm 2013 và 2014.

Cờ thi đua của
BỘ CÔNG THƯƠNG

cho thành tích hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác năm 2016.

Và nhiều Bằng khen của
BỘ CÔNG THƯƠNG
TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

trao cho các cá nhân, tập thể xuất sắc vì đã có nhiều cống hiến cho sự nghiệp phát triển của Tổng Công ty.



ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU

ALSTOM

SIEMENS



**MITSUBISHI HITACHI
POWER SYSTEMS**

HYUNDAI
HEAVY INDUSTRIES CO.,LTD.

Marubeni



ITOCHU

DOOSAN

EGAT
Power for Thai Happiness

ABB



VINACOMIN





NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SRÊ PỐK 3

03

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

Không ngừng nỗ lực vượt qua thử thách

Tình hình thực hiện công tác năm 2018 và báo cáo đánh giá của Ban điều hành	36
Phân tích tình hình tài chính năm 2018	48
Mục tiêu - nhiệm vụ kế hoạch năm 2019	60



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC NĂM 2018



NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Năm 2018, Tổng Công ty thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Đảm bảo công tác vận hành sản xuất điện an toàn, liên tục, kinh tế.
- Tham gia chào giá trong thị trường điện có hiệu quả.
- Tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư nguồn điện đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công.
- Tìm kiếm và triển khai đầu tư các dự án nguồn điện mới.
- Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm, đề án nâng cao hiệu quả SXKD và tăng NSLĐ giai đoạn 2016-2020, chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chủ đề năm "Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực".
- Chuyển đổi hoạt động của TCT sang mô hình CTCP và ổn định hoạt động.
- Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, nhân viên.



TÌNH HÌNH NHU CẦU PHỤ TẢI VÀ HUY ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG ĐIỆN

- Sản lượng điện sản xuất và mua năm 2018 đạt 212,9 tỷ kWh vượt kế hoạch 2,4 tỷ kWh và tăng 10,36% so với năm 2017 cao hơn dự báo đầu năm là 1,02%.
- Sản lượng điện truyền tải đạt 184,2 tỷ kWh bằng 101,6% KH và tăng 10,88% so với năm 2017, trong đó truyền tải điện từ miền Bắc, miền Trung cấp cho miền Nam là 20,8 tỷ kWh (tương đương 20% nhu cầu điện miền Nam).



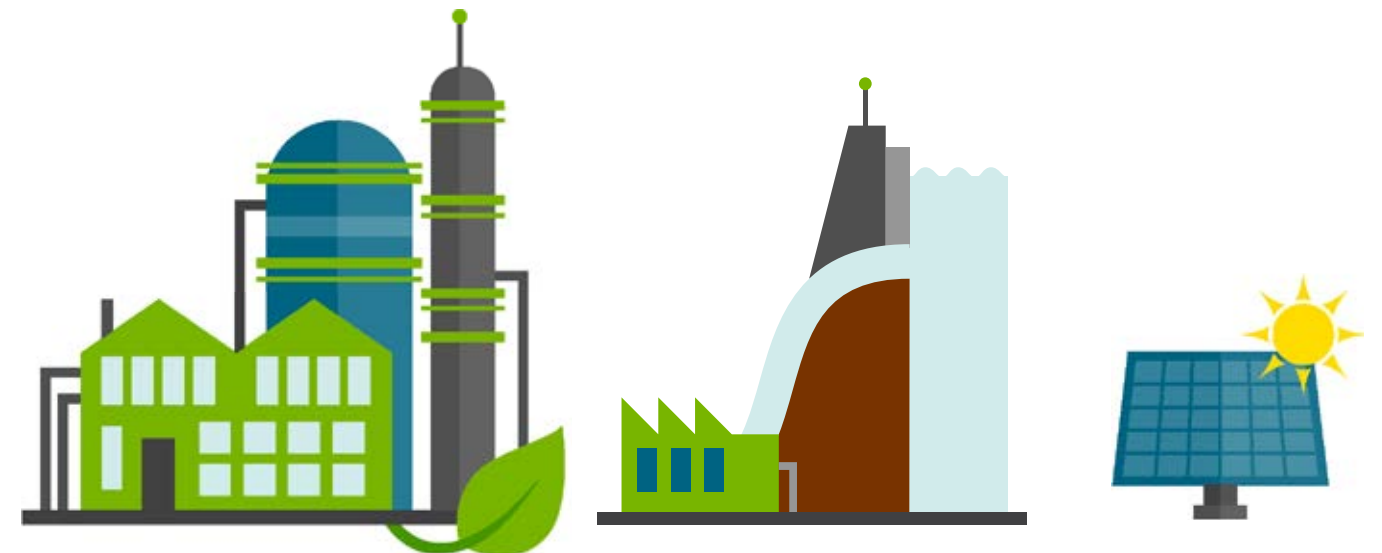
TÌNH HÌNH CUNG CẤP NHIÊN LIỆU

- **Về nhiên liệu khí cho sản xuất:** Lượng khí cung cấp tối đa đạt khoảng 20,5 triệu m³/ngày (binh thường cấp khoảng 21 triệu m³/ngày) trong khi nhu cầu sử dụng của các nhà máy điện (cụm Bà Rịa, Phú Mỹ và Nhơn Trạch) vận hành tải nên liên tục vào khoảng 23,5 triệu m³/ngày. Năm 2018, ngoài 5 lần dừng bảo dưỡng sửa chữa định kỳ, hệ thống cấp khí bị sự cố 4 lần, thời gian sự cố kéo dài nên ảnh hưởng lớn đến khả năng cấp khí. Do suy giảm khí, từ giữa cuối tháng 10/2018, tổng lượng khí cấp chỉ còn khoảng 16-17 triệu m³/ngày.
- **Về nhiên liệu than:** Trong 10 tháng đầu năm 2018, lượng than cấp cho NMTĐ Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1, Ninh Bình ổn định và đầy đủ đảm bảo phát điện tối đa. Tuy nhiên, kể từ tháng 11/2018 việc cung cấp than không đáp ứng theo nhu cầu sản xuất đã ảnh hưởng đến khả năng phát điện và làm giảm lượng than tồn kho của các NMTĐ.



TÌNH HÌNH THỦY VĂN

- Trong 9 tháng đầu năm 2018, tình hình thủy văn khá thuận lợi, lưu lượng nước về khá tốt. Tuy nhiên, sang tháng 10/2018 tình hình thủy văn diễn biến bất lợi, lưu lượng nước về các hồ thủy điện của CTTĐ Buôn Kuốp thấp bất thường ngay trong cao điểm mùa mưa (tháng 10/2018 chỉ đạt 56,3% và tháng 11/2018 chỉ đạt 67,8% so với bình quân nhiều năm của riêng tháng 10&11).
- Hiện tượng El Nino đã quay lại và gây ra tình hình thủy văn các NMTĐ thuộc CTTĐ Buôn Kuốp thấp bất thường so với trung bình nhiều năm trong các tháng cuối năm 2018, dẫn đến mực nước hồ Buôn Tua Srah tại thời điểm 31/12/2018 chỉ đạt 483,9m (thấp hơn MNDBT khoảng 3,6m) nên tiếp tục khó khăn trong năm 2019.
- Đối với các CTCP thủy điện Tổng Công ty có cổ phần như Thác Bà, Sê San 3A, tình hình thủy văn thuận lợi, lưu lượng nước về tốt hơn tấn suất 65% và sản lượng điện năm 2018 đều vượt kế hoạch.





TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC NĂM 2018 (TIẾP THEO)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN



CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH

Công tác sản xuất điện

Trong 9 tháng đầu năm 2018, các nhà máy nhiệt điện vận hành ổn định nhưng sản lượng thực tế được huy động thấp hơn kế hoạch dự kiến. Nguyên nhân do lưu lượng nhiên liệu khí PVGas cấp giảm, chất lượng than cấp không ổn định, thủy văn các nhà máy thủy điện ở miền Bắc thuận lợi nên một số tổ máy Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ, Vĩnh Tân 2 và Mông Dương 1 phải dừng dự phòng. Trong Quý IV/2018, tình hình cấp nhiên liệu khí vẫn rất thấp, tình hình thủy văn bất lợi các hồ thủy điện của Công ty Thủy điện Buôn Kướp thấp bất thường trong cao điểm mùa mưa do đó đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất điện của Tổng Công ty.



SẢN LƯỢNG ĐIỆN SẢN XUẤT NĂM 2018

33,146
tỷ kWh

CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC

30,502
tỷ kWh

CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN

2,644
tỷ kWh



CÔNG TÁC SỬA CHỮA LỚN

Tổng chi phí sửa chữa lớn thực hiện năm 2018 (bao gồm công trình tổ máy và công trình khác) là 1.256 tỷ đồng. Tổng Công ty đã triển khai thực hiện sửa chữa lớn các bộ máy đảm bảo chất lượng, tiến độ theo kế hoạch được duyệt: Trung tu GT13 - Phú Mỹ 1, Đại tu GT12 - Phú Mỹ 1, Đại tu GT22 - PM2.1,... đặc biệt đã hoàn thành đại tu lần đầu tổ máy S2 của NMTĐ Vĩnh Tân 2 - Công trình tổ máy nhiệt điện than có công suất 600MW đầu tiên ở Việt Nam.

TỔNG CHI PHÍ SỬA CHỮA LỚN NĂM 2018

1.256
tỷ đồng





TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC NĂM 2018

(TIẾP THEO)



CÔNG TÁC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Bảo vệ môi trường là một trong những công tác trọng tâm và còn rất nhiều khó khăn. Trong thời gian qua, công tác bảo vệ môi trường tại các NMNĐ tiếp tục được đảm bảo, tuân thủ nghiêm túc Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn.



Quản lý khí thải, nước thải, chất thải rắn

- Kết quả quan trắc định kỳ khí thải, nước thải và môi trường xung quanh đều nằm trong giới hạn cho phép.

Công tác xử lý tro xỉ được kiểm soát tốt, đảm bảo môi trường. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có Thông tư hướng dẫn và chỉ dẫn kỹ thuật sử dụng tro, xỉ nhiệt điện làm vật liệu san lấp cho các công trình, làm đường giao thông nên công tác tiêu thụ và xử lý còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

- Thực hiện quy định của Chính phủ, Bộ Công Thương, Tổng Công ty đã chỉ đạo các đơn vị lập và phê duyệt các đề án tiêu thụ và xử lý tro xỉ của NMNĐ Vĩnh Tân 2 và Mông Dương 1.

- Đã hoàn thành chuyển đổi nhiên liệu dầu khởi động và đốt kèm từ dầu HFO sang dầu DO cho các tổ máy

S1 và S2 của NMNĐ Vĩnh Tân 2 (trong tháng 12/2018), tổ máy S1 và S2 của NMNĐ Mông Dương 1 trong tháng 10/2018).

- Giám sát, quan trắc và thông tin online: Các NMNĐ Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1 và Ninh Bình đã triển khai hoàn thiện công tác lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục và bổ sung thiết bị lấy mẫu tự động nước thải, nước làm mát theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015, Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 và Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017.

- Đã tổ chức xây dựng và ký kết Quy chế phối hợp trong công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh trật tự và khai thác sử dụng hiệu quả các công trình hạ tầng dùng chung tại TTĐL Vĩnh Tân giữa Chủ đầu tư các nhà máy điện trong Trung tâm vào ngày 18/12/2018.



CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

- Tính toán, điều hành chào giá trên thị trường điện đạt mục tiêu SXKD được giao, công tác chào giá đúng quy định.

- Phối hợp với các Tổng Công ty Điện lực tham gia thí điểm vận hành thị trường bán buôn theo chỉ đạo của Bộ Công Thương tại Quyết định số 4804/QĐ-BCT ngày 26/12/2017.

- Đề xuất, kiến nghị cập nhật bổ sung các chi phí vào giá điện để đảm bảo thu hồi các chi phí phát sinh trong thực tế. Kết quả trong năm 2018 đã được cập nhật bổ

sung chi phí hóa chất xử lý môi trường (NH₃) vào giá điện Vĩnh Tân 2, cập nhật chi phí tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho các NMNĐ Buôn Kuốp. Hiện tiếp tục kiến nghị để xuất được cập nhật giá trị TMDT hiệu chỉnh và chi phí xử lý tro xỉ của NMNĐ Vĩnh Tân 2.

Đàm phán, điều chỉnh các hợp đồng mua bán điện theo quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh tại Thông tư 28/2018/TT-BCT ngày 27/9/2018, làm cơ sở thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong thực tế.



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC NĂM 2018 (TIẾP THEO)



CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Công tác quản lý xây dựng

Dự án Cảng than TTĐL Vĩnh Tân:

Hoàn thành nạo vét và công bố độ sâu cho tàu có trọng tải 50.000 DWT vào cảng trong tháng 10/2018. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm vị trí chứa chất nạo vét và điều kiện thi công luôn bị ảnh hưởng (do địa chất phức tạp, tránh tàu than, sóng to gió lớn, tràn nước ra bên ngoài,...), công tác thi công đã được các bên nỗ lực thực hiện và hiện nay cơ bản đạt độ sâu tiếp nhận tàu 70.000 DWT.



Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2:

Ngày 10/7/2018, UBND tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư cho dự án. Ngày 07/8/2018, GENCO3 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình NMD mặt trời Vĩnh Tân 2. Đây là dự án ngoài mục tiêu sản xuất kinh doanh điện năng còn có mục tiêu là an dân, ổn định đời sống người dân khu vực phía Tây Bãi xỉ NMNĐ Vĩnh Tân 2, góp phần đảm bảo an ninh trật tự cho cả TTĐL Vĩnh Tân. Đã ký kết Hợp đồng EPC trong tháng 11/2018 và đang triển khai thi công xây dựng theo tiến độ kế hoạch.



Công tác nghiên cứu đầu tư

Tổng Công ty đã trình hồ sơ bổ sung quy hoạch phát triển điện lực các **Dự án Điện mặt trời Ninh Phước 7 (200 MWp)** tại tỉnh Ninh Thuận, Dự án Điện mặt trời trên hồ thủy điện Buôn Kuốp (50 MW) và Srêpốk 3 (50 MW) tại tỉnh Đắk Lắk, hiện Bộ Công Thương đang xem xét, thẩm định.

• **Dự án Trung tâm Điện lực Long Sơn** : Tháng 11/2018, Tổng Công ty phối hợp các đối tác (Tổng Công ty Phát điện 3 - EVNGENCO3, Tập đoàn Thành Thành Công - TTC, Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng điện 2 - PECC2, Tập đoàn Thái Bình Dương - PACIFIC, Mitsubishi Corporation - MC, General Electric International, Inc - GE; gọi là Tổ hợp GTPP-MC-GE) trình Bộ Công Thương hồ sơ điều chỉnh bổ sung Dự án Trung tâm Điện lực Long Sơn sử dụng khí LNG quy mô 3.600 - 4.500 MW vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh. Ngày 21/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo đồng ý về nguyên tắc xem xét bổ sung TTĐL Long Sơn vào Quy hoạch điện lực Quốc gia.

Để chuẩn bị triển khai cho các dự án nêu trên, Tổng Công ty từng bước tổ chức nghiên cứu công nghệ khí hóa lỏng (LNG), công nghệ điện mặt trời, công trình thủy điện vừa và nhỏ ít ảnh hưởng đến môi trường.



CÔNG TÁC TƯ VẤN QUẢN LÝ DỰ ÁN

• **Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4**: Tiến độ dự án đạt và vượt so với tiến độ quy định Hợp đồng EPC, được Bộ Xây dựng chọn là một trong hai công trình nguồn điện được gắn biển chào mừng 60 năm ngày truyền thống ngành xây dựng do đảm bảo các tiêu chí: chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

• **Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 Mở rộng**: Tổng tiến độ Dự án: đạt khoảng 92,39%, đáp ứng theo kế hoạch đề ra, phần đầu vận hành thương mại trong tháng 10/2019 (sớm hơn kế hoạch khoảng 02 tháng).

Một số mốc tiến độ quan trọng trong năm 2018:

+ Nhận điện ngược vào ngày 17/7/2018, sớm hơn Hợp đồng EPC 4 ngày.

+ Thử áp lực Lò hơi vào ngày 24/8/2018, sớm hơn Hợp đồng EPC 7 ngày.

• **Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình**: Bàn giao đưa vào vận hành thương mại Quý I/2018, sớm khoảng 1 tháng.





TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC NĂM 2018 (TIẾP THEO)



CÔNG TÁC KHÁC



Công tác quản trị doanh nghiệp

Tiếp tục thực hiện kế hoạch, lộ trình triển khai các nhiệm vụ sắp xếp, tái cơ cấu Tổng Công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 3391/QĐ-GENCO3 ngày 06/10/2017 của Tổng Công ty. Ứng dụng CNTT trong hoạt động quản trị, điều hành, triển khai thực hiện Đề án Ứng dụng công nghệ của cuộc CMCN4.0 vào hoạt động SXKD.

Công tác tổ chức

Triển khai chặt chẽ, bài bản công tác tổ chức, nhân sự; hoàn thiện cơ cấu tổ chức và thống nhất chức năng nhiệm vụ các đơn vị theo Quyết định số 146/QĐ-EVN và hoàn thiện cơ cấu tổ chức CTCP công ty mẹ. Triển khai công tác CBSX và QL VH NMNĐ Thái Bình và Vĩnh Tân 4, Vĩnh Tân 4 mở rộng; đặc biệt TCT đã xây dựng phương án chuẩn bị thành lập CTNĐ Vĩnh Tân 4, chủ động trong việc triển khai, chuẩn bị nguồn lực để bàn giao CTNĐ Thái Bình, lực lượng Vĩnh Tân 4 về EVN, đảm bảo sản xuất của các NMNĐ không bị gián đoạn.

Công tác quản lý kỹ thuật, AT-VSLĐ, PCCN và PCTT & TKCN

• **Công tác AT-VSLĐ:** Tổng Công ty đã phổ biến, triển khai kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của Tập đoàn về công tác AT-VSLĐ, PCCN, PCTT&TKCN đến các đơn vị thành viên để nghiên cứu và tổ chức thực hiện nghiêm. Đồng thời, chỉ đạo các đơn vị tăng cường công tác quản lý chất lượng, an toàn trong quá trình xây dựng các công trình, công tác quản lý và đánh giá rủi ro nhằm giảm thiểu các sự cố và mất an toàn trong quá trình sản xuất.

• **Công tác PCCN:** Chỉ đạo các đơn vị tiếp tục thực hiện đúng quy định của pháp luật, của ngành về PCCN, phối hợp với Cảnh sát PCCC tại địa phương tổ chức tập huấn, diễn tập phương án chữa cháy theo đúng quy định.

• **Công tác PCTT & TKCN:** Chỉ đạo, kiểm tra việc xây dựng kế hoạch, phương án phòng, chống lũ, bão, giảm nhẹ thiên tai cụ thể, chi tiết, sát với thực tế, phù hợp với tình hình, đặc điểm của từng đơn vị; thực hiện nghiêm các quy định về quản lý an toàn đập, công trình, thiết bị đóng mở ở đập tràn, nguồn điện diesel dự phòng, đảm bảo có đầy đủ số liệu thủy văn để vận hành hồ chứa; rà soát, đánh giá, cập nhật, sửa đổi, bổ sung phương án phòng chống lũ lụt vùng hạ du, quy chế phối hợp với địa phương và các cơ quan liên quan.

Công tác kiểm tra

Trong năm Tổng công ty đã thực hiện rà soát việc xây dựng và triển khai kế hoạch an toàn - bảo hộ lao động; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chế độ chính sách an toàn vệ sinh lao động, PCCN, PCTT&TKCN; biện pháp bảo đảm an toàn, sức khỏe người lao động; tổng kết rút kinh nghiệm hoạt động an toàn - vệ sinh lao động của các đơn vị.



Công tác truyền thông, quan hệ cộng đồng và an sinh xã hội

• Thực hiện loạt bài viết và đưa tin về thông tin cổ phần hóa, các thể mạnh của Tổng Công ty khi Cổ Phần Hóa, các sự kiện Roadshow, IPO và Đại hội đồng cổ đông lần đầu, thực hiện bản tin tài chính của Công ty cổ phần lên website và các báo điện tử về kinh tế, tài chính CafeF, Vietstock,...

• Phát hành 18 Thông cáo báo chí định kỳ về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, công tác bảo vệ môi trường, quản lý tiêu thụ tro xỉ của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên, văn bản phản hồi báo chí sau các thông tin bất lợi. Xây dựng các video clip, tờ rơi truyền, bản tin môi trường của các nhà máy nhiệt điện; biên tập viết bài, đưa tin trên website nội bộ, trang website Tổng Công ty và đơn vị. Đặc biệt, Tổng Công ty đã phối hợp với SGTV, HTV thực hiện loạt phim ký sự "Hành trình năng lượng đổi mới quê Hương" và "Năng lượng sự chuyển hóa kỳ diệu" phát sóng trên kênh HTV9, VTV2 và nhiều đài địa phương. Hiện tại, chương trình đã có 26/26 tập phát sóng.

• Duy trì hoạt động Phòng Quan hệ cộng đồng tại các Nhà máy Nhiệt điện than (Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1, Ninh Bình, Thái Bình 1) định kỳ hàng tháng mở cửa đón tiếp người dân, cán bộ chính quyền địa phương vào tham quan, giám sát công tác sản xuất điện và quản lý môi trường của các nhà máy với tổng cộng hơn 60 đoàn trong năm 2018.

• Triển khai các hoạt động an sinh xã hội kết hợp với hoạt động tuyên truyền bao gồm: xây dựng, hỗ trợ cơ sở vật chất cho các trường học; đóng góp vào quỹ khuyến học, trường học; hỗ trợ kinh phí công trình khơi thông kênh Suối Chùa xã Vĩnh Tân (123 triệu đồng); tài trợ xây dựng 18 căn nhà tình thương, tình nghĩa; thăm hỏi, trao quà cho các gia đình chính sách, tổ chức sinh hoạt vui chơi, tặng quà cho các trẻ em ở các địa phương nhân ngày lễ tết.

Công tác chăm lo cho người lao động

• Công đoàn phối hợp với chuyên môn quan tâm, giữ vững đời sống vật chất và tinh thần của CBCNV, một số hoạt động điển hình:

• Triển khai các hoạt động thăm hỏi, động viên nhân tết nguyên đán và "Tháng Công nhân năm 2018" như: thăm hỏi CNVCLĐ tại các đơn vị; thăm hỏi, hỗ trợ NLD bị TNLD; tổ chức thăm hỏi, động viên gia đình CNVCLĐ và nữ CNVCLĐ có hoàn cảnh khó khăn. Phối hợp tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động văn hóa - thể thao cho CNVCLĐ trong Tổng Công ty

• Ngoài Quy chế tương trợ theo chủ trương của EVN, Tổng Công Ty đã phối hợp với Công đoàn ban hành CTLT số 3998/CTLT-GENCO3-CĐ ngày 17/11/2017 về chủ trương vận động quyên góp, hỗ trợ gia đình CNVCLĐ trong Tổng Công ty khi NLD gặp tai nạn rủi ro đặc biệt. Trong năm 2018 đã vận động quyên góp hỗ trợ cho 9 trường hợp với tổng số tiền là 1,235 tỷ đồng, góp phần khắc phục những khó khăn với NLD và gia đình NLD.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH

- Đảm bảo vận hành ổn định, tin cậy, đáp ứng theo phương thức huy động của Điều độ hệ thống điện Quốc gia.
- Đảm bảo kế hoạch lợi nhuận sản xuất kinh doanh được giao.
- Đảm bảo thực hiện nghiêm công tác bảo vệ môi trường tại các nhà máy điện, đặc biệt là các NMNĐ than.
- Triển khai kỹ lưỡng và hiệu quả để án đốt than trộn giữa than Sub-Bitum nhập khẩu và than 6a.1 nội địa cho NMNĐ Vĩnh Tân 2.



CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

- Đảm bảo hoàn thành các mốc tiến độ và đạt chất lượng các dự án đang triển khai theo yêu cầu của EVN, trong đó hoàn thành bàn giao vận hành các tổ máy Dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4 sớm hơn kế hoạch gần 3 tháng; Dự án NMNĐ Thái Bình sớm hơn khoảng 01 tháng; đảm bảo tiến độ thi công Dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4 MR.
- Hoàn thành quyết toán dự án NMNĐ Vĩnh Tân 2 và Mông Dương 1.
- Hoàn thành thủ tục đầu tư và đã ký kết Hợp đồng EPC dự án NMĐ mặt trời Vĩnh Tân 2, trình hồ sơ bổ sung quy hoạch các dự án khác như Ninh Phước 7, TTDL Long Sơn,...



CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

- Hoàn thành công tác CPH và chuyển sang hoạt động theo mô hình CTCP, nhanh chóng ổn định tổ chức, kiện toàn công tác cán bộ.
- NSLĐ tăng, chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng cao, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của TCT; việc làm và thu nhập được đảm bảo.
- Đảm bảo được các hoạt động quản lý tài chính của một Tổng Công ty, từng bước xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp tiên tiến.



NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 4



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018



TỔNG QUAN KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔNG DOANH THU NĂM 2018

39.990 tỷ đồng

Tăng 4,20% so với năm 2017

TỔNG LỢI NHUẬN SẢN XUẤT ĐIỆN

1.860 tỷ đồng

Tăng 38,17 % so với năm 2017

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Đã loại trừ ảnh hưởng tỷ giá)

2.169 tỷ đồng

Đạt 134,06% kế hoạch

GIA TĂNG

37,24%

So với năm 2017

TỔNG DOANH THU (Tỷ đồng)



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Đã loại trừ ảnh hưởng tỷ giá)



LỢI NHUẬN SẢN XUẤT ĐIỆN



PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

DOANH THU

Năm 2018, Tổng Công ty ghi nhận 39.338 tỷ đồng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất, đạt 103,78% so với năm 2017. Một điểm đáng chú ý, kể từ quý IV năm 2018, quý đầu tiên Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần đã đạt những con số vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua. Doanh thu thực hiện 3 tháng cuối năm đạt 10.048 tỷ đồng, đạt 101,72% so với năm 2017.

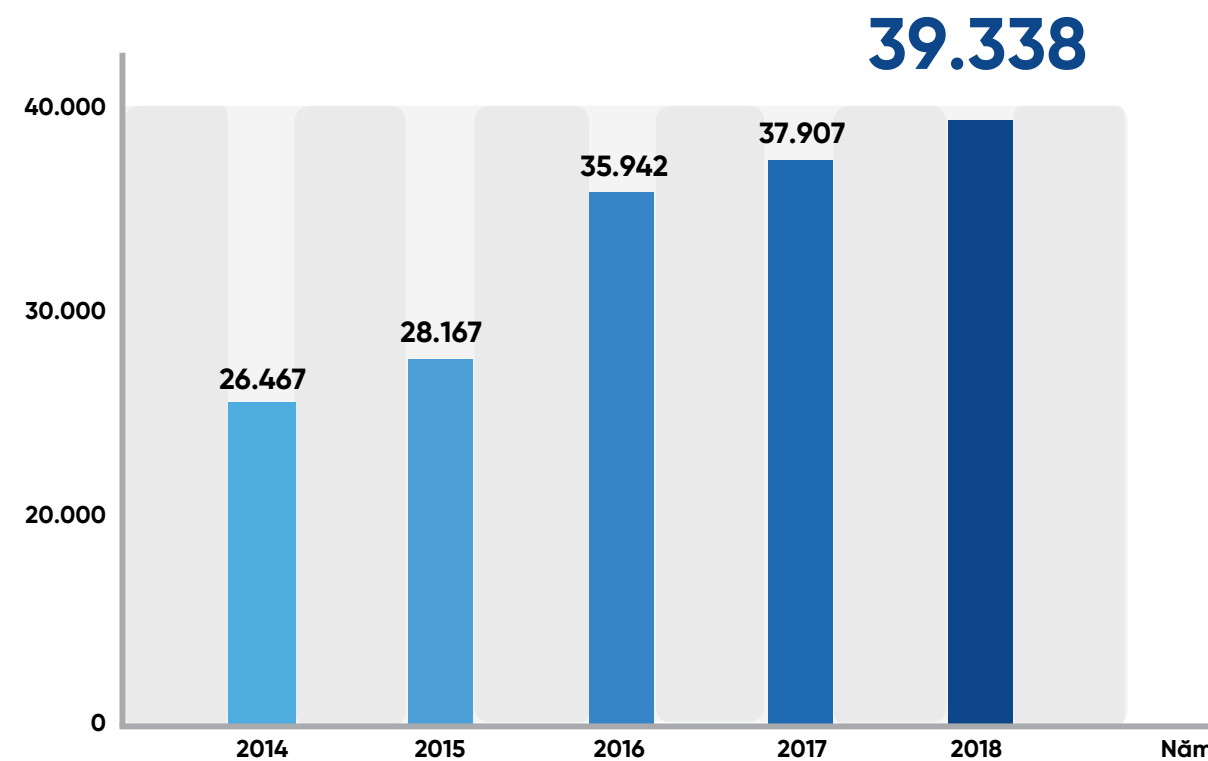
DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

39.338 tỷ đồng

GIA TĂNG

3,78%

So với năm 2017

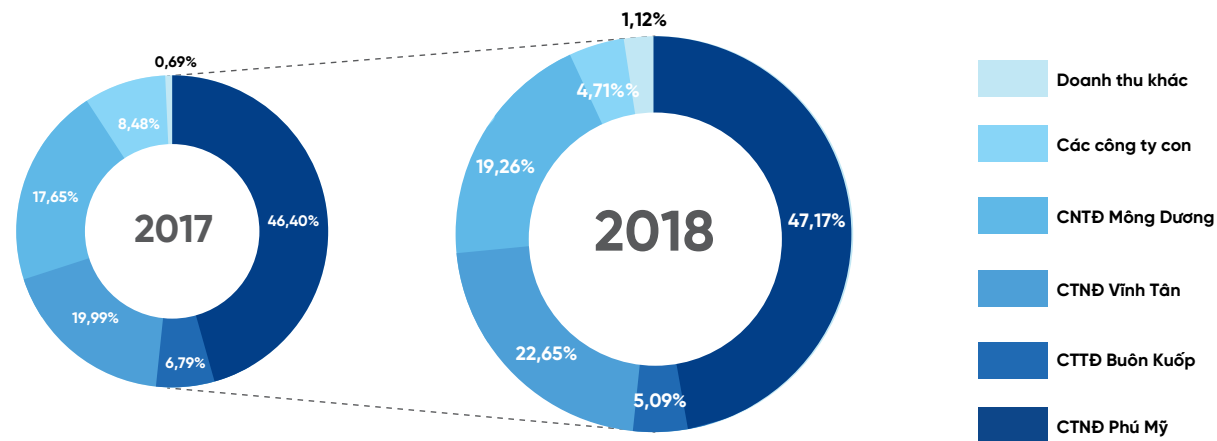


SƠ ĐỒ DOANH THU TĂNG TRƯỞNG CỦA EVNGENCO 3 GIAI ĐOẠN 2014-2018 (Tỷ đồng)



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018

Cơ cấu doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2017 (Tỷ đồng)	2018 (Tỷ đồng)	Tăng trưởng (%)
Doanh thu hợp nhất	37.907	39.338	+3,78
Công ty mẹ	34.432	37.044	+7,59
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	17.589	18.556	+5,50
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	2.575	2.001	-22,29
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	7.578	8.912	+17,60
Công ty Nhiệt điện Mông Dương	6.691	7.575	+13,21
Các công ty con	3.215	1.853	-42,36
Doanh thu khác	261	441	+68,97



Năm 2018, nhiệt điện khí tiếp tục trở thành mảng kinh doanh đóng góp doanh thu chủ đạo cho Tổng Công ty. Trong đó, Nhiệt điện Phú Mỹ chiếm 47,17% mức đóng góp vào doanh thu, tương ứng 18.556 tỷ đồng. Tiếp theo là Nhiệt điện Vĩnh Tân với 8.912 tỷ đồng, chiếm 22,65%, Nhiệt điện Mông Dương đạt mức doanh thu với 7.575 tỷ đồng, chiếm 19,26% doanh thu Tổng Công ty. Thủy điện Buôn Kuốp ghi nhận doanh thu thấp hơn năm 2017 do lưu lượng nước về các hồ thủy điện thấp

hơn cùng kỳ năm trước. Trong 9 tháng đầu năm 2018, tình hình thủy văn khá thuận lợi, lưu lượng nước về khá tốt. Tuy nhiên, sang tháng 10/2018 tình hình thủy văn diễn biến bất lợi, lưu lượng nước về các hồ thủy điện của CTTĐ Buôn Kuốp thấp bất thường ngay trong cao điểm mùa mưa (tháng 10/2018 chỉ đạt 56,3% và tháng 11/2018 chỉ đạt 67,8% so với bình quân nhiều năm của riêng tháng 10 và tháng 11).

LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sản xuất điện của Tổng Công ty năm 2018 là 1.860 tỷ đồng, đạt 134,21% kế hoạch năm 2018 và tăng 38,17% so với cùng kỳ năm 2017. Trong năm 2018, Tổng Công ty cũng ghi nhận sự tăng trưởng lợi nhuận trong hoạt động tài chính là 247 tỷ đồng, tăng 9,34% so với năm 2017.

Kết quả kinh doanh của EVNGENCO 3 chịu ảnh hưởng lớn từ yếu tố tỷ giá do các khoản nợ vay của Tổng Công ty được tài trợ với tỷ trọng cao từ nguồn vốn vay nước ngoài bằng ngoại tệ USD, JPY, CNY và KRW, cụ thể như sau:

Lợi nhuận trước thuế (Bao gồm CLTG)	Hợp nhất			Công ty Mẹ		
	TNHH MTV (Từ 01-09/2018)	CTCP (Từ 10-12/2018)	Cả năm	TNHH MTV (Từ 01-09/2018)	CTCP (Từ 10-12/2018)	Cả năm
Lợi nhuận trước thuế	319	(736)	(417)	264	(783)	(519)
Lợi nhuận sau thuế	288	(854)	(565)	263	(891)	(628)

Ghi chú: Lợi nhuận trước thuế 3 tháng cuối năm 2018 của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ yếu tố CLTG đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần.

Theo quy định về xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần tại Điều 21, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, Tổng Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm 30/09/2018 với số lỗ chênh lệch tỷ giá là hơn 1.504 tỷ đồng. Số lỗ chênh lệch tỷ giá này không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 01/01/2018 đến 30/09/2018 và được chuyển giao cho công ty cổ phần theo dõi và xử lý theo quy định.

Toàn bộ số lỗ chênh lệch tỷ giá trên được hạch toán vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 01/10/2018 đến 31/12/2018, sau xử lý tài chính và bù trừ với lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2018, số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí tài chính của giai đoạn 01/10/2018 đến 31/12/2018 là hơn 1.238 tỷ đồng, dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh bị lỗ.





PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018

Nếu loại bỏ trừ ảnh hưởng của khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá thì kết quả kinh doanh của EVNGENCO 3 ghi nhận mức tăng trưởng mạnh trong năm vừa qua. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế hợp nhất khi loại trừ yếu tố chênh lệch tỷ giá đạt 2.169 tỷ đồng đạt 134,07% kế hoạch đề ra và tăng 37,25% so với cùng kỳ năm trước.

Vào quý IV năm 2018, quý đầu tiên hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần Tổng Công ty đạt mức lợi nhuận 489 tỷ đồng, đạt 248,43% so với kế hoạch của năm 2018. Riêng lợi nhuận sản xuất điện đạt 454 tỷ đồng, đạt 239,69% kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế (Chưa bao gồm CLTG)	TH 2017 (Tỷ đồng)	KH 2018 (Tỷ đồng)	TH 2018 (Tỷ đồng)	2018/2017 (%)	TH/KH (%)
LNTT Hợp nhất	1.580	1.618	2.169	137,25%	134,07%
Trong đó, LN sản xuất điện	1.346	1.386	1.860	138,18%	134,21%
LNTT Quý 4 năm 2018	-	197	489	-	248,43%
Trong đó, LN sản xuất điện	-	189	454	-	239,69%

* Kế hoạch Quý 4 năm 2018: Kế hoạch Công ty Mẹ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và ước tính kế hoạch 3 tháng cuối năm của Công ty con.



PHÂN TÍCH CƠ CẤU TÀI SẢN NGUỒN VỐN

CƠ CẤU TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Tổng Công ty luôn tuân thủ ba nguyên tắc trong quản trị tài chính:

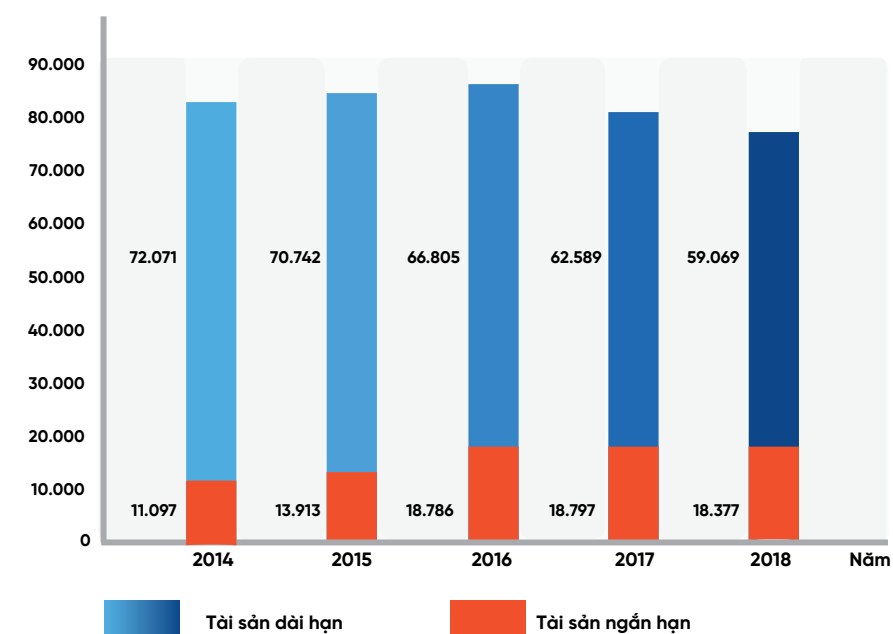
1. Tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh điện.
2. Không đầu tư vốn dàn trải.
3. Ưu tiên sử dụng nguồn vốn dài hạn để tài trợ cho hoạt động kinh doanh.

	2014	2015	2016	2017	2018
Tổng tài sản	83.168	84.655	85.590	81.385	77.446
Tài sản ngắn hạn	11.097	13.913	18.786	18.797	18.377
Tài sản dài hạn	72.071	70.742	66.805	62.589	59.069
Nợ phải trả	72.146	75.974	76.862	71.595	67.354
Nợ ngắn hạn	16.954	10.577	10.611	12.903	11.303
Nợ dài hạn	55.192	65.397	66.251	58.691	56.050
Vốn chủ sở hữu	11.022	8.680	8.729	9.790	10.093

Luôn thấu đạt bản chất của hoạt động sản xuất điện là chi phí đầu tư tài sản cố định cao, thời gian hoàn vốn dài, do đó EVNGENCO 3 luôn ưu tiên sử dụng nguồn vốn dài hạn để tài trợ cho kinh doanh. Đây là một trong những hiệu quả của quản trị tài chính mà EVNGENCO 3 đã và đang thực hiện tốt.

CƠ CẤU TÀI SẢN

Tính đến thời điểm 31/12/2018, tổng tài sản của EVNGENCO 3 đạt 77.446 tỷ đồng, giảm so với thời điểm 31/12/2017 chủ yếu do khấu hao tài sản cố định. Với đặc thù sản xuất kinh doanh điện, tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của EVNGENCO 3. Tài sản dài hạn tại thời điểm 31/12/2018 là 59.069 tỷ đồng, chiếm 76,27% của tổng tài sản. Tương ứng với đó, tài sản ngắn hạn 18.377 tỷ đồng, chiếm 24,73% trong tổng tài sản. Nhìn chung, tài sản ngắn hạn ở mức ổn định trong 3 năm gần đây.



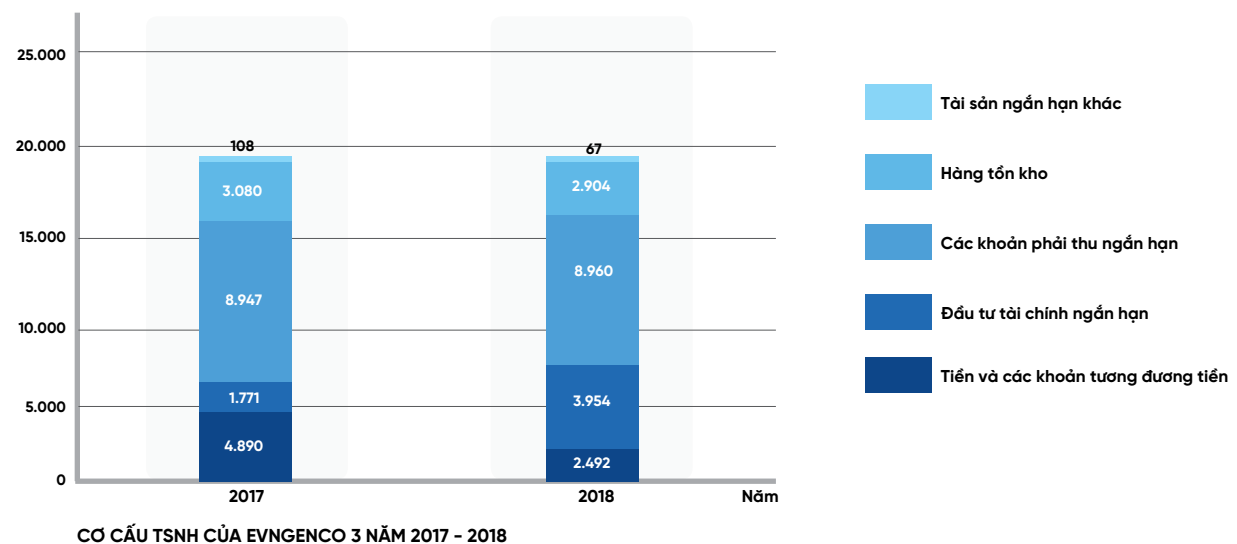
CƠ CẤU TÀI SẢN CỦA EVNGENCO 3 GIAI ĐOẠN 2014 - 2018



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018

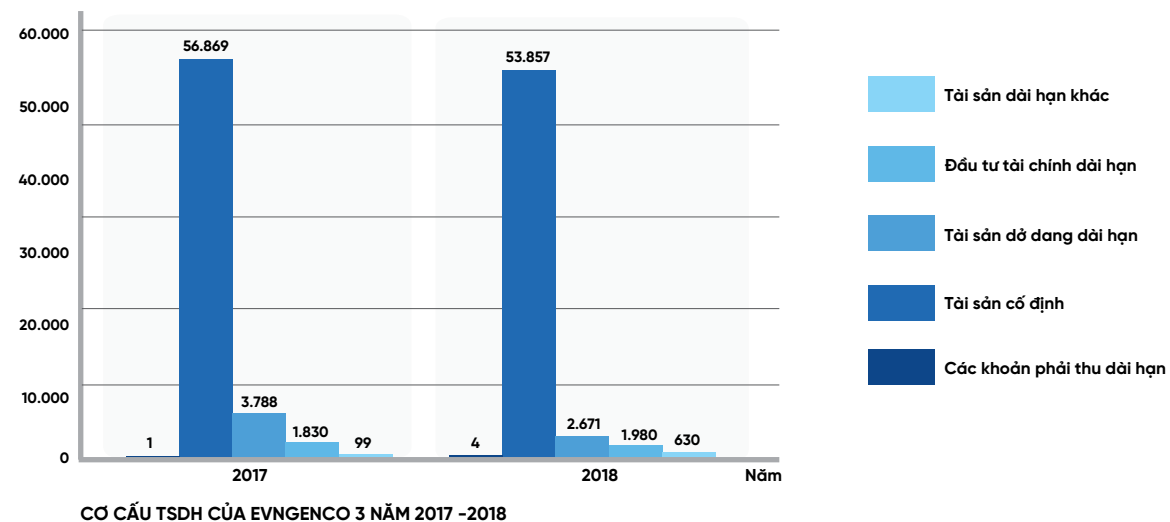
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn

Cuối năm 2018, tài sản ngắn hạn của EVNGENCO 3 đạt 18.377 tỷ đồng, giảm 2,23% so với 2017. Tiền và các khoản tương đương tiền giảm tuy nhiên các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng lên so với năm 2017. Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng mạnh là một dấu hiệu tốt thể hiện hiệu quả tận dụng nguồn lực trong quản trị tài chính, dòng tiền. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng nhẹ, điều này đến từ các khoản phải thu từ các dự án thuộc Tập Đoàn Điện lực Việt Nam. Hàng tồn kho giảm nhẹ 5,73% so với năm 2017.

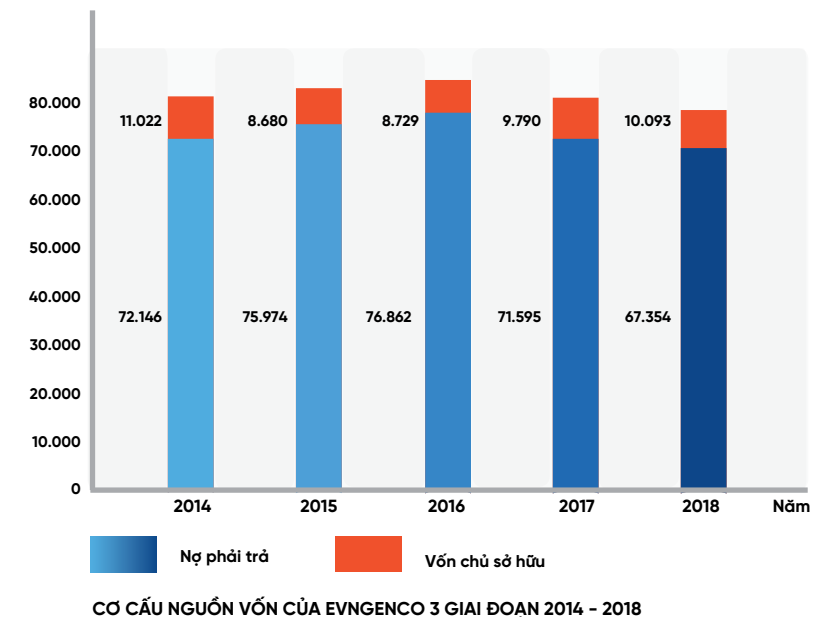


Cơ cấu Tài sản dài hạn

Tính đến cuối năm 2018, tài sản dài hạn của Tổng Công ty đạt 59.069 tỷ đồng. Tài sản cố định, bao gồm các công trình nhiệt điện và thủy điện luôn là tài sản lớn nhất của Tổng Công ty với trên 70% tỷ trọng và tạo ra lợi nhuận hàng năm cho Tổng Công ty. Tài sản dở dang dài hạn đã giảm đáng kể trong năm 2018 do Tổng Công ty đã quyết toán hoàn thành giai đoạn 2-3 của dự án NMD Vĩnh Tân và một số công trình khác.

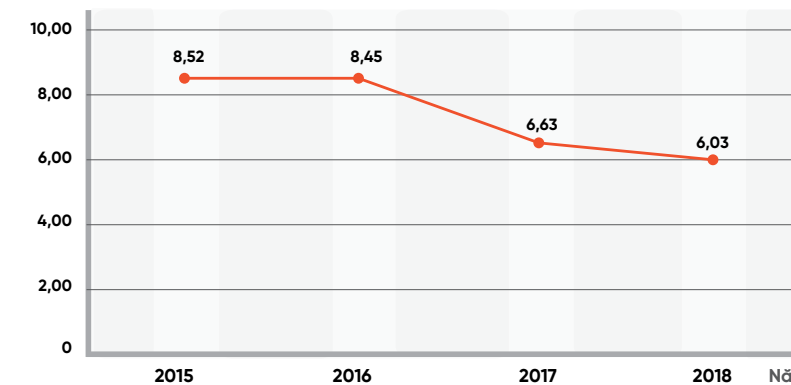


CƠ CẤU NGUỒN VỐN

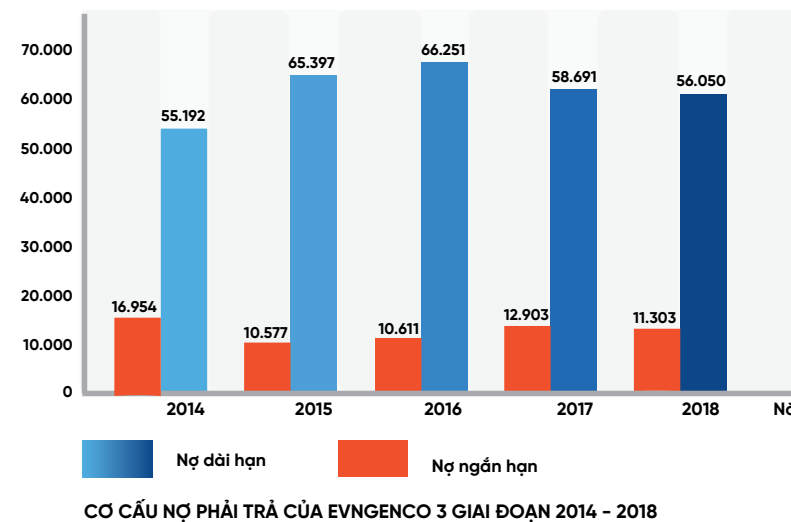


Nợ phải trả

Tính đến cuối năm 2018, nợ phải trả giảm 4.241 tỷ đồng, tương ứng 5,92% so với thời điểm cuối năm 2017. Nợ phải trả chủ yếu tập trung tại nhóm nợ dài hạn với 56.050 tỷ đồng, chiếm 83,22% trong tổng nợ phải trả, giảm 2.641 tỷ đồng so với 2017. Nợ ngắn hạn chiếm 11.303 tỷ đồng, chiếm 16,78% trong tổng nợ phải trả, giảm 1.600 tỷ so với cuối năm 2017. Các dự án thuộc EVNGENCO 3 quản lý chủ yếu sử dụng nguồn vốn vay, dẫn đến hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu cao ở mức cao. Tuy nhiên, nhờ nguồn thu ổn định từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện, Tổng Công ty luôn đảm bảo thanh toán các khoản nợ trong năm và đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh hiệu quả. Trong các năm vừa qua, Tổng Công ty cũng tập trung tái cơ cấu và giảm hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu được thể hiện bằng việc hệ số nợ phải trả ròng/ Vốn chủ sở hữu giảm dần qua các năm.



Ghi chú: nợ phải trả ròng = tổng nợ phải trả - tiền, tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn



Vốn chủ sở hữu

Cuối năm 2018, nguồn vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty là 10.093 tỷ đồng. Tổng Công ty Phát điện chính thức chuyển hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/10/2018. Theo đó, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 10.699 tỷ đồng.



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018



PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN LƯU CHUYỂN

Trong năm 2018, lưu chuyển tiền thuần trong năm của EVNGENCO 3 đạt 2.397 tỷ đồng. Các chỉ tiêu trọng yếu của dòng tiền được thể hiện cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU (Tỷ đồng)	2014	2015	2016	2017	2018
Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	9.813	(413)	4.019	6.720	1.516
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(27.893)	(3.580)	(3.087)	(1.927)	(4.389)
Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính	17.689	2.889	(31)	(1.961)	475
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	373	(1.104)	901	2.831	(2.397)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	2.634	2.261	1.157	2.059	4.890
Tiền và tương đương tiền cuối năm	2.261	1.157	2.059	4.890	2.492



Hoạt động kinh doanh chính tiếp tục là động lực mang lại nguồn tiền chủ đạo cho EVNGENCO3 với 1.516 tỷ đồng trong năm 2018.

Dòng tiền chi cho hoạt động đầu tư tăng so với năm 2017, do tăng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn nhằm tối ưu hóa dòng tiền nhận rồi trong Tổng Công ty trên cơ sở xem xét kế hoạch ngân sách trong năm. Tương ứng, tiền và tương đương tiền cuối kỳ đạt 2.492 tỷ đồng, giảm đi so với năm 2017 chủ yếu là do tăng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

BẢNG PHÂN TÍCH CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

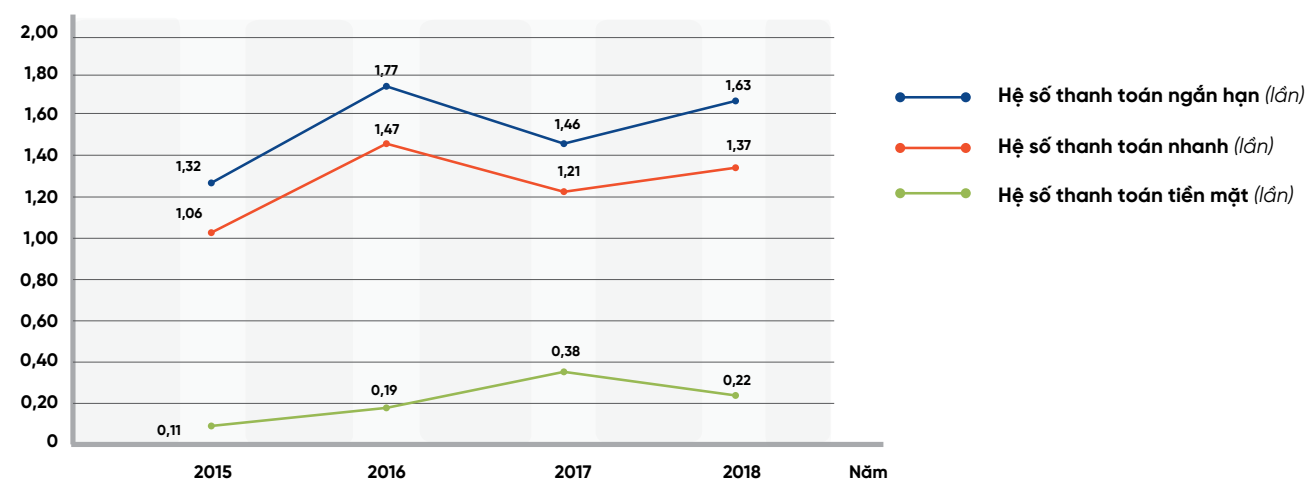
CHỈ TIÊU (Tỷ đồng)	Đvt	2015	2016	2017	2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,32	1,77	1,46	1,63
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,06	1,47	1,21	1,37
Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	0,11	0,19	0,38	0,22
2. Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động					
Kỳ thu tiền bình quân	ngày	46,97	59,98	75,47	78,43
Kỳ lưu kho bình quân	ngày	30,39	31,41	33,24	31,74
Vòng quay tổng tài sản	lần	0,34	0,42	0,45	0,50
Vòng quay tài sản cố định	lần	0,71	0,56	0,64	0,71
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số lợi nhuận gộp	%	9,16	9,85	11,36	12,54
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,94	0,60	1,10	-1,19
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD (đã loại trừ ảnh hưởng tỷ giá)/DTT	%	2,78	2,49	4,20	5,39
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,72	0,74	0,84	-1,44
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,70	2,76	3,15	-6,31
Hệ số LNNT (đã loại trừ ảnh hưởng tỷ giá)/Vốn Chủ sở hữu	%	7,76	11,30	17,78	21,49
Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	0,24	0,31	0,38	-0,71



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

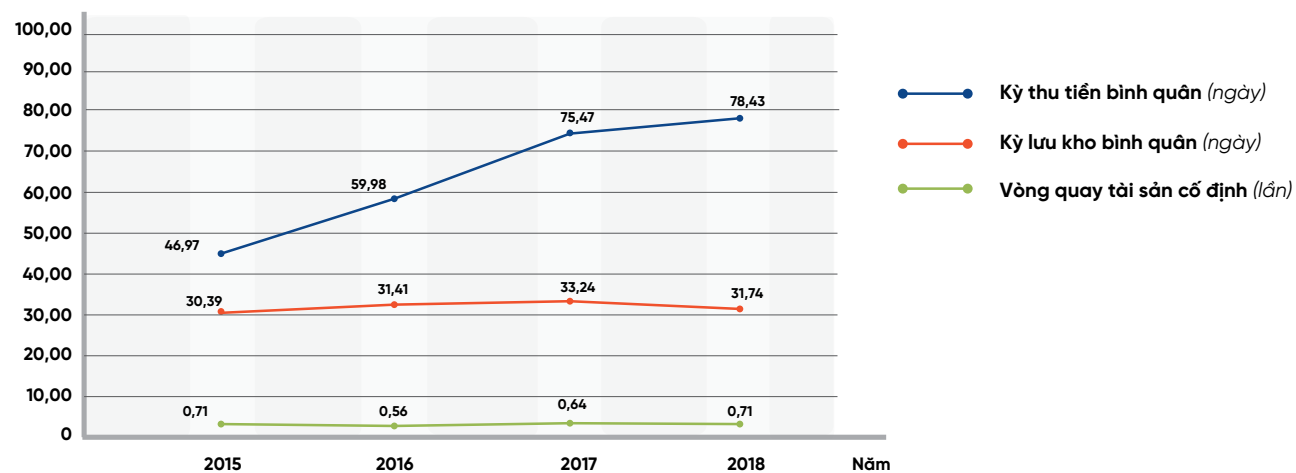
Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2018 của EVNGENCO 3 là 1,63 lần, điều này cho thấy sự tích cực trong công tác quản lý dòng tiền khi giữ ở mức an toàn về thanh khoản. Tổng Công ty hoàn toàn có thể thanh toán được các khoản nợ khi đáo hạn. Hệ số thanh toán nhanh cũng tăng nhẹ so với 2017, đạt 1,37 lần trong năm 2018. Hệ số thanh toán tiền mặt giảm đi 0,16 lần do sự sụt giảm về dòng tiền và các khoản tương đương tiền. Chỉ số vẫn ở ngưỡng an toàn và đạt hiệu quả về tận dụng nguồn lực nhân rỗi trong ngắn hạn.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN CỦA EVNGENCO 3 GIAI ĐOẠN 2015 - 2018

CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nhìn chung các chỉ số về chỉ tiêu hoạt động trong năm 2018 đều cao hơn so với năm 2017. Kỳ thu tiền bình quân tăng lên thành 78,43 ngày, tăng 3 ngày so với năm 2017. Sự gia tăng của kỳ thu tiền bình quân đến từ sự tăng trưởng khoản phải thu từ công ty mua bán điện, với hơn 8.959 tỷ đồng tính đến cuối năm 2018. Kỳ lưu kho bình quân giảm 2 ngày so với năm 2017. Hệ số này luôn ở mức vừa phải không gây rủi ro nhiều và luôn đảm bảo mức độ sản xuất cũng như đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng.



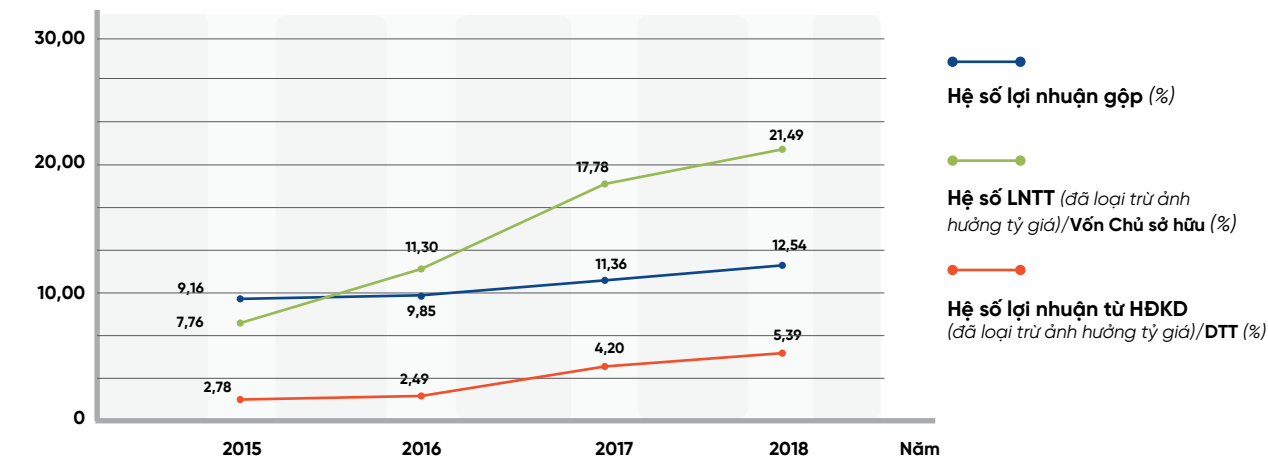
CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA EVNGENCO 3 GIAI ĐOẠN 2015 - 2018

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các chỉ số về khả năng sinh lời đều tăng so với năm 2017. Cụ thể:

Hệ số lợi nhuận gộp đạt 12,54%, hệ số lợi nhuận từ HĐKD đã loại trừ ảnh hưởng tỷ giá là 5,39%.

Hệ số LNTT/Vốn chủ sở hữu (đã loại trừ ảnh hưởng tỷ giá) đạt 21,49%, tăng đáng kể so với năm 2017.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI CỦA EVNGENCO 3 GIAI ĐOẠN 2015 - 2018



KẾT LUẬN CHUNG

Năm 2018, ghi nhận một năm thành công của Tổng Công ty trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi đồng thời từng bước lành mạnh hóa tài chính của Tổng Công ty. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế hợp nhất khi loại bỏ yếu tố chênh lệch tỷ giá đạt 2.169 tỷ đồng, tăng 589 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2017, đóng góp bởi 514 tỷ đồng từ tăng trưởng lợi nhuận hoạt động sản xuất điện và 75 tỷ đồng từ các hoạt động khác. Tuy nhiên, yếu tố tỷ giá trong năm 2018 vừa qua đã ảnh hưởng khá lớn tới các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh. Đây là một yếu tố khách quan tác động mà lãnh đạo doanh nghiệp khó có thể điều chỉnh trong ngắn hạn do các dự án thuộc EVNGENCO 3 quản lý chủ yếu sử dụng nguồn vốn vay dài hạn bằng ngoại tệ.

Không xét tới yếu tố tác động là tỷ giá, với những gì đã đạt được trong năm vừa qua, việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, và cải thiện dần hệ số nợ đều đáng ghi nhận.





MỤC TIÊU – NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 2019

1

Tăng cường công tác quản lý đảm bảo các nhà máy điện vận hành an toàn, tin cậy, ổn định.

2

Triển khai nhập khẩu than và LNG để bổ sung khối lượng bị thiếu hụt trong ngắn và dài hạn, đảm bảo nhiên liệu cho hoạt động sản xuất điện.

3

Tập trung triển khai phương án đốt trộn than cho NMNĐ Vĩnh Tân 2.

7

Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án nguồn điện đảm bảo thi công đạt chất lượng và đúng tiến độ kế hoạch.

8

Tập trung triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án Điện mặt trời Ninh Phước 7 và TTĐL Long Sơn.

9

Tiêu chuẩn hóa và thống nhất áp dụng các QCQLNB.

4

Quản lý công tác thị trường điện, đặc biệt là công tác chào giá và thanh toán trong thị trường điện bán buôn điện cạnh tranh của các đơn vị phát điện HTPT đảm bảo có hiệu quả.

5

Lựa chọn được các đối tác tiêu thụ tro xỉ lâu dài của NMNĐ Vĩnh Tân 2 và Mông Dương 1.

6

Thực hiện công tác SCL các tổ máy đảm bảo chất lượng, tiến độ, tối ưu hóa chi phí. Trong đó, tập trung cho công tác đại tu lần đầu tổ máy S1 của NMNĐ Vĩnh Tân 2.

10

Bảo đảm công tác an ninh - quốc phòng; tích cực thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường công tác kiểm soát nội bộ.

11

Triển khai tái cơ cấu, nâng cao năng lực tài chính của TCT theo phương án được duyệt.

12

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của TCT; Tiếp tục thực hiện sắp xếp, bố trí lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho NLĐ trên cơ sở tăng năng suất lao động và hiệu quả SXKD.



MỤC TIÊU – NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 2019

KẾ HOẠCH NĂM 2019



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

Kế hoạch phát điện

Kế hoạch sản lượng của toàn Tổng Công ty là 35,874 tỷ kWh, trong đó các đơn vị HTPT là 32,570 tỷ kWh, CTCP là 3,304 tỷ kWh. Đối với các đơn vị HTPT, sản lượng kế hoạch tăng 6,75% so với thực hiện năm 2018 trong điều kiện: dự kiến tình hình thủy văn bất lợi do hiện tượng El Nino, nhiên liệu khí suy giảm và nhiên liệu than tiềm ẩn nhiều rủi ro sẽ là thách thức lớn đối với TCT trong việc vừa đảm bảo kế hoạch SLD và lợi nhuận được giao.

Kế hoạch cung ứng nhiên liệu

Nhiên liệu khí: Tiếp tục làm việc với PVGas, tăng khối lượng khí bao tiêu, thống nhất Phụ lục Hợp đồng bổ sung nguồn khí Sao Vàng – Đại Nguyệt. Xúc tiến nhập khẩu LNG, mục tiêu nhập và sử dụng LNG từ năm 2021.

Nhiên liệu than: Đa dạng các nguồn than nguyên liệu cho hoạt động sản xuất để đảm bảo nhu cầu cung ứng điện cao liên tục bao gồm than nội địa và nguồn than nhập khẩu

Kế hoạch sửa chữa lớn

Theo kế hoạch sửa chữa lớn năm 2019, EVNGENCO 3 dự kiến thực hiện 17 công trình sửa chữa lớn các tổ máy và nhiều công trình phụ trợ khác, với tổng chi phí SCL dự kiến là 1.452 tỷ đồng (đã tính tiết kiệm 7,5%).

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG
ĐIỆN CỦA TỔNG CÔNG TY

35,874

TỶ KWH



KẾ HOẠCH NÂNG CAO HIỆU QUẢ SXKD, NSLĐ

Trong năm 2019, Tổng Công ty sẽ tiếp tục tập trung thực hiện các giải pháp đảm bảo vận hành tin cậy, ổn định, nâng cao hiệu suất và giảm tỷ lệ điện tự dùng. Cụ thể như sau:

Tiếp tục triển khai đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành các NMNĐ than theo chỉ đạo của Tập đoàn tại văn bản số 4829/EVN-KTSX ngày 16/10/2017. Trong đó, tập trung hoàn thiện các giải pháp nâng cao độ tin cậy hệ thống máy nghiền than, bunker than và hệ thống cung cấp than trộn của NMNĐ Vĩnh Tân 2.

Tiếp tục triển khai đề án nâng cao độ tin cậy, hiệu suất, đặc biệt là đốt than trộn cho tổ máy S2 - NMNĐ Vĩnh Tân 2 nhằm nâng cao hiệu quả trong vận hành, nâng cao tính chủ động về nguồn cung than và đặc biệt là nâng cao chất lượng tro xỉ để tăng khả năng tiêu thụ, giảm tổn trử Triển khai lắp đặt biến tần cho các động cơ có công suất lớn để giảm tỷ lệ điện tự dùng của các NMNĐ Phú Mỹ và NMNĐ Mông Dương 1.

Ngoài ra, thường xuyên tổ chức đánh giá tổng thể tình trạng thiết bị, tổ máy của các nhà máy để đưa giải pháp cải tiến, sửa chữa, thay thế, nâng cao độ tin cậy, đảm bảo vận hành ổn định, liên tục.

Đẩy mạnh việc triển khai công tác sửa chữa theo hình thức sửa chữa tập trung và nâng cao độ tin cậy tại các các nhà máy nhiệt điện than.

Kế hoạch thị trường điện

Chào giá trên thị trường điện đạt hiệu quả, đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao. Đàm phán giá điện và hợp đồng mua bán điện của các Nhà máy điện trực thuộc nhằm thu hồi đủ các chi phí trong đầu tư và chi phí phát sinh trong sản xuất. Tham gia vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh năm 2019 tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 4391/QĐ-BCT ngày 26/11/2018 của Bộ Công Thương. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và quản lý công tác thị trường điện, nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác thị trường điện tại Tổng Công ty và tại các đơn vị phát điện.

Nâng cấp hệ thống CNTT đáp ứng các yêu cầu vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh theo quy định.

Kế hoạch quản lý môi trường

Tiếp tục duy trì vận hành thường xuyên, tin cậy, ổn định các hệ thống xử lý môi trường, thiết bị quan trắc, giám sát môi trường (khí thải, nước thải và nước làm mát) đã được trang bị đồng bộ tại các nhà máy điện. Đảm bảo công tác quản lý được chặt chẽ và xuyên suốt, tổ chức quan trắc và báo cáo định kỳ theo đúng quy định.





MỤC TIÊU – NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 2019



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Công tác xúc tiến đầu tư

Triển khai công tác quy hoạch **Trung tâm Điện lực Long Sơn sử dụng khí LNG** nhập khẩu tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau khi được phê duyệt bổ sung quy hoạch).

Triển khai xúc tiến bổ sung quy hoạch và đầu tư xây dựng **Dự án Điện mặt trời Ninh Phước 7 (200MWp)** thuộc tỉnh Ninh Thuận và các dự án khác.

Nhu cầu vốn đầu tư năm cho các công trình xây dựng năm 2019

TỔNG VỐN ĐẦU TƯ

6.670

tỷ đồng

ĐẦU TƯ THUẦN

1.186

tỷ đồng

TRẢ NỢ GỐC VÀ LÃI VAY

5.484

tỷ đồng

Công tác quản lý xây dựng, tư vấn quản lý dự án



Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 MR: Triển khai thi công xây dựng theo kế hoạch với mốc tiến độ chính; Đốt dầu lần đầu vào 26/01/2019 (sớm hơn hợp đồng EPC~1 tháng), đốt than lần đầu vào 22/3/2019 (sớm hơn hợp đồng EPC~1,5 tháng). Đặc biệt hòa lưới lần đầu thành công vào lúc 10h30 ngày 22/4/2019, vượt tiến độ 71 ngày (kế hoạch theo Hợp đồng là 01/7/2019) đánh dấu bước quan trọng hướng đến phát điện thương mại trước 31/10/2019 (sớm hơn hợp đồng~1 tháng).

Dự án Điện mặt trời Vĩnh Tân 2: Đẩy nhanh công tác thi công xây dựng và đưa vào vận hành thương mại trong tháng 6/2019.



Dự án Cảng than Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân: Đã hoàn thành thi công hạng mục nạo vét luồng dẫn và vũng quay tàu đáp ứng tàu 70.000 DWT.



MỤC TIÊU – NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 2019



KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ 2019

TỔNG DOANH THU

42.550

tỷ đồng

TỔNG CHI PHÍ

42.121

tỷ đồng

TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

409

tỷ đồng

TỔNG LỢI NHUẬN

(Chưa bao gồm CLTG)

1.476

tỷ đồng



KẾ HOẠCH THOẢI VỐN VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

- Xây dựng và triển khai thực hiện phương án chuyển nhượng vốn đầu tư tại các công ty liên kết: Vinh Sơn – Sông Hinh, Nhơn Trạch 2, Điện Việt Lào nhằm gia tăng lợi nhuận tài chính, dòng tiền thu được sẽ cân đối dùng để trả nợ vay, chuẩn bị các bước để có đủ điều kiện chuyển niêm yết lên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE), tăng sức hấp dẫn của EVNGENCO 3 đối với nhà đầu tư.
- Xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp trong dài hạn (5-10 năm).
- Xây dựng và triển khai phương án tái cơ cấu EVNGENCO 3 nhằm lành mạnh hóa tài chính và nâng cao năng lực, sức hấp dẫn của EVNGENCO 3 trên thị trường, bao gồm phát hành tăng vốn điều lệ, giảm tỷ lệ sở hữu của EVN tại EVNGENCO 3.



KẾ HOẠCH KHÁC

Kế hoạch quản trị doanh nghiệp

Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính của Tổng Công ty Phát điện 3 giai đoạn 2016 - 2020.

Ứng dụng CNTT trong hoạt động quản trị, điều hành: Xây dựng, đưa vào vận hành kho dữ liệu tập trung của Tổng Công ty và xây dựng hệ thống báo cáo quản trị; triển khai phần mềm DigiNotes để số hóa, bóc tách thông tin văn bản tự động tích hợp vào phần mềm E-Office cho cơ quan Tổng Công ty và các đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty; Triển khai áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM), thiết kế 3D trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Công tác tổ chức - cán bộ - đào tạo

Nâng cao quản trị CTCP; tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu theo Quyết định số 146/QĐ-EVN và Đề án tái cơ cấu TCT giai đoạn 2017 - 2020; xếp hạng doanh nghiệp cho các đơn vị mới/xếp lại hạng.

Tiếp tục công tác đào tạo, luân chuyển, điều động cán bộ, người đại diện theo Kế hoạch được duyệt và phù hợp với mục tiêu tăng hiệu quả hoạt động và đáp ứng được nhiệm vụ của Tổng Công ty.

Triển khai kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó chú trọng đào tạo chuyên gia, kỹ thuật chuyên sâu, thị trường điện, điện mặt trời, LNG, tài chính, chứng khoán, mua/bán/sáp nhập doanh nghiệp,... nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của TCT.





MỤC TIÊU – NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 2019



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ, NÂNG CAO NĂNG LỰC SỬA CHỮA

Với mục tiêu sớm làm chủ công nghệ O&M nhà máy điện, năm 2019 tiếp tục đẩy mạnh triển khai các chương trình:

- Hợp tác với KEPCO, KPS, GE, APS, Ansaldo, Benetech, Pangwo, Millpro, Chester,... về tư vấn kỹ thuật, nâng cao năng lực sửa chữa, công nghệ bảo trì phòng ngừa, tư vấn giải pháp kỹ thuật, nâng cao chất lượng sửa chữa và độ tin cậy của thiết bị/hệ thống tại NMND Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1.
- Tiếp tục với hợp tác với PECC2, PECC4, Doosan, SEC... để đánh giá và thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao độ tin cậy lò hơi và các hệ thống thiết bị phụ của NMND Vĩnh Tân 2.
- Hợp tác với TOSHIBA trong công tác hỗ trợ tư vấn kỹ thuật, cung cấp vật tư, dịch vụ đào tạo, cung cấp nhân sự, chuyên gia và hợp tác trong cung cấp dịch vụ sửa chữa cho các NMĐ.
- Hợp tác với các đối tác có năng lực, kinh nghiệm đẩy mạnh việc đào tạo chuyên gia đánh giá, thực hiện sửa chữa bảo dưỡng theo hình thức RCM và chuyển giao công nghệ. Tiếp tục hợp tác với các đối tác có kinh nghiệm, uy tín triển khai áp dụng RCM cho các NMĐ than thực hiện các giải pháp nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành.
- Đẩy mạnh phát triển và chuyển giao công nghệ về công tác gia công - chế tạo - phục hồi để chủ động vật tư sửa chữa, tối ưu chi phí, từng bước nâng cao năng lực và thương hiệu. Hợp tác với Công ty PT. Sulzer Indonesia trong lĩnh vực gia công phục hồi tuabin hơi, bơm, máy phát...
- Xây dựng và triển khai Đề án tiếp nhận công tác sửa chữa trong các đơn vị thành viên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và thể mạnh của dịch vụ sửa chữa tập trung.
- Bên cạnh đó, Tổng Công ty triển khai xây dựng các cam kết pháp lý với các đối tác nhằm xác lập mối hợp tác lâu dài.



CÔNG TÁC QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR)

Nhận thức rõ được trách nhiệm với quý cổ đông và nhà đầu tư, Tổng Công ty luôn quan tâm, xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp minh bạch và trách nhiệm với cổ đông. EVNGENCO 3 đảm bảo thông tin kịp thời và đáng tin cậy nhằm hỗ trợ các quyết định đầu tư của các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, trong khi đó tiếp tục giữ vững niềm tin để củng cố giá trị đầu tư của các nhà đầu tư vào EVNGENCO 3.

Các hoạt động gắn kết

Bộ phận Quan Hệ Với Nhà Đầu Tư của Tổng Công ty sẽ duy trì sự gắn kết mạnh mẽ với các nhà đầu tư để cập nhật tốt hơn cho các nhà đầu tư về tình hình sản xuất kinh doanh, hiệu quả tài chính, chiến lược và triển vọng tăng trưởng của Tổng Công ty.

Hội nghị gặp gỡ các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán:

- Ngày 09/1/2019, Tổng Công ty Phát điện 3 đã tổ chức thành công buổi Analyst Meeting tại văn phòng TCT. Buổi gặp gỡ nhằm mục đích thông tin và chia sẻ với các nhà đầu tư tổ chức, các Công ty chứng khoán (CTCK) về kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2018 cũng như kế hoạch tái cấu trúc tài chính và định hướng phát triển của Tổng Công ty trong tương lai. Sự kiện cũng thu hút sự có mặt của hơn 60 đại diện đến từ các công ty quản lý quỹ, các công ty chứng khoán lớn trên thị trường như SSI, BIDV, MBS, Viettin Capital...

Các CTCK đều đánh giá cao về sự minh bạch thông tin cũng như đặt niềm tin vào kế hoạch và mục tiêu mà Tổng Công ty đặt ra và cam kết thực hiện. Sự kiện Analyst Meeting lần đầu tiên đã được Tổng Công ty tổ chức thành công và sẽ trở thành sự kiện được tổ chức định kỳ thu hút các chuyên gia phân tích và nhà đầu tư chuyên nghiệp quan tâm tới Tổng Công ty.

Tham dự chương trình hội nghị đầu tư quốc tế "Viet Nam Access Day 2019"

Trong 3 ngày từ 05-07/3/2019, EVNGENCO 3 đã tham dự hội nghị Việt Nam Access Day 2019 do CTCP Chứng khoán Bản Việt tổ chức tại TP. Hồ Chí Minh. Đây là hội nghị thường niên, thu hút được hơn 200 nhà đầu tư tổ chức từ hơn 20 quốc gia tới tham gia và tìm hiểu cơ hội đầu tư tại Việt Nam.

Giao tiếp hiệu quả để nâng cao cam kết

Trang web của Tổng Công ty: www.genco3.com, cung cấp một nền tảng thiết yếu cho các nhà đầu tư truy cập thông tin định kỳ thông qua phần Quan hệ Nhà đầu tư. Bất kỳ câu hỏi hoặc thắc mắc nào liên quan đến công ty, đặc biệt là về các vấn đề liên quan đến Quan hệ Nhà đầu tư, có thể được chuyển đến nhóm tại irgenco3@genco3.evn.vn. Là một phần của những cải tiến liên tục và các sáng kiến tham gia nhất quán với cộng đồng tài chính, Khảo sát IR của chúng tôi được thực hiện trên cơ sở hai năm một lần. Chúng tôi hoan nghênh phản hồi có giá trị về các sáng kiến và dịch vụ IR của chúng tôi thông qua kênh này.

Bản tin Nhà đầu tư:

Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư cũng đã xây dựng bản tin nhà đầu tư (tiếng việt và tiếng anh), đây sẽ kênh thông tin cơ bản và đầy đủ về tình hình sản xuất kinh doanh hàng tháng giúp NĐT cập nhật liên tục thông tin của Tổng Công ty.





04

ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

Năng lượng xanh - Năng lượng bền vững

Triển vọng đầu tư ngành điện	72
Phân tích SWOT Tổng Công ty	74
Chiến lược phát triển tổng công ty	78
Đầu tư và phát triển công nghệ	84



TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ NGÀNH ĐIỆN



TĂNG TRƯỞNG TIÊU THỤ ĐIỆN LUÔN TRÊN 10%/NĂM

Trong những năm qua, nhu cầu năng lượng của Việt Nam tăng rất nhanh trong giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2017 với tăng trưởng bình quân ước đạt 11.3%/năm và được dự báo còn tiếp tục tăng khá cao trong 15 năm tới, đặc biệt như năm 2010 mức tăng trưởng đạt 15,1% cao nhất trong các năm.

Điều đó cho thấy thị trường sản xuất kinh doanh điện tại Việt Nam là một thị trường đầy tiềm năng để khai thác và đầu tư. Bởi nhu cầu sử dụng điện tăng lại chiếm hơn 50% là do nhu cầu của sự phát triển các ngành công nghiệp và sản xuất - đây là động lực chính thúc đẩy nền kinh tế phát triển cũng như chắc chắn cho sự tăng trưởng nhu cầu các năm tiếp theo.

- Hơn thế, trong Kế hoạch phát triển điện VII (PDP VII) sửa đổi, EVN ước tính mức tiêu thụ điện sẽ đạt 352 tỷ kwh - 379 tỷ kwh, ngành điện được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch kinh doanh của EVN trong giai đoạn 2016-2020 và hướng dẫn tăng trưởng tiêu thụ điện ở mức 10,4%. Tăng trưởng hàng năm kép tổng cung điện từ 2010 - 2018 đạt trên 10%. Ba nguồn phát điện chính là Thủy điện, Nhiệt điện than và Nhiệt điện khí, chiếm tới 93.78% tổng công suất nguồn điện trong các tháng đầu năm.

- Tỷ lệ nhập khẩu ngành điện Việt Nam đang dần ổn định qua các năm. Tỷ trọng điện nhập khẩu trong tổng cung ngành điện đang giữ mức ổn định trong khoảng 1.3% - 2% trong giai đoạn 2015-2018. Trong năm 2018, sản lượng điện nhập khẩu chiếm 1.33% trong tỷ trọng tổng cung ngành điện. Tổn thất điện năng của Việt Nam có xu hướng giảm.

- Giá điện tại Việt Nam khá thấp so với các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Phát điện là phần khúc duy nhất có sự góp mặt của các đơn vị bên ngoài EVN do đặc thù đòi hỏi nguồn vốn đầu tư rất lớn. Do đó, thị trường điện cạnh tranh ở Việt Nam cũng sẽ bắt đầu giai đoạn 1 ở phần khúc này. Dự báo tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2017 - 2020 đạt 10.7%, 2021-2025 là 9.7% và 2025 - 2030 đạt 8.7%. nhu cầu sử dụng điện được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng từ 10-11%/năm trong những năm tới.



NHỮNG CƠ HỘI LỚN CHO CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN ĐẦU TƯ VÀO NĂNG LƯỢNG SẠCH

Việt Nam là một quốc gia đang phát triển với nguồn cung sản xuất điện chủ yếu là thủy điện và nhiệt điện dựa vào các nhiên liệu hữu hạn trong tự nhiên như: than, dầu, khí ga tự nhiên hay Hydro. Một phần nhỏ còn lại là nhập khẩu điện và nguồn năng lượng tái tạo. Chính vì sự phụ thuộc lớn vào các yếu tố hữu hạn và liên quan tới thời tiết nên nguồn cung điện của Việt Nam chưa thật sự phong phú, các nguồn năng lượng cung cấp điện bị giới hạn.

- Đây chính là cơ hội lớn cho các nhà máy điện đầu tư và khai thác nguồn năng lượng tái tạo, đầu tư vào các nguồn năng lượng mới như nguồn năng lượng tái tạo như gió và mặt trời tỏ ra có hiệu quả đối với một quốc gia có nhiều điều kiện thuận lợi về địa lý như Việt Nam. Theo đó, chiến lược phát triển năng lượng trong thời gian tới là sản lượng điện tái tạo chiếm khoảng 5% tổng nguồn điện (tương ứng 2.400MW vào năm 2020).

- Trong đó, phát triển năng lượng tái tạo sẽ được ưu tiên nhằm tăng tỉ lệ các nguồn năng lượng mới và tái tạo chiếm khoảng 3% tổng năng lượng thương mại sơ cấp vào năm 2010 và 11% vào năm 2050.

- Việt Nam có các điều kiện thuận lợi khi phát triển nguồn năng lượng sạch với một vị trí địa lý thuận lợi so với các quốc gia khác trong khu vực. Việt Nam nằm trong khoảng 80 - 230 vĩ độ Bắc thuộc khu vực nhiệt đới gió mùa, có 3000km bờ biển, mỗi năm có 2 mùa gió chính là Đông Bắc và Đông Nam. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới WB, vùng có tiềm năng gió tốt chiếm khoảng hơn 8.6% diện tích lãnh thổ để xây dựng các trạm điện gió cỡ lớn. Trong khi đó, số liệu này ở Campuchia là 0.2%, Thái Lan 0.2%, Lào là 2.9%. Nếu xét tiêu chuẩn để xây dựng các trạm điện gió cỡ nhỏ phục vụ phát triển kinh tế ở những khu vực khó khăn thì Việt Nam có đến 41% diện tích nông thôn. So sánh với con số này ở 3 quốc gia trên là 6%, 9% và 13%. Tổng tiềm năng điện gió của Việt Nam khoảng 713,000 MW, tương đương 250 lần công suất của thủy điện Sơn La và hơn 13 lần tổng công suất dự báo của ngành Điện năm 2020. Hai vùng giàu tiềm năng về điện gió ở Việt Nam là Sơn Hải (Ninh Thuận) và Mũi Né (Bình Thuận) với

vận tốc trung bình có thể lên tới 6 - 7m/s và gió có xu thế ổn định, số lượng các cơn bão khu vực ít, thích hợp với các trạm điện gió công suất 3 - 3,5 MW.

- Năng lượng mặt trời cũng được vị trí địa lý ưu ái, với cường độ bức xạ mặt trời tương đối cao. Số giờ nắng trung bình khoảng 2000 - 2500 giờ/năm, tổng năng lượng bức xạ mặt trời trung bình khoảng 150kCal/cm². Tiềm năng lý thuyết được các chuyên gia đánh giá khoảng 43,9 tỷ TOE/năm. Trong đó, nhiều nhất phải kể đến khu vực phía Nam, vùng Tây Bắc (Lai Châu, Sơn La...) và vùng Bắc Trung Bộ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh)... Nằm trong khu vực tiềm năng về phát triển ngành điện EVNGENCO 3 sẽ là đối tác chiến lược cho các doanh nghiệp muốn đầu tư vào ngành điện tại Việt Nam.



NGÀNH ĐIỆN LUÔN ĐƯỢC NHÀ NƯỚC COI LÀ MỘT NGÀNH THEN CHỐT, TRỌNG ĐIỂM

- Một nền kinh tế phát triển phải gắn với sự phát triển của ngành năng lượng quốc gia, nhằm đảm bảo cung cấp đủ nguồn điện cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế. Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật đó, khi ngành điện luôn được coi là một ngành then chốt, trọng điểm và nhận được rất nhiều sự quan tâm của Nhà nước. Trong những năm vừa qua, tốc độ tăng trưởng tiêu thụ điện của Việt Nam ngày càng cao và có xu hướng gấp đôi tốc độ tăng trưởng GDP, điều đó cho thấy Việt Nam đang trên đà phát triển ngày càng mạnh mẽ. Tuy nhiên, sự tăng trưởng cao cũng đặt ra bài toán cần có một chiến lược lâu dài ổn định. Các chính sách đưa ra cần nâng cao hiệu quả sử dụng điện năng, giảm thiểu tác hại đến môi trường nhằm tránh đi ngược lại với xu hướng của thế giới. Mỹ và Trung Quốc, 2 quốc gia có lượng thải CO₂ lớn nhất thế giới, đều cho rằng cần phải tập trung giải bài toán năng lượng, nguyên nhân sâu xa của những bất ổn kinh tế - tài chính.



GIÁ ĐIỆN CÓ XU HƯỚNG TĂNG

- Nguyên nhân của tốc độ tiêu thụ điện tăng mạnh không chỉ bởi nhu cầu phát triển của nền kinh tế mà còn nằm ở giá của sản phẩm. Hiện nay, giá điện ở Việt Nam mặc dù được điều chỉnh tăng dần theo các năm, song việc tăng giá điện sẽ ảnh hưởng rất lớn tới các hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế. Do đó, sự điều chỉnh tăng giá được diễn ra rất thận trọng. Trong năm 2010, giá điện đã được điều chỉnh lần đầu tiên vào 01/03 với mức tăng 6.8% và đang tiếp tục xem xét tăng giá khi Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam đề nghị trong cuối năm nay. Hiện tại, giá điện của Việt Nam đang ở mức 1058 VND/kWh, tương đương 5,3 cent/kWh, trong khi để có lãi mức giá bình quân phải trên 8 cent/kWh. Chính vì vậy việc tăng giá điện là nhu cầu và cũng là điều chắc chắn trong các năm tới.

- Vùng Tây Bắc (Lai Châu, Sơn La...) và vùng Bắc Trung Bộ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh)... Nằm trong khu vực tiềm năng về phát triển ngành điện EVNGENCO 3 sẽ là đối tác chiến lược cho các doanh nghiệp muốn đầu tư vào ngành điện tại Việt Nam.



PHÂN TÍCH SWOT TỔNG CÔNG TY



LỢI THẾ

• EVNGENCO 3 hiện đang thuộc nhóm các đơn vị cung cấp điện chính cho Việt Nam. Các nhà máy của EVNGENCO 3 đều hoạt động ổn định nằm trong các khu vực trung tâm trọng điểm của lưới điện quốc gia, vị trí địa lý thuận lợi, tập trung chủ yếu khu vực miền Nam cửa ngõ kinh tế của Việt Nam - khu vực có nhu cầu sử dụng điện cao.

• Việc sở hữu các nhà máy đã hoàn thành và phát điện ổn định hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mới. Đồng thời, trong điều kiện các yếu tố khác đạt được yêu cầu, việc đầu tư vào EVNGENCO 3 và sở hữu các nhà máy đã phát điện sẽ giúp các nhà đầu tư tránh khỏi rủi ro trong quá trình xây dựng và chạy thử. Đồng thời, có đầy đủ số liệu và cơ sở đánh giá được tính hiệu quả theo số liệu lịch sử qua các năm 2013-2018.

• EVN là cổ đông lớn của EVNGENCO 3. Với kinh nghiệm đầu tư, quản lý, vận hành hệ thống điện toàn quốc và khả năng cân đối tài chính trong các đơn vị, trong giai đoạn đầu của Công ty cổ phần và đặc biệt là trong việc chuyển giao các giai đoạn của thị trường điện cạnh tranh, EVNGENCO 3 có thể nhận được sự hỗ trợ trong công tác quản lý, điều hành và tài chính từ EVN.

• EVNGENCO 3 có đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm trong việc quản lý, vận hành các nhà máy. Lao động trẻ, trong độ tuổi vàng nên có lợi thế trong việc tiếp cận và ứng dụng các kiến thức, công nghệ tiên tiến, hiện đại...; có nhiều năm kinh nghiệm về chuyên môn, quản lý; được đào tạo, quy hoạch cán bộ nguồn để sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ được giao.



KHÓ KHĂN

• Nhiên liệu hóa thạch (than, dầu, khí) chiếm tỷ trọng lớn: Các nhà máy của EVNGENCO 3 chủ yếu dùng nhiên liệu hóa thạch (chiếm 82%). Các mô hình nhà máy điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch không phải là xu hướng đầu tư của các nước phát triển, các nhà đầu tư có thể gặp khó khăn nhất định trong việc quyết định đầu tư vào các loại hình nhà máy này.

• Tình hình tài chính chưa thực sự tốt và hấp dẫn: Các chỉ số tài chính của EVNGENCO 3 hiện nay cho thấy sự mất cân đối về vốn. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu quá cao do các dự án đầu tư chủ yếu sử dụng nguồn vốn vay. Bên cạnh đó, hiệu quả sinh lời từ hoạt động sản xuất kinh doanh của EVNGENCO 3 chỉ ở mức trung bình thấp.

• Hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô hay yếu tố thời tiết: Một trong những ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của EVNGENCO 3 là biến động tỷ giá, lãi suất. Việc hệ số nợ cao (chủ yếu là các khoản vay nước ngoài) và nhận nợ, trả nợ bằng ngoại tệ (JPY, USD) tác động rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của EVNGENCO 3. Ngoài ra, các nhà máy thủy điện chịu tác động lớn bởi tình hình thời tiết, thủy văn, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

CƠ HỘI

Thị trường điện cạnh tranh đang hình thành tạo cơ hội lớn cho EVNGENCO 3. Với việc đưa thị trường bán buôn điện cạnh tranh vào vận hành chính thức từ năm 2019, tiến tới vận hành thị trường bán lẻ cạnh tranh, EVNGENCO 3 đang đứng trước cơ hội và thách thức của việc thay đổi giá bán điện và tình hình kinh doanh trong giai đoạn 2019 trở đi.

- Nhu cầu phụ tải khu vực phía Nam luôn có xu hướng tăng cao trong khi các nhà máy điện đầu tư mới chưa đáp ứng kịp.
- Các nhà máy mới nếu được đầu tư hiệu quả sẽ mang lại cơ hội tăng trưởng cho EVNGENCO 3. Hiện nay, EVNGENCO 3 cũng đang thực hiện nghiên cứu đầu tư 04 dự án mới (điện mặt trời, tuabin khí CTHH sử dụng LNG) với tổng công suất dự kiến là 1.335 MW, sẽ được đầu tư trong giai đoạn 2019-2024. Nếu đầu tư hiệu quả các dự án này, EVNGENCO 3 sẽ có cơ hội tăng trưởng tốt sau giai đoạn 2025.



Phát triển mô hình dịch vụ sửa chữa, vận hành các nhà máy điện

Sự phát triển nguồn điện đến năm 2030 theo Quy hoạch điện VII hiệu chỉnh là rất lớn, theo đó nhu cầu về DVSC thuê, vận hành thuê NMD, đặc biệt là NMD chạy than công suất lớn sẽ tăng trưởng rất cao. Bên cạnh đó, công tác DVSC NMD tập trung còn là mục tiêu của EVN nhằm khắc phục được những hạn chế về công nghệ, chi phí sửa chữa, hiệu quả công tác đào tạo và sử dụng lao động. EVNGENCO 3 đã thành lập công ty EPS để đón bắt cơ hội này.

Chủ động nguyên liệu đầu vào

Về nhiên liệu than

Trong những năm gần đây, nhu cầu than có sự tăng lên đáng kể, từ mức 10 triệu tấn ở năm 2002 đã tăng hơn 3,5 lần lên mức tiêu thụ 35,5 triệu tấn vào năm 2014. Trong đó ngành điện là ngành tiêu thụ than nhiều nhất, chiếm khoảng 50% tổng sản lượng than tiêu thụ.

Trong tương lai, khi các nhà máy điện chủ động trong quá trình nhập khẩu than làm nguyên liệu sản xuất sẽ giúp doanh nghiệp đảm bảo nhiên liệu cho sản xuất được liên tục.

Sự tiến bộ trong công nghệ sản xuất than đã có những bước tiến rất xa trong việc cải tiến chất lượng than giúp các thông số của lò hơi và tua bin lần lượt từ cấp: Tới hạn (Subcritical), Siêu tới hạn (Supercritical), Trên siêu tới hạn (Ultra-supercritical - USC) và Trên siêu tới hạn tiên tiến (Advanced Ultra-supercritical - A-USC). Việc sử dụng than nhập khẩu theo tiêu chuẩn chất lượng quốc tế có thể giúp tăng được hiệu suất hơn 3% và giảm 3 lần lượng phát thải khí CO₂ (từ 1.800 g/kWh xuống còn dưới 600 g/kWh).

Ngoài ra, việc tái chế tro xỉ nhà máy nhiệt điện than ngày càng được tăng cường. Theo "World Wide Coal Combustion Products Networks", từ năm 2010, tỷ lệ tái sử dụng tro xỉ của các nhà máy điện than tại các nước đã đạt mức bình quân 53,5%. Đến nay, các tiến bộ kỹ thuật đang cho phép sử dụng nhiều hơn tro xỉ của các nhà máy điện than.

THÁCH THỨC

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu hóa thạch bị tác động lớn bởi giá nguyên liệu đầu vào. Mặc dù, về cơ bản giá nguyên liệu đầu vào được phản ánh vào giá bán điện của EVNGENCO 3, tuy nhiên, về mặt dài hạn, việc phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu cung cấp và với việc thị trường điện cạnh tranh đi vào vận hành, EVNGENCO 3 có thể đối diện với vấn đề nguyên liệu.

EVNGENCO 3 phải cạnh tranh trực tiếp với các đơn vị phát điện trên thị trường. Việc thị trường điện cạnh tranh đi vào vận hành cùng với các đơn vị phát điện lớn trên thị trường như EVNGENCO 1, 2, PVPower, nhu cầu tiêu thụ điện lớn tập trung ở miền Nam, EVNGENCO 3 sẽ phải cạnh tranh về giá và yếu tố liên quan với các nhà đầu tư khác để phát điện.

EVNGENCO 3 phải cạnh tranh nguồn nhân lực chất lượng cao với các Tập đoàn, Tổng Công ty trong và ngoài nước.

Trong quá trình sản xuất, kinh doanh của EVNGENCO 3; do nhu cầu đầu tư và xây dựng các dự án lớn nên Tổng công ty phải huy động vốn từ nhiều nguồn; trong đó việc vay vốn trong nước bị khống chế tỷ lệ, thời hạn và lãi suất nên EVNGENCO3 phải huy động thêm các nguồn vốn nước ngoài. Và dù Ngân hàng Nhà nước đã có chính sách điều hành tỷ giá ổn định, nhưng trên thực tế, biến động của các đồng ngoại tệ, đặc biệt là chênh lệch tỷ giá USD khiến lỗ tỷ giá của công ty vẫn đang ở mức cao.

Năm 2018, sự biến động và chênh lệch tỷ giá đã gây ra nhiều bất ổn cho thị trường. Trong đó, các đơn vị trực tiếp bị ảnh hưởng ngoài EVNGENCO3 còn có các công ty thuộc ngành dầu khí (PVN, PVT, GAS...), hàng không (ACV, HVN...), vận tải biển (VOS, VNA, VTO...) cùng các đơn vị tham gia xây dựng hạ tầng...với tổn thất lên đến hàng tỷ đồng.





CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TỔNG CÔNG TY

Chiến lược của EVNGENCO 3 sẽ gắn với mục tiêu để trở thành một đơn vị phát điện hàng đầu trong nước và khu vực. Điều này chỉ có thể đạt được thông qua thực hiện đồng bộ các sáng kiến tập trung vào các lĩnh vực: Nâng cao năng lực quản lý, tái cấu trúc tài chính, thúc đẩy giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng NSLĐ, gia tăng công suất nguồn năng lượng xanh và bền vững.



MỤC TIÊU



NHỮNG GÌ CHÚNG TÔI MUỐN ĐẠT ĐƯỢC

- Vận hành các tổ máy an toàn, tin cậy, kinh tế
- Đảm bảo tham gia hiệu quả thị trường điện
- Thúc đẩy các giải pháp sản xuất, sửa chữa tối ưu và tiết kiệm chi phí
- Phát triển các dự án đầu tư nguồn điện mới hiệu quả mang lại lợi nhuận cao nhất cho cổ đông
- Nâng cao chất lượng quản trị nguồn nhân lực

UỖ TIÊN HÀNG ĐẦU

- Vận hành đạt và vượt sản lượng điện kế hoạch với hiệu quả kinh tế cao nhất
- Cải thiện hiệu suất và doanh thu sản xuất điện
- Nâng cao hiệu quả kinh doanh dịch vụ sửa chữa
- Lành mạnh hóa tình hình tài chính
- Tham gia đầu tư các dự án mới với các đối tác theo mô hình dự án
- Tìm kiếm nguồn và phát triển, đa dạng hóa nhân lực tài năng
- Chuyển đổi sang văn hóa hiệu suất cao

SỐ LƯỢNG ĐO LƯỜNG MỤC TIÊU

- Sản lượng điện sản xuất hàng năm
- Lợi nhuận thị trường điện
- Số liệu đo lường các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật
- Chi phí cho mỗi đơn vị điện sản xuất
- Công suất đầu tư dự án mới
- Các chỉ số hiệu quả tài chính
- Điểm KPIs của nhân viên
- Phát triển nhân lực tài năng nội bộ

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

- Không cung cấp được nguồn điện bền vững, tin cậy và an toàn
- Không có khả năng đảm bảo nhiên liệu cho sản xuất
- Không có khả năng đáp ứng kỳ vọng ngày càng tăng của cổ đông
- Không có khả năng tối đa giá trị đầu tư



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TỔNG CÔNG TY



GIA TĂNG CÔNG SUẤT NGUỒN NĂNG LƯỢNG XANH

Những năm gần đây, khái niệm năng lượng xanh (sạch) đã không còn xa lạ với nhiều nước trên thế giới. Trong thời gian qua, nguồn năng lượng truyền thống được khai thác chủ yếu là dầu khí, than đá và điện nhưng chỉ trong một vài năm tới, các nguồn năng lượng này sẽ dần cạn kiệt và không thể đảm bảo lâu dài cho ngành năng lượng Việt Nam. Trong khi đó, tình trạng lãng phí năng lượng trong sản xuất công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải ở nước ta diễn ra khá phổ biến và nhu cầu tiêu thụ năng lượng ngày càng gia tăng. Theo Quy hoạch điện 7 điều chỉnh, Việt Nam sẽ phải nhập khẩu năng lượng. Trước tình hình trên, phương thức chuyển đổi từ năng lượng hóa thạch sang năng lượng xanh ngày càng trở nên cấp bách.



Năng lượng mặt trời

Với điều kiện về địa lý, khí hậu, Việt Nam được đánh giá là nước có tiềm năng để phát triển nguồn năng lượng tái tạo, có khả năng thay thế nguồn năng lượng hóa thạch, giảm thiểu tác động tới môi trường.

Việt Nam có tiềm năng về năng lượng gió khá lớn, với đường biển trải dài khiến lưu lượng gió dồi dào, tổng tiềm năng ước đạt 513.360 MW. Về năng lượng mặt trời, với lợi thế là một trong những nước nằm trong dải phân bố ánh sáng mặt trời nhiều nhất trong năm trên bản đồ bức xạ của thế giới, Việt Nam có rất nhiều thuận lợi để khai thác nguồn năng lượng này. Ngoài ra, có một dạng năng lượng tái tạo nữa mà chúng ta vẫn chưa tận dụng được đó là năng lượng sinh khối như: mùn cưa, các chất thải nông nghiệp (rơm, phân chuồng, chất thải thực vật...). Việc nghiên cứu phát triển nguồn vật liệu và năng lượng sinh khối tạo ra những dạng năng lượng, vật liệu sạch, sẽ góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, vừa bảo vệ môi trường, vừa thu ngoại tệ từ xuất khẩu năng lượng, bán quota giảm phát thải

khí CO₂ để tái đầu tư. Mặc dù nhiều tiềm năng, song việc phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta chưa thật sự tương xứng với tiềm năng sẵn có.

Theo đánh giá của các chuyên gia, mỗi năm, chúng ta mất hơn tỷ USD do không khai thác và sử dụng những nguồn năng lượng tái tạo như gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối... Để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tham gia vào việc phát triển năng lượng tái tạo, Chính phủ đã hình thành khung chính sách quy định một số cơ chế chính sách tài chính đối với những dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch như Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 2005; Luật Điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012; Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2010; Chiến lược quốc gia về Bảo vệ môi trường đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg quy định một số cơ chế chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (CDM)...



Đặc biệt, trong Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã đề ra mục tiêu phát triển đồng bộ và hợp lý hệ thống năng lượng: điện, dầu khí, than, năng lượng mới và tái tạo trong đó, quan tâm phát triển năng lượng sạch, ưu tiên phát triển năng lượng mới và tái tạo nhằm đảm bảo cung cấp đủ năng lượng cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể, Việt Nam phấn đấu đến năm 2030 năng lượng tái tạo sẽ đạt 6% trong tổng điện năng sản xuất, dự kiến tăng sản lượng lên 13 nghìn MW từ nguồn năng lượng tái tạo trong giai đoạn từ nay đến năm 2030. Đến năm 2025, sản lượng ethanol và dầu thực vật đạt 1,8 triệu tấn, đáp ứng khoảng 5% nhu cầu xăng dầu trong cả nước. Chủ trương thúc đẩy phát triển nguồn năng lượng tái tạo của Nhà nước đã tạo đòn bẩy cho việc triển khai các dự án đầu tư vào năng lượng sạch.

Chính sách phát triển năng lượng sạch của Nhà nước cũng khuyến khích sản xuất, giảm thuế nhập khẩu các thiết bị năng lượng tái tạo như hầm ủ biogas, tua bin gió, xây dựng quỹ hỗ trợ đầu tư nghiên cứu khảo sát phát triển năng lượng tái tạo. Các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước được phép đầu tư về vốn, công nghệ để xây dựng dự án năng lượng sạch tại Việt Nam đi kèm với việc được hưởng ưu đãi về thuế, tiền thuê đất, tín dụng đầu tư của Nhà nước... Phát triển nguồn năng lượng sạch thay thế cho nguồn năng lượng hóa thạch, tăng cường sử dụng hiệu quả năng lượng trong sản xuất và tiêu dùng chính là chìa khóa giải quyết bài toán ô nhiễm môi trường, tiết kiệm được nguồn ngoại tệ đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, cũng như giảm sự phụ thuộc vào dầu mỏ, đảm bảo an ninh lương thực và hướng đến nền kinh tế carbon thấp.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TỔNG CÔNG TY



Nhiên liệu khí LNG

Hiện nay nguồn khí cung cấp cho các dự án NMNĐ Turbine cho chu trình hỗn hợp khu vực Phú Mỹ, Bà Rịa, Nhơn Trạch,... không còn đủ và cần xem xét phương án bổ sung bằng nguồn LNG. Do vậy việc tìm kiếm, bổ sung xây dựng nguồn điện tại các khu vực miền Nam trong giai đoạn đến năm 2030 là cần thiết.

Hơn thế nữa khi các công trình phát triển nguồn điện của miền Nam như các Nhà máy điện hạt nhân, nhà máy nhiệt điện than Bạc Liêu bị dừng hoặc đẩy lùi tiến độ thi công dự án NMNĐ sử dụng khí LNG có các điều kiện thuận lợi về địa điểm, cơ sở hạ tầng, cảng biển, khả năng nhập nhiên liệu... sẽ góp phần đáng kể vào việc giảm thiểu hụt nhiên liệu khí cho các nhà máy điện (NMĐ) chạy khí hiện hữu tại miền Nam nói riêng, cũng như giảm sự căng thẳng vận hành hệ thống truyền tải 500kV Bắc - Nam.

Việc tìm kiếm để bổ sung xây dựng nguồn điện tại các khu vực miền Nam trong giai đoạn đến năm 2030 để thay thế các nguồn điện dừng hoặc chậm tiến độ là cần thiết. Các nguồn nhiệt điện sử dụng nhiên liệu là khí đốt có những ưu điểm để đóng vai trò này, như sau:

- Khí thải của của nhà máy điện TBKHH dễ xử lý hoặc không cần xử lý mà vẫn đạt yêu cầu trước khi thải ra môi trường.

- Phát thải CO₂ thấp hơn nhiều so với nhà máy nhiệt điện than do hiệu suất nhà máy điện turbine khí chu trình hỗn hợp (TBKHH) cao (trên 60%, trong khi nhà máy điện than khoảng 40%); và do thành phần carbon trong nhiên liệu khí đốt tự nhiên thấp hơn trong nhiên liệu là than.
- Đáp ứng các điều kiện vay vốn của các tổ chức trên thế giới như đã trình bày ở trên.
- Nhà máy TBKHH có thời gian khởi động đưa vào vận hành nhanh hơn nhà máy nhiệt điện than, đặc biệt là các turbine khí.
- Nhà máy đáp ứng được yêu cầu chạy nền và chạy lưng cho hệ thống điện.
- Nhu cầu sử dụng đất thấp khi so sánh với các nguồn điện khác.
- Thời gian xây dựng nhanh, khoảng từ 34 - 36 tháng. Trên cơ sở phân tích tính khả thi dự án thì việc Tổng Công ty nghiên cứu TTĐL Long Sơn có các điều kiện thuận lợi về địa điểm, cơ sở hạ tầng, cảng biển, khả năng nhập nhiên liệu, dễ tìm kiếm nguồn tài chính,... sẽ góp phần đáng kể vào việc giảm thiểu hụt nhiên liệu khí cho các nhà máy điện (NMĐ) chạy khí hiện hữu tại miền Nam nói riêng, cũng như giảm sự căng thẳng vận hành hệ thống truyền tải 500kV Bắc - Nam.



Hiện nay, các nhà máy điện thuộc EVNGENCO 3 có tổng công suất lắp đặt 6304 MW tương đương khoảng 16% tổng công suất lắp đặt của hệ thống điện quốc gia với sự phân bố đồng đều trong cơ cấu: điện khí, điện than và thủy điện. Năng lượng tái tạo mà trước tiên là điện mặt trời sẽ là lĩnh vực được EVNGENCO 3 tập trung đầu tư triển khai trong những năm tới.

Trong năm 2018, ngoài các lĩnh vực điện truyền thống, EVNGENCO 3 tiếp tục xúc tiến công tác đầu tư xây



dựng các dự án điện mặt trời gồm: dự án điện mặt trời tại các hồ thủy điện Buôn Kuốp (50 MW), Srêpôk (50 MW) thuộc tỉnh Đắk Lắk và dự án điện mặt trời Ninh Phước 7 (200 MW) thuộc tỉnh Ninh Thuận. Đồng thời, EVNGENCO 3 triển khai các thủ tục đầu tư dự án Trung tâm Điện lực Long Sơn sử dụng khí đốt hóa lỏng (LNG) tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đây là hướng đầu tư thể hiện sự nhanh nhạy của lãnh đạo EVNGENCO 3 trong lúc Chính phủ đang khuyến khích phát triển các nguồn điện mới, nhất là là năng lượng tái tạo.



Trong suốt quá trình đầu tư xây dựng và quản lý vận hành, EVNGENCO 3 luôn chú trọng, đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, thực hiện nghiêm các quy định của Pháp luật về môi trường cũng như các nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường ĐTM, giấy phép khai thác và sử dụng nước mặt, giấy phép xả thải... EVNGENCO 3 đã và đang quản lý vận hành hiệu quả các hệ thống xử lý nước thải, khí thải, thực hiện phân loại lưu giữ rác thải, chất thải cũng như



các công tác quan trắc giám sát online. Nhận thức việc bảo vệ môi trường là nhiệm vụ quan trọng, vì vậy ngoài việc thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các hệ thống, đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về môi trường, EVNGENCO 3 còn xây dựng kế hoạch thực hiện các giải pháp chiến lược bảo vệ môi trường, trong đó quán triệt chủ trương lắp đặt các hệ thống quan trắc, giám sát online cho tất cả các nguồn thải.



ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Phấn đấu đến năm 2025, Tổng Công ty phát điện 3 trở thành doanh nghiệp năng lượng hàng đầu trong nước và khu vực Đông Nam Á (về năng suất lao động và chất lượng dịch vụ cung cấp), đảm bảo vận hành các nhà máy điện an toàn, tin cậy và ổn định.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các hoạt động quản trị và sản xuất kinh doanh: Tiếp tục triển khai nhân rộng Đề án giải pháp quản lý, lưu trữ thông số vận hành bằng phần mềm nhật ký vận hành điện tử thay cho việc lưu trữ bằng bản cứng: Đã thực hiện triển khai áp dụng giải pháp quản lý, lưu trữ thông số vận hành bằng phần mềm nhật ký vận hành điện tử thay cho việc lưu trữ bằng bản cứng như hiện nay đối với bản ghi thông số thiết bị và sổ nhật ký vận hành/ sổ giao ca tại Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ. Đang tiếp tục triển khai nhân rộng các đơn vị phát điện trực thuộc còn lại: Công ty NĐ Mông Dương, Vĩnh Tân; Công ty TĐ Buôn - Kuốp.

- Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện Đề án thành lập Trung tâm vận hành tập trung cho các nhà máy thủy điện: Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah và Srêpok 3 của CTTĐ Buôn Kuốp và thí điểm triển khai thực hiện trong thời gian tới.

- Nghiên cứu triển khai xây dựng Hệ thống giám sát từ xa theo thời gian thực RMS (Remote Monitoring System), hỗ trợ quyết định phương án vận hành, bảo dưỡng tối ưu để kịp thời chẩn đoán, dự báo, phòng ngừa, ngăn chặn các sự cố. Qua đó, giúp nâng cao năng lực quản trị sản xuất của Tổng Công ty nói chung và Công ty Dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3 nói riêng, sớm hình thành Trung tâm kiểm soát và chuẩn đoán từ xa cho các nhà máy điện thành viên, trong đó:

- + RMS giúp đưa ra các giải pháp ngăn ngừa các vấn đề phát sinh của các hệ thống thiết bị trở nên nghiêm trọng; Tăng tính chủ động, giảm thiểu thời gian công tác sửa chữa bảo dưỡng do dự đoán trước tình trạng thiết bị trước khi xảy ra thiệt hại nghiêm trọng.

- + Giảm thiểu rủi ro và tối ưu chi phí trong công tác vận hành và sửa chữa bảo dưỡng nhà máy điện; Giúp tư vấn và chia sẻ kinh nghiệm kỹ thuật vận hành - sửa chữa cho các nhà máy điện khác.

- Nghiên cứu triển khai xây dựng Đề án ứng dụng CNTT trong công tác quản lý dự án: công tác kiểm soát an toàn và kiểm soát tiến độ dự án từ xa.

- Nghiên cứu triển khai xây dựng Đề án giải pháp tối ưu hóa chi phí và tăng cường năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực thị trường điện.

- Nghiên cứu triển khai xây dựng hoàn thiện Hệ thống quan trắc thủy văn nhằm điều tiết có hiệu quả các hồ chứa, liên hồ chứa thủy điện, sử dụng tối ưu nguồn nước. Đồng thời, ứng dụng CMCN 4.0 để thu thập, nâng cao khả năng phân tích, dự báo các thông tin về khí tượng, thủy văn đáp ứng nhu cầu khai thác hiệu quả tài nguyên nước.

- Nghiên cứu triển khai Đề án xây dựng hồ sơ cơ sở dữ liệu cụ thể nhân sự trong cơ quan TCT để phục vụ cho hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh.



INTERNET OF THINGS (IOT) VÀ BIG DATA

- Đối với sản xuất điện năng thì công nghệ nền tảng là chuyển đổi năng lượng. Tổng Công ty Phát điện 3 hiện đang quản lý vận hành các tổ máy tuabin khí, thủy điện và đặc biệt là nhiệt điện than có công nghệ hiện đại, gam công suất khá lớn từ 540 - 622 MW, sử dụng công nghệ lò PC và CFB. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển không ngừng của khoa học kỹ thuật hiện đại, nhiều giải pháp kỹ thuật đã được nghiên cứu ứng dụng thành công trong lĩnh vực nâng cao công suất và hiệu suất phát điện trong đó có việc nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số trong điều khiển, giám sát nhà máy điện sẽ góp phần nâng cao hiệu suất chung của nhà máy và vẫn đảm bảo được hiệu quả hoạt động, công suất phát.

- Ngoài những tác động trực tiếp lên các công đoạn chính của quá trình sản xuất điện, CMCN 4.0 còn tác động đến các doanh nghiệp nói chung và Tổng Công ty Phát điện 3 nói riêng nguy cơ người lao động hiện hữu sẽ bị dư thừa. Mặt khác, xét về tổng thể, các công việc an toàn và thu nhập cao hơn có thể sẽ gia tăng sau khi công nghệ thay thế dần con người.

- Trong tương lai, năng lực sẽ trở thành nhân tố cốt lõi của nền sản xuất. Tự động hóa cực cao và khả năng siêu kết nối trong ngắn hạn chắc chắn sẽ có tác động đối với lực lượng lao động. Theo đó, một phần lực lượng lao động kỹ năng thấp (chẳng hạn các công nhân trong dây chuyền) vốn đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi tự động hóa cơ bản trong cuộc CMCN lần thứ 3, nay có thể bị ảnh hưởng hơn nữa. Sự ra đời của robot có khả năng di chuyển và tương tác, sẽ giúp các công việc kỹ năng thấp đạt năng suất nhảy vọt. Tuy nhiên, những người bị ảnh hưởng nặng nhất có thể là lực lượng lao động có kỹ năng trung bình. Bởi lẽ sự phát triển của siêu tự động hóa và siêu kết nối, cộng với trí tuệ nhân tạo sẽ tác động đáng kể đến bản chất của các công việc tri thức. Tự động hóa ban đầu sẽ ảnh hưởng đến công việc văn phòng, bán hàng, dịch vụ khách hàng, và các ngành hỗ trợ. Quá trình robot tự động hóa, báo cáo tự động và trợ lý ảo sẽ trở nên phổ biến. Trong lĩnh vực chăm sóc khách hàng có thể không cần sự can thiệp của con người, hầu hết truy vấn khách hàng được trả lời tự động...



VĂN PHÒNG EVNGENCO 3

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị hiện đại – Tiên đề phát triển

Thông tin và hoạt động của Hội đồng quản trị 88

Thông tin và hoạt động của Ban Kiểm soát 94



THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Các hoạt động chính của HĐQT trong năm 2018 (từ ngày 1/10/2018 đến ngày 31/12/2018): 03 tháng cuối năm 2018, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp HĐQT, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT, ban hành 22 Nghị quyết và 30 Quyết định để Tổng Giám đốc và các đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2018.

Về Kế hoạch Sản xuất kinh doanh; Đầu tư xây dựng quý 4/2018 & năm 2019: Tiếp tục chuyển tiếp thực hiện từ công ty TNHH MTV sang CTCP và chỉ đạo Tổng Công ty trình kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2019 để soát xét trình công ty mẹ - EVN.

Ban hành các quy chế quản lý nội bộ và phân cấp trong CTCP:

- HĐQT thống nhất áp dụng 17 QCQLNB do EVN ban hành và 32 QCQLNB do Tổng Công ty xây dựng và ban hành áp dụng.
- HĐQT Tổng công ty -CTCP đã tiến hành rà soát các dự thảo các quy chế quản lý nội bộ và đã ban hành 17 quy chế quy định quan trọng, đáp ứng cho nhu cầu quản trị- điều hành của TCT-CTCP và tiếp tục triển khai đến tháng 5/2019 sẽ ban hành toàn bộ các quy chế quản lý nội bộ.

Về công tác Tổ chức bộ máy

- Duy trì bộ máy hiện hữu của Công ty TNHH MTV, đáp ứng yêu cầu hoạt động ổn định của Tổng Công ty và

chuyển tiếp sang công ty cổ phần.

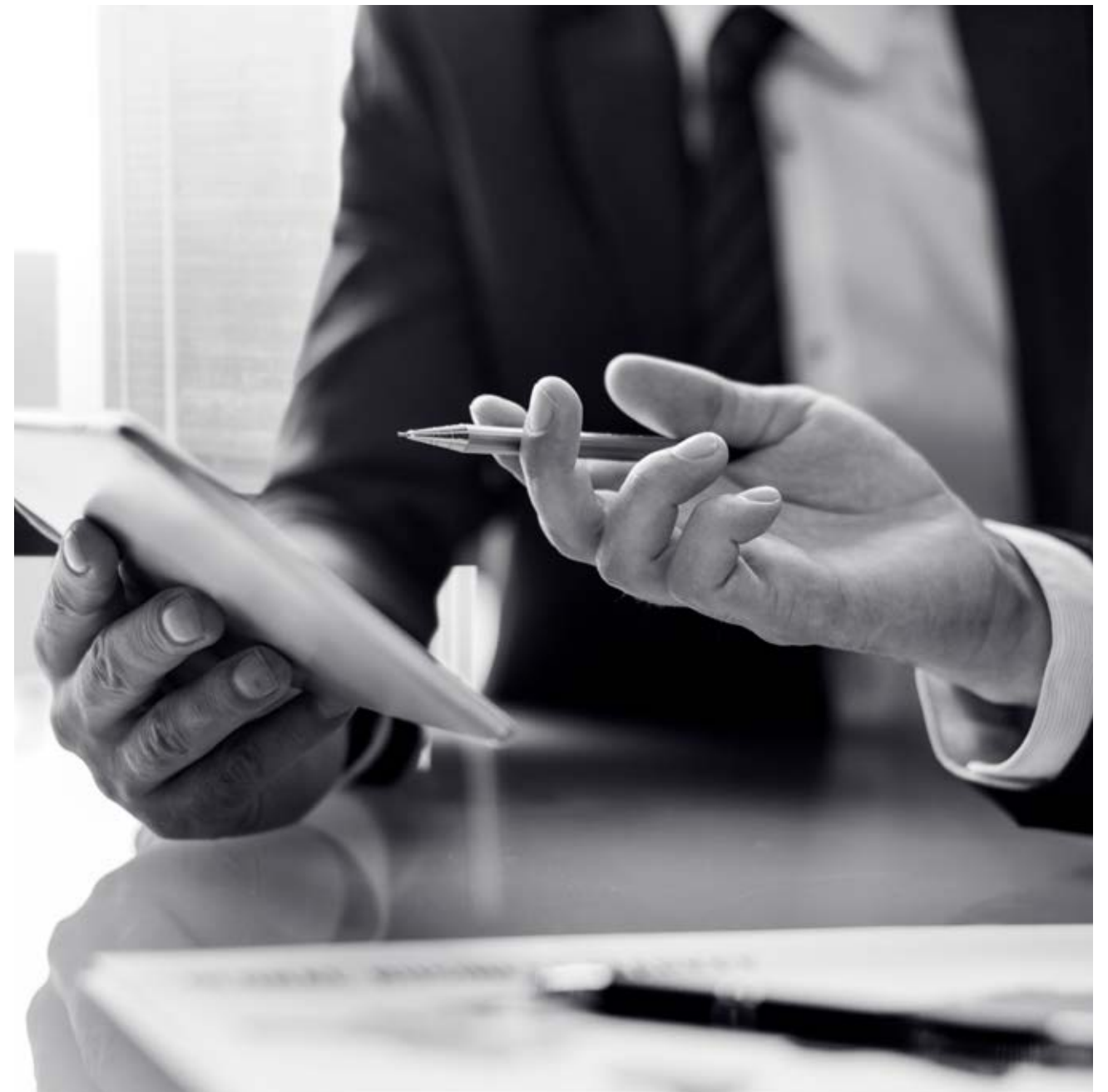
- Đã tiến hành bổ nhiệm các chức danh Phó TGD; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, Trưởng ban, Phó Trưởng ban các ban chức năng của CTCP trên cơ sở chuyển tiếp từ các ban chức năng của công ty TNHH MTV tương ứng. Đối với các đơn vị thành viên thì chuyển tiếp quyền quản lý quản lý điều hành từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần .

- Xây dựng và ban hành Chương trình làm việc quý 4 năm 2018 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

Công tác kiểm toán kiểm soát:

Tiếp tục triển khai thực hiện kiểm soát các đơn vị theo Chương trình kiểm soát năm 2018 của Tổng Công ty (kiểm soát CTCP Thủy điện Thác Bà, Kiểm soát CTCP Nhiệt điện Bà Rịa, kiểm soát công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Ban quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân,

- HĐQT đã xem xét thông qua báo cáo tài chính năm 2017 của các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty.
- HĐQT xem xét thông qua kế hoạch SXKD năm 2019 của các đơn vị có vốn góp của Tổng Công ty tại các CTCP.
- HĐQT đã chỉ đạo để Tổng Công ty xây dựng Đề án đảm bảo nhiên liệu khí cho các Nhà máy điện của Tổng Công ty.
- HĐQT Chỉ đạo triển khai thực hiện công tác quyết toán cổ phần hóa (xử lý chênh lệch tỷ giá) và phương án thoái vốn tại các công ty cổ phần để nâng cao năng lực về tài chính của Tổng Công ty.



- HĐQT đã Xem xét và quyết định 09 nội dung công việc lấy ý kiến thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐQT: (1) Quyết toán công trình đại tu Tổ máy GT 22 Phú Mỹ 2.1; (2) Dự thảo QCQLNB của Tổng Công ty Phát điện 3: Quy định quản lý chi tiêu, Quy định quản lý phân phối và sử dụng các quỹ, Quy chế quyết toán dự án hoàn thành, Quy chế đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Quy chế thi và xếp lương nâng ngạch viên chức chuyên môn nghiệp vụ/Tổng Công ty Phát điện 3-CTCP; (3) Ý kiến về mẫu con dấu của Tổng Công ty Phát điện 3-CTCP; (4) Ý kiến về kéo dài thời gian làm Người đại diện của Tổng Giám đốc CTCP Nhiệt điện Bà Rịa; (5) Dự thảo quy chế công bố thông tin và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của CTCP Thủy điện Thác Bà và Báo cáo tài chính năm 2017 của các Đơn vị; (6) Ý kiến về Gia cung cấp dịch vụ phụ trợ năm 2019 và HĐ sửa đổi bổ sung số 06 HĐ cung cấp dịch vụ phụ trợ NMNĐ Bà Rịa; (7) Thông qua nội

dung biểu quyết tại họp HĐQT lần 4 năm 2018 của CTCP Nhiệt điện Ninh Bình; (8) Cơ cấu con dấu của các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty; (9) Bổ sung ngành nghề kinh doanh cho các Chi nhánh của Tổng Công ty,...

- HĐQT tạo điều kiện thuận lợi nhất để Tổng Giám đốc cũng như Ban điều hành tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của mình theo Điều lệ của Tổng Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông lần đầu và Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT đã kiểm soát thực hiện chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong thực hiện tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định, các Văn bản chỉ đạo của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế quản trị nội bộ đã ban hành; các quy định hiện hành của Tổng Công ty đang áp dụng.



THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung Nghị quyết/ Quyết định
I Nghị quyết			
	01/NQ-HDQT	01/10/2018	Bầu Chủ tịch HDQT Tổng Công ty Phát điện 3-CTCP
	03/NQ-HDQT	01/10/2018	Về triển khai công tác Quý 4 năm 2018, nội dung như sau: Chương trình làm việc Quý 4/2018 và năm 2019 của HDQT và Ban Kiểm soát EVNGENCO3-CTCP Trình Kế hoạch SXKD và Đầu tư năm 2018 và năm 2018 Xây dựng, lập đề án: về nhiên liệu khí cho phát điện đảm bảo nhiên liệu khí cho các Nhà máy điện EVNGENCO 3- CTCP để trình HDQT Tổng công ty Về việc thoái vốn và tái cơ cấu TCT: đối với phương án tái cơ cấu trình HDQT Về chính sách mua sắm vật tư, thiết bị cho sửa chữa: Lập đề án Chính sách mua sắm, sử dụng vật tư, thiết bị sửa chữa trong đó có đề cập việc sử dụng vật tư, thiết bị chính hãng (OEM) và không chính hãng (Non OEM) Về trụ sở làm việc của TCT và ra mắt CTCP
	04/NQ-HDQT	01/10/2018	Về việc tổ chức bộ máy - nhân sự và Quy chế quản lý nội bộ Về tổ chức nhân sự và số lượng nhân sự lãnh đạo tại các Ban: Giao TV HDQT chuyên trách phụ trách Ban KTGS, tuyển chọn nhân sự có kinh nghiệm và chuyên môn bổ sung vào Ban KTGS Quy chế làm việc HDQT của Tổng Công ty Phát điện 3-CTCP Quy chế phân công trong HDQT EVNGENCO 3-CTCP: trình Chủ tịch HDQT (Chủ tịch đã ký Ban hành: 3 TV HDQT thống nhất) Về Ban hành QCQLNB: HDQT thống nhất áp dụng 17 quy chế, và các Ban TH, PC rà soát trình HDQT xin ý kiến theo 03 đợt mỗi đợt khoảng 11 QC
	06/NQ-HDQT	09/10/2018	Về việc kéo dài thời gian làm Người đại diện, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
	07/NQ-HDQT	09/10/2018	Thống nhất áp dụng Quy chế quản lý nội bộ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành EVNGENCO 3- CTCP
	08/NQ-HDQT	09/10/2018	Về việc thông qua Mẫu dấu của Tổng công ty Phát điện -CTCP
	13/NQ-HDQT	25/10/2018	Chương trình làm việc Quý 4 năm 2018 của Hội đồng quản trị
	17/NQ-HDQT	31/10/2018	Thông qua các nội dung biểu quyết tại cuộc họp HDQ định kỳ quý 3/2018 của CTCP Nhiệt điện Bà Rịa, NĐD báo cáo kết quả cuộc họp đến HDQT TCT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung Nghị quyết/ Quyết định
	18/NQ-HDQT	26/10/2018	Về việc ký Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với Công ty tài chính cổ phần Điện lực (Hợp đồng số 081/2018/EVNFC-GENCO3/TGCKH)
	20/NQ-HDQT	06/11/2018	Nghị quyết: về việc thông qua dự toán sửa chữa lớn năm 2019 - Công trình trung tu tổ máy tuabin hơi ST23 của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
	15/NQ-HDQT	30/10/2018	Nghị quyết về việc thông qua kết quả nội dung họp lần 4 năm 2018 Về kế hoạch cung cấp cấp nhiên liệu: Giao ban điều hành trình kế hoạch đảm bảo nhiên liệu (khí, than) cho vận hành các nhà máy điện của Tổng Công ty 5 năm đến có xét đến 10 năm, trình HDQT xem xét và trình đề án thành lập bộ phận mua sắm nhiên liệu Phương án thoái vốn của Tổng Công ty tại các CTCP(rà soát hoàn thiện lại) trình HDQT Dự toán SCL năm 2019 - Công trình trung tu tổ máy tuabin hơi ST23 của CTND Phú Mỹ Công tác quản lý và ban hành QCQLNB của Tổng Công ty - CTCP Ban TH phối hợp với Ban PC xây dựng quy định tiêu chí đánh giá của các Ban TCT để trình HDQT xem xét Xây dựng quy chế phân chia tiền lương cơ quan TCT Xây dựng tiêu chí cử Người lao động đi nước ngoài
	23/NQ-HDQT	14/11/2018	Nghị quyết về việc thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh cho các Chi nhánh của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
	30/NQ-HDQT	26/11/2018	Nghị quyết về việc thông qua mẫu dấu của các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
	32/NQ-HDQT	05/12/2018	Nghị quyết: về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại cuộc họp HDQT lần thứ 4 năm 2018 của CTCP Nhiệt điện Ninh Bình
	1027/NQ-HDQT	13/12/2018	Quyết định: về Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 08 Hợp đồng mua bán điện số 01/2013/HĐ-NMĐ-BK các NMTĐ Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpôk 3
	1011/NQ-HDQT	13/12/2018	Nghị quyết: về việc ký hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với Công ty tài chính cổ phần Điện lực
	53/NQ-GENCO3	16/12/2018	Nghị quyết: về việc thông qua các nội dung biểu quyết Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của CTCP Thủy điện Thác Bà
	1289/NQ-HDQT	28/12/2018	Nghị quyết: v/v thông qua quyết toán công trình đại tu tổ máy GT22 Phú Mỹ 2.1 năm 2017 (chuyển tiếp sang năm 2018) của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
	81/NQ-HDQT	28/12/2018	Nghị quyết: về việc thông qua quyết toán công trình đại tu tổ máy GT22 Phú Mỹ 2.1 năm 2017 (chuyển tiếp sang năm 2018) của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
	71/NQ-GENCO3	28/12/2018	Nghị quyết: v/v Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần và Quy chế quản lý tài chính của Tổng Công ty Phát điện 3- Công ty cổ phần



THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung Nghị quyết/ Quyết định
	75/NQ-GENCO3	28/12/2018	Nghị quyết: v/v ban hành các quy chế QLNB của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (giai đoạn 1)
II Quyết định			
1	002/QĐ-GENCO3	01/10/2018	Quyết định: về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3- Công ty cổ phần
2	003/QĐ-GENCO3	01/10/2018	Về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3-CTCP (Ô. Phan Thanh Xuân)
3	004/QĐ-GENCO3	01/10/2018	Quyết định: về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần (Cao Minh Trung)
4	005/QĐ-GENCO3	01/10/2018	Quyết định: về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần (Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương)
5	006/QĐ-GENCO3	01/10/2018	Quyết định: về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần (Ông Lê Văn Danh)
6	008/QĐ-GENCO3	01/10/2018	Quyết định: về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần (Bà Nguyễn Thị Thanh Hương)
7	009/QĐ-GENCO3	01/10/2018	Quyết định: về việc bổ nhiệm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính Tổng Công ty Phát điện 3- Công ty cổ phần (Ông Phạm Quốc Thái)
8	010/QĐ-GENCO3	01/10/2018	Quyết định: về việc giao nhiệm vụ kiêm nhiệm Trưởng ban Tổng hợp Tổng Công ty Phát điện 3- Công ty cổ phần (Ông Phạm Quốc Thái)
9	021/QĐ-GENCO3	01/10/2018	Quyết định: về việc bổ nhiệm Phó Trưởng ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính Tổng Công ty Phát điện 3- Công ty cổ phần (Ông Lê Quang Toàn)
10	053/QĐ-GENCO3	01/10/2018	Quyết định: về việc bổ nhiệm Phó Trưởng ban Tổng hợp Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần (Ông Trần Văn Lễ)
11	190/QĐ-GENCO3	01/10/2018	Quyết định: về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
12	771/QĐ-GENCO3	27/11/2018	Quyết định: về việc cử cán bộ nghỉ phép đi nước ngoài (Ông Văn Thiên Nhân)
13	889/QĐ-GENCO3	05/12/2018	Quyết định: về việc Phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
14	1062/QĐ-GENCO3	16/12/2018	Quyết định phê duyệt báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2017 của Tổng Công ty phát điện 3
15	1192/QĐ-GENCO3	25/12/2018	Quyết định: v/v cử cán bộ đi công tác nước ngoài (Ông Phan Thanh Xuân)
16	60/QĐ-GENCO3	28/12/2018	Quyết định phê duyệt BCTC năm 2017 ND Thủ Đức.
17	61/QĐ-GENCO3	28/12/2018	Quyết định phê duyệt BCTC năm 2017 ND Phú Mỹ.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung Nghị quyết/ Quyết định
18	62/QĐ-GENCO3	28/12/2018	Quyết định phê duyệt BCTC năm 2017 ND Mông Dương.
19	63/QĐ-GENCO3	28/12/2018	Quyết định phê duyệt BCTC năm 2017 của Công ty EPS.
20	64/QĐ-GENCO3	28/12/2018	Quyết định phê duyệt BCTC năm 2017 ND Vĩnh Tân
21	65/QĐ-GENCO3	28/12/2018	Quyết định phê duyệt BCTC năm 2017 của Công ty TĐ Buôn Kướp
22	66/QĐ-GENCO3	28/12/2018	Quyết định phê duyệt BCTC năm 2017 của Ban AVT
23	67/QĐ-GENCO3	28/12/2018	Quyết định thông qua BCTC năm 2017 của Ban ANĐ1
24	69/QĐ-GENCO3	28/12/2018	Quyết định: về việc ban hành Quy chế công bố thông tin
25	72/QĐ-GENCO3	28/12/2018	Quyết định: v/v Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
26	73/QĐ-GENCO3	28/12/2018	Quyết định: v/v ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
27	76/QĐ-GENCO3	28/12/2018	Quyết định: v/v ban hành Quy định quản lý, phân phối và sử dụng các quỹ của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
28	77/QĐ-GENCO3	28/12/2018	Quyết định: v/v ban hành Quy chế quyết toán dự án hoàn thành trong Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
29	78/QĐ-GENCO3	28/12/2018	Quyết định: v/v ban hành Quy chế đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Tổng Công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần
30	79/QĐ-GENCO3	28/12/2018	Quyết định: v/v ban hành Quy chế thi và xếp lương nâng ngạch viên chức chuyên môn nghiệp vụ trong Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
31	80/QĐ-GENCO3	28/12/2018	Quyết định: v/v ban hành Quy định quản lý chi tiêu và hạch toán kế toán áp dụng tại Cơ quan Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần

THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014-QH13, Điều lệ và Quy chế quản trị Tổng công ty được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông lần đầu vào ngày 17/9/2018.

Ngoài ra, hoạt động của Ban kiểm soát còn chịu sự chi phối của Quy chế về công tác Kiểm toán nội bộ, Giám sát tài chính và kiểm soát trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 44/QĐ-EVN ngày 13/02/2018.

Hiện Ban kiểm soát đang soạn thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và lấy ý kiến các thành viên Ban kiểm soát sau đó lấy ý kiến Hội đồng quản trị và thống nhất ban hành.

Kế hoạch kiểm soát năm 2018 do Chủ tịch HĐQT EVN ban hành theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐTV ngày 26/01/2018. Ban kiểm soát (giai đoạn 9 tháng đầu năm là Kiểm soát viên) đã thực hiện với những hoạt động chính như sau:

- Thường xuyên theo dõi, kiểm soát việc chấp hành chế độ, chính sách của Nhà nước, việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng thành viên, các Quy chế, Quy định, Chỉ thị của Tập đoàn, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần đầu tại Tổng Công ty. Kết quả, Tổng Công ty chấp hành tốt chế độ, chính sách của Nhà nước và chấp hành, thực hiện tốt các Nghị quyết, các Quy chế, Quy định, Chỉ thị của Tập đoàn và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

- Giám sát việc công bố thông tin của Tổng Công ty theo quy định hiện hành.

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm soát trực tiếp 03/03 cuộc kiểm soát tại các đơn vị gồm:

- + Kiểm soát công tác sửa chữa lớn tại Công ty Thủy điện Buôn Kuốp;

- + Phúc tra việc tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm soát viên trong đợt kiểm soát công tác quản lý nhiên liệu tại Công ty Nhiệt điện Mông Dương và tại Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân;

- + Kiểm soát việc thực hiện nghĩa vụ của Người đại diện (NĐD), Kiểm soát viên (KSV) do Tổng công ty Phát điện 3 cử tại CTCP Nhiệt điện Bà Rịa và thông qua NĐD kiểm soát các mặt hoạt động của CTCP Nhiệt điện Bà Rịa.

- Tham gia giám sát kiểm toán độc lập trong việc thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính Tổng Công ty và các Đơn vị thành viên năm 2017.

- Thẩm định Báo cáo quyết toán lương sản xuất điện năm 2017 của Tổng công ty trình EVN phê duyệt.

- Thẩm định Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017.

- Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2017 của Tổng công ty đã được kiểm toán.

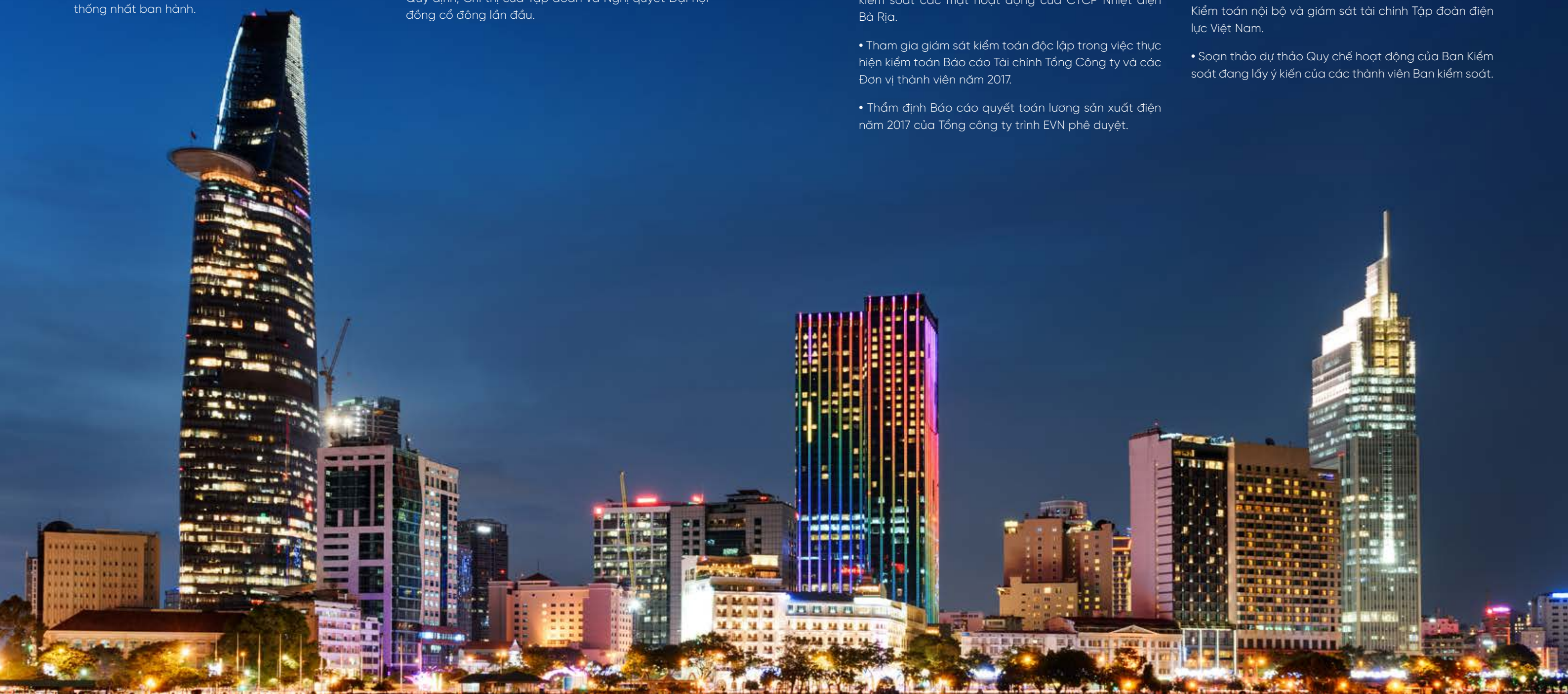
- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 của Tổng công ty.

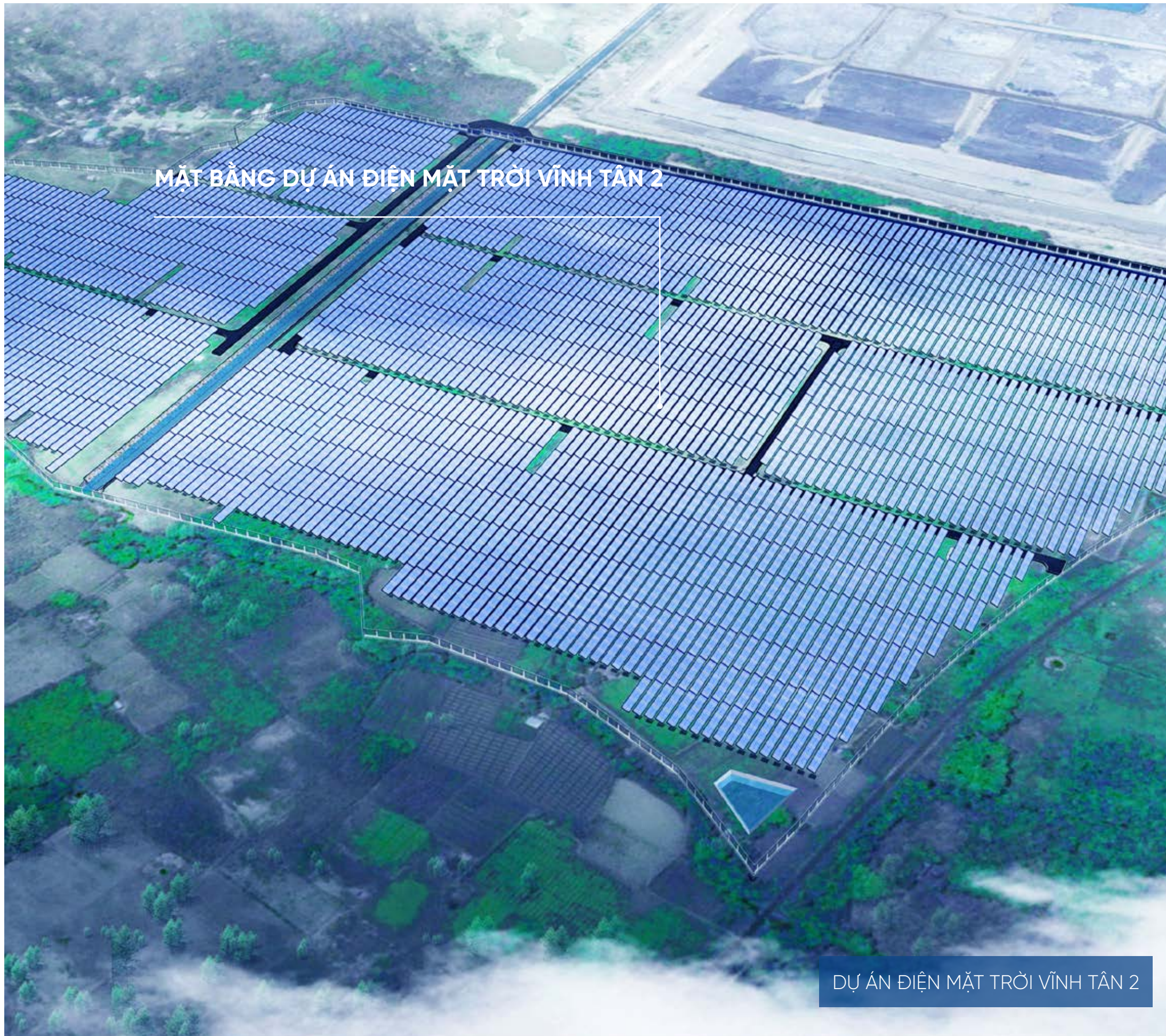
- Thẩm định Kế hoạch quỹ tiền lương sản xuất điện năm 2018 của Tổng công ty.

- Báo cáo tất cả kết quả thẩm định các báo cáo trên và kết quả các cuộc kiểm soát về Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Thực hiện giám sát và Báo cáo kết quả giám sát thường xuyên quý 1, quý 2 và quý 3 năm 2018 gửi Ban Kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Soạn thảo dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đang lấy ý kiến của các thành viên Ban kiểm soát.





MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐIỆN MẶT TRỜI VĨNH TÂN 2

DỰ ÁN ĐIỆN MẶT TRỜI VĨNH TÂN 2

06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu về báo cáo phát triển bền vững

EVNGENCO 3 nhận nhận “Báo cáo phát triển bền vững” là cơ hội để doanh nghiệp và các nhà đầu tư tương tác với nhau chủ động hơn. Chúng tôi tin rằng Báo cáo phát triển bền vững là xu hướng tất yếu để tăng cường tính minh bạch và hướng tới cải thiện tính bền vững của các hoạt động đầu tư của mình. Đây cũng là công cụ quản lý có thể giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động, củng cố quan hệ với các bên liên quan, gia tăng giá trị doanh nghiệp và thu hút đầu tư.

Giới thiệu về báo cáo phát triển bền vững	97
Mô hình quản trị phát triển bền vững của EVNGENCO 3	98
Chiến lược phát triển bền vững	99
Các vấn đề trọng yếu liên quan đến phát triển bền vững	100



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA EVNGENCO 3

● **Hội đồng quản trị:** Đưa ra định hướng chiến lược chung và thông qua các mục tiêu chính yếu, kế hoạch phát triển bền vững và chịu trách cao nhất về chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

● **Ban điều hành:** EVNGENCO 3 tích hợp chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh vào chiến lược phát triển bền vững. Định kỳ thực hiện xác định và phân tích các rủi ro trọng yếu trong ngắn và dài hạn bao gồm các rủi ro phát sinh từ những thay đổi về môi trường, xã hội để đánh giá tần suất và mức độ tác động để đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp.

● **Các đơn vị thành viên/ các ban chức năng:** Triển khai thực hiện kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của Ban Điều hành và HĐQT.

● **Kiểm soát rủi ro về phát triển bền vững:** Trên cơ sở định hướng của HĐQT, nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các mục tiêu và kế hoạch phát triển bền vững. Truyền thông các mục tiêu, kế hoạch chi tiết cho các đơn vị thành viên/Ban chức năng và tổ chức triển khai thực hiện và kiến nghị điều chỉnh để đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN ĐIỀU HÀNH

Phát triển bền vững

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN/ CÁC BAN CHỨC NĂNG

KIỂM SOÁT RỦI RO VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Khai thác tiềm năng sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Có thể nói đây là giải pháp hữu hiệu nhất mà nhiều nước trên thế giới áp dụng, nhằm giảm nhu cầu điện năng để từ đó giảm chi phí đầu tư vào phát triển nguồn lưới cung cấp điện, giảm tác động xấu đến môi trường sinh thái (giảm phát thải ô nhiễm, chiếm dụng đất đai...) và giảm giá thành điện năng...

Theo nghiên cứu, đánh giá của một số chuyên gia năng lượng trong nước và quốc tế, giải pháp sử dụng năng lượng hiệu quả có thể giảm nhu cầu điện năng của cả nước khoảng 11-12% vào năm 2030.



Phát triển năng lượng xanh thải ít carbon

Trong chiến lược phát triển các dự án năng lượng điện mặt trời và nhiên liệu khí LNG là chiến lược đúng đắn, phù hợp với Quyết định "Phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050", trong đó đã nêu lên định hướng phát triển các dự án điện sinh khối, gió và mặt trời đến gần 90 tỷ kWh, chiếm tỷ trọng khoảng 15% tổng sản lượng phát điện vào năm 2030. Chiến lược cũng đề xuất các cơ chế chính sách về ưu tiên, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo, về xây dựng giá bán điện, đảm bảo thu hồi chi phí đầu tư và lợi nhuận hợp lý đối các dự án năng lượng tái tạo nối lưới.

Đồng thời, theo nghiên cứu, đánh giá của các chuyên gia năng lượng quốc tế, chi phí đầu tư các dự án điện từ năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện gió và mặt trời có xu hướng ngày càng giảm mạnh, dẫn tới giá thành điện năng các dự án gió, mặt trời hoàn toàn có thể cạnh tranh được tại một số thị trường, ngay cả khi không có trợ giá và không chỉ vì có nguồn tài nguyên tốt. Đây sẽ là hứa hẹn tốt để EVNGENCO 3 định vị trên thị trường sản xuất và cấp phát điện năng tại Việt Nam.



CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Công tác bảo vệ môi trường

Tổng Công ty luôn duy trì thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu về môi trường theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành, theo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) được cơ quan chức năng phê duyệt và các giấy phép về môi trường, cụ thể như sau:

Về thủ tục môi trường

Tất cả các nhà máy điện đang vận hành đều có giấy phép môi trường đầy đủ theo quy định, như báo cáo ĐTM và quyết định phê duyệt; giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT; giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; giấy phép khai thác, sử dụng nước biển; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, quy trình ứng phó sự cố tràn dầu, sự cố hóa chất; phương án bảo vệ môi trường,...

Về khí thải

Đối với các NMĐ đốt khí: Sử dụng nhiên liệu khí tự nhiên là loại nhiên liệu sạch không gây phát sinh bụi, mặc khác các tổ máy tuabin khí đều ứng dụng công nghệ giảm thiểu hàm lượng các chất ô nhiễm trong khí thải gây ảnh hưởng đến môi trường, vì vậy nồng độ các chất gây ô nhiễm không khí như bụi, SOx, NOx đều đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép.

Đối với các NMĐ đốt than: Đã bố trí đầy đủ các công trình xử lý khí thải theo quy định như hệ thống lọc bụi tĩnh điện (ESP); hệ thống khử NOx (SCR); hệ thống khử SOx (FGD).

Khí thải sau xử lý được dẫn đến ống khói thải cao trước khi phát tán ra môi trường.

Kết quả quan trắc thông số khí thải đầu ra của các Nhà máy đều đạt quy chuẩn QCVN 22:2009/BTNMT và quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, điều này chứng tỏ các công trình BVMT hoạt động có hiệu quả.

Về tro xỉ và chất thải rắn

Tro xỉ thải ra trong quá trình vận hành NMĐ đốt than là chất thải rắn công nghiệp thông thường, không



thuộc danh mục chất thải nguy hại. Các nhà máy đều bố trí khu vực lưu trữ tro xỉ và được các đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý, tiêu thụ.

Trong thời gian qua, căn cứ theo các quy định của các Chính phủ và các Bộ, Ngành, Tổng Công ty đã nỗ lực tìm kiếm các đối tác có đủ chức năng và năng lực để có thể tiêu thụ tối đa lượng tro, xỉ phát sinh của các NMĐ đốt than. Song song đó, các đơn vị cũng chủ động mời đơn vị có thẩm quyền để lấy mẫu, phân tích và cấp giấy chứng nhận công bố hợp chuẩn, hợp quy để sử dụng tro, xỉ để làm vật liệu xây dựng và làm vật liệu san lấp. Vì vậy đã góp phần giảm áp lực lưu trữ và đảm bảo an toàn tại bãi xỉ và nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường.

Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa rác thải sinh hoạt có nắp đậy tại các khu vực làm việc; hợp đồng với đơn vị chức năng (chủ yếu là các đơn vị tại địa phương) để tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Các vật tư, thiết bị kém, mất phẩm chất được thu hồi, lưu kho và thực hiện thủ tục thanh xử lý theo quy định.



Về quan trắc, giám sát môi trường định kỳ

Chương trình quan trắc: Tất cả các đơn vị đều thực hiện quan trắc môi trường định kỳ và báo cáo đến cơ quan chức năng đầy đủ theo yêu cầu trong báo cáo ĐTM, các giấy phép về môi trường về chỉ tiêu, thông số và tần suất quan trắc. Theo quy định mới tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016, kể từ quý IV/2016, các đơn vị triển khai công tác quan trắc môi trường định kỳ với tần suất 03 tháng/lần. Bên cạnh đó, việc quan trắc tại một số đơn vị còn được thực hiện định kỳ 01 tháng/ lần hoặc 02 tháng/lần theo các giấy phép tài nguyên nước.

Đơn vị quan trắc: Hợp đồng với đơn vị quan trắc được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường (TN & MT) cấp giấy phép đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Về lắp đặt thiết bị quan trắc tự động liên tục và truyền số liệu

Nước làm mát và nước thải: Các đơn vị đã hoàn thành lắp đặt đầy đủ các thiết bị quan trắc online các thông số theo quy định tại các giấy phép môi trường và theo Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016; đồng thời cũng đã lắp đặt các thiết bị lấy mẫu tự động và được niêm phong bởi Sở TN & MT địa Phương.

Về khí thải: Các NMĐ than đã lắp đặt thiết bị quan trắc online các thông số về khí thải (hệ thống CEMS) theo yêu cầu.

Hiện tại, số liệu quan trắc môi trường online các thông số về nước thải và khí thải đã được truyền về các Sở TN&MT địa Phương để phối hợp giám sát theo quy định.

Tình hình thực hiện các hạng mục, dự án cải tiến, nâng cấp, bảo vệ môi trường

Các NMĐ than như Vĩnh Tân 2 và Mông Dương 1 đã thực hiện hoàn thành dự án chuyển đổi nhiên liệu dầu khởi động và đốt kèm từ dầu HFO/FO sang dầu DO.

Tổng Công ty đã tổ chức triển khai xây dựng và thực hiện ký kết Quy chế phối hợp trong công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh trật tự và khai thác, sử dụng hiệu quả các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung tại Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân giữa các đơn vị trong Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, điều này góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác bảo vệ môi trường tại một trong những trung tâm điện lực lớn, có vai trò quan trọng về đảm bảo an ninh năng lượng của hệ thống điện quốc gia.



CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



VIỆC LÀM VÀ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

EVNGENCO 3 luôn đảm bảo việc làm và đời sống của người lao động luôn ổn định, được quan tâm, chăm sóc đầy đủ quyền lợi về vật chất và tinh thần theo quy định của pháp luật, đồng thời luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho người lao động rèn luyện, trau dồi kiến thức, kỹ năng để phát triển.

2.710

 NGƯỜI

tổng số cán bộ công nhân viên
Tại thời điểm ngày 31/12/2018

Tại EVNGENCO 3, chúng tôi:

- Luôn đổi mới tư duy trong việc xây dựng và đào tạo đội ngũ ngày một phát triển, thúc đẩy sự sáng tạo mỗi cá nhân lao động. Đa dạng hóa các hình thức đào tạo phát triển nguồn lực.
- Luôn hoàn thiện cơ chế chính sách theo hướng khuyến khích thu hút nguồn lực giỏi. Sử dụng lao động hiệu quả, tinh gọn, tăng NSLĐ. Đánh giá hiệu quả thông qua KPI; gắn kết quả KPI với việc trả lương, thưởng, thành tích, quy hoạch,... đối với NLD.
- Tạo cơ hội học tập và phát triển công bằng cho NLD, không phân biệt đối xử; động viên khen thưởng kịp thời và xử lý nghiêm minh các hình thức vi phạm nội quy lao động.

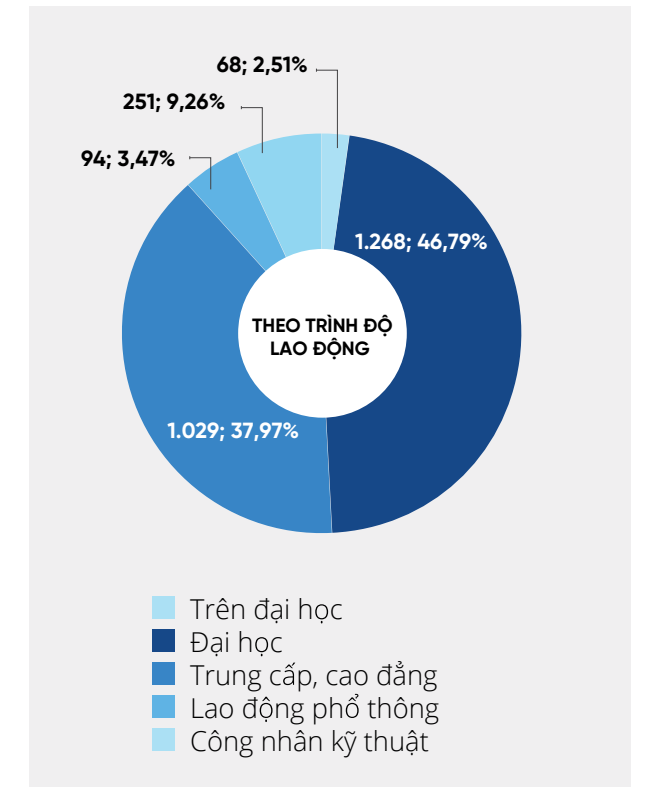


Số lượng lao động và cơ cấu lao động

Tại thời điểm ngày 31/12/2018, tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của EVNGENCO 3 là 2.710 người với cơ cấu lao động như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	2.710	100
1	Trên đại học	68	2,51
2	Đại học	1.268	46,79
3	Trung cấp, cao đẳng	1.029	37,97
4	Lao động phổ thông	94	3,47
5	Công nhân kỹ thuật	251	9,26
II	Phân theo giới tính	2.710	100
1	Nam	2.295	84,69
2	Nữ	415	15,31

Ghi chú: Lao động trên không bao gồm số lao động của các đơn vị đã thực hiện bàn giao về EVN từ ngày 01/01/2019: Công ty Nhiệt điện Thái Bình kiêm Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình, lực lượng CBSX NMND Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng.



Nâng cao tinh thần của người lao động

Sau những giờ làm việc tập trung, căng thẳng, EVNGENCO 3 thường tổ chức các hoạt động vui chơi, nghỉ dưỡng, teambuilding, hội thao nhân các dịp nghỉ lễ, tết, thành lập Tổng Công ty,... để nâng cao tinh thần đoàn kết trong toàn thể CBCNV. Cụ thể:

Chào mừng kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, Công Đoàn Tổng Công ty kết hợp với Đoàn thanh niên tổ chức Hội thao Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ năm 2018 bao gồm 03 nội dung: môn Bóng đá mini (7 người), Tennis và Cầu lông. Hội thao diễn ra

Công tác đào tạo

CBCNV luôn được quan tâm, chú trọng đào tạo để nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, tác phong chuyên nghiệp, tính kỷ luật và tiếp cận với công nghệ tiên tiến. Trong năm 2018, EVNGENCO 3 đã tổ chức 9.355 lượt NLD tham gia đào tạo. Trong đó: đào tạo về quản lý, chuyên môn nghiệp vụ là 4.644 lượt NLD; đào tạo nội bộ là 4.711 lượt NLD. Tập trung đào tạo lực lượng CBSX đảm bảo chất lượng tiếp nhận quản lý NMND Vĩnh Tân 4 và Thái Bình. Thực hiện Chủ đề năm 2018 về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, TCT đã triển khai toàn diện và đạt hiệu

từ ngày 10/3/2018 đến ngày 23/03/2018 với sự tham gia nhiệt tình và đồng đạo từ các thành viên của 03 đơn vị trong Công ty (02 Phân xưởng Vận hành, Khối Nghiệp vụ) và 02 đơn vị khách mời là Công đoàn Cơ quan EVNGENCO 3 và Công đoàn Công ty EPS.

Triển khai các hoạt động hướng về cơ sở, "vi lợi ích đoàn viên", trong các ngày từ 23/5/2018 đến 26/5/2018 tại thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Tổng Công ty đã tổ chức Hội thao CNVCLĐ năm 2018 – do Công ty Thủy điện Buôn Kuốp đăng cai.

quả cao trong các lĩnh vực về nhân sự, cán bộ, đào tạo; kết quả đào tạo đạt/vượt KH, đào tạo các nhân sự trong diện QH đạt chuẩn; đặc biệt TCT đã hợp tác, ký Biên bản ghi nhớ về PTNNL với TEPCO F&P Nhật Bản và KPS Hàn Quốc, triển khai các khóa đào tạo về kỹ năng quản lý vận hành NMND than, sửa chữa điện/C&I, kỹ thuật chuyên sâu về bảo dưỡng, sửa chữa lò hơi, tuabin hơi, máy phát điện NMND công suất lớn đã phát huy hiệu quả; xây dựng và triển khai Đề án tạo tạo chuyên gia.



CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CÁC HOẠT ĐỘNG DÀNH CHO CỘNG ĐỒNG

- Xây dựng, hỗ trợ cơ sở vật chất cho các trường học
- Đóng góp vào quỹ khuyến học, trường học
- Hỗ trợ kinh phí công trình khơi thông kênh Sước Chùa xã Vĩnh Tân
- Tài trợ xây dựng 18 căn nhà tình thương, tình nghĩa
- Thăm hỏi, trao quà cho các gia đình chính sách, tổ chức sinh hoạt vui chơi, tặng quà cho các trẻ em ở các địa phương nhân ngày lễ tết.
- Các hoạt động dành cho người lao động trong TCT



Điểm nhanh những hoạt động tiêu biểu của Tổng Công ty năm 2018

Công tác an sinh xã hội của Tổng Công ty trong năm 2018 khá đa dạng phong phú với nhiều hoạt động, chương trình trải khắp các địa phương nơi các đơn vị thành viên của Tổng Công ty đứng chân, kết quả cụ thể:

- Thực hiện Chỉ thị về việc tổ chức các hoạt động trong "Tháng tri ân khách hàng" của EVN, Tổng Công ty và các đơn vị thành viên tích cực tham gia và đã trao tặng hơn 500 phần quà cho các hộ nghèo và gia đình chính sách, vận động gần 300 lượt CBCNV tham gia chương trình hiến máu nhân đạo "Tuần lễ hồng EVN".
- Tổng Công ty và các đơn vị đã tổ chức quyên góp, thăm hỏi tặng quà cho người dân địa phương có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, có công cách mạng, ủng hộ hội người mù,... trong các đợt: Ngày hội Đại đoàn kết, Tết nguyên Đán, tháng Thanh niên, Tháng

công nhân, Tháng hành động vì trẻ em, ngày Thương binh liệt sỹ 27/7, tết Trung thu.

- Ủng hộ các quỹ của địa phương như: Quỹ vì người nghèo, quỹ đến ơn đáp nghĩa, Quỹ Tương trợ xã hội, Quỹ Vì tương lai con em chúng ta, các quỹ học bổng Nguyễn Văn Thạc, Nguyễn Văn Trỗi, Tháp sáng ước mơ,... tại các địa phương.
- Tổng Công ty cũng đã phối hợp chính quyền xã tài trợ xây nhà tình nghĩa (05 căn đóng góp theo chương trình của EVN, 07 Vĩnh Tân, 05 Vĩnh Sơn - Sông Hinh, 01 Phú Mỹ,...), ủng hộ xây dựng nhà bia tưởng niệm tại xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam - 600 triệu), xây và trao tặng 01 trường học tại tỉnh Yên Bái (Thác Bà), tặng bàn ghế, máy vi tính cho trường học ở Cẩm Phả (Quảng Ninh).



07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Minh bạch để phát triển bền vững

Thông tin về doanh nghiệp	108
Báo cáo kiểm toán độc lập	110
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	113
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	116
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	118
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	120



THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Quyết định thành lập số	3025/QĐ-BCT Ngày 1 tháng 6 năm 2012 Quyết định thành lập do Bộ Công Thương cấp.												
Đăng ký doanh nghiệp số	3502208399 Ngày 26 tháng 11 năm 2012												
Giấy chứng nhận	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp là giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 6, ngày 2 tháng 1 năm 2019.												
Hội Đồng Quản Trị	<table border="0"> <tr> <td>Ông Nguyễn Văn Lê</td> <td>Chủ tịch</td> </tr> <tr> <td>Ông Đinh Quốc Lâm</td> <td>Thành viên</td> </tr> <tr> <td>Ông Trương Quốc Phúc</td> <td>Thành viên</td> </tr> <tr> <td>Ông Đỗ Mạnh Hùng</td> <td>Thành viên</td> </tr> </table>	Ông Nguyễn Văn Lê	Chủ tịch	Ông Đinh Quốc Lâm	Thành viên	Ông Trương Quốc Phúc	Thành viên	Ông Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên				
Ông Nguyễn Văn Lê	Chủ tịch												
Ông Đinh Quốc Lâm	Thành viên												
Ông Trương Quốc Phúc	Thành viên												
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên												
Ban Tổng Giám đốc	<table border="0"> <tr> <td>Ông Đinh Quốc Lâm</td> <td>Tổng Giám đốc</td> </tr> <tr> <td>Ông Phan Thanh Xuân</td> <td>Phó Tổng Giám đốc</td> </tr> <tr> <td>Ông Lê Văn Danh</td> <td>Phó Tổng Giám đốc</td> </tr> <tr> <td>Ông Cao Minh Trung</td> <td>Phó Tổng Giám đốc</td> </tr> <tr> <td>Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương</td> <td>Phó Tổng Giám đốc</td> </tr> <tr> <td>Bà Nguyễn Thị Thanh Hương</td> <td>Phó Tổng Giám đốc</td> </tr> </table>	Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc	Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc	Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc	Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc												
Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc												
Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc												
Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc												
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc												
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc												
Trụ sở đăng ký	Số 60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam												
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam												



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Hương
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 4 năm 2019



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Các cổ đông

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 4 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 55.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý tới Thuyết minh 3(b)(ii), 3(b)(iii) và 3(b)(iv) trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 150/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 2018 ("Nghị quyết 150") và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 5344/BTC- TCDN của Bộ Tài Chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("Công văn 5344"), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 ("Công văn 122").

Theo hướng dẫn của Nghị quyết 150, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc "Vốn chủ sở hữu", thay vì vào "Chi phí tài chính", và được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(ii) và 3(b)(iii) của báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo hướng dẫn tại Điều 21 nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần ("Nghị định 126"). Theo đó, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) theo dõi và xử lý theo qui định, thay vì vào "Doanh thu hoạt động tài chính" hoặc "Chi phí tài chính".

Hướng dẫn của Nghị định 126 có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(iv) của báo cáo tài chính hợp nhất.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Các vấn đề khác

Chúng tôi tiến hành kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 55. Thông tin bổ sung tại trang 56 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính hợp nhất và không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00897-19-2

Nelson Rodriguez Casihan

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2225-2018-007-1

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 4 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

MẪU B 01 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		18.376.946.046.690	19.940.350.776.436
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.492.402.081.429	4.514.277.821.705
Tiền	111		1.416.502.081.429	3.398.193.986.089
Các khoản tương đương tiền	112		1.075.900.000.000	1.116.083.835.616
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.953.820.000.000	1.413.320.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	3.953.820.000.000	1.413.320.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		8.959.930.572.719	10.812.780.634.721
Phải thu của khách hàng	131	7	8.411.364.732.038	10.181.518.501.085
Trả trước cho người bán	132		128.818.263.821	271.594.230.347
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	420.599.418.013	360.029.101.888
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(851.841.153)	(361.198.599)
Hàng tồn kho	140	9	2.903.548.394.905	3.107.966.406.794
Hàng tồn kho	141		2.903.834.001.848	3.108.091.128.345
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(285.606.943)	(124.721.551)
Tài sản ngắn hạn khác	150		67.244.997.637	92.005.913.216
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		32.402.999.301	51.830.243.643
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.581.406.696	37.178.865.317
Thuế phải thu Nhà nước	153	14(b)	2.260.591.640	2.996.804.256

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 01 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		59.069.268.847.647	59.631.915.688.928
Phải thu dài hạn	210		3.549.424.000	3.266.424.000
Phải thu dài hạn khác	216		3.549.424.000	3.266.424.000
Tài sản cố định	220		53.856.992.760.491	54.846.391.283.555
Tài sản cố định hữu hình	221	10	53.769.066.685.575	54.775.880.233.262
Nguyên giá	222		109.876.984.867.644	109.802.297.628.223
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.107.918.182.069)	(55.026.417.394.961)
Tài sản cố định vô hình	227	11	87.926.074.916	70.511.050.293
Nguyên giá	228		109.661.849.291	91.291.905.985
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.735.774.375)	(20.780.855.692)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.670.721.176.014	2.487.272.804.641
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.670.721.176.014	2.487.272.804.641
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	1.908.187.930.769	1.920.296.631.638
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.385.352.444.441	1.386.942.714.130
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		536.837.181.388	536.837.181.388
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.001.695.060)	(3.483.263.880)
Tài sản dài hạn khác	260		629.817.556.373	374.688.545.094
Chi phí trả trước dài hạn	261		120.706.619.611	125.781.428.946
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		26.606.710.591	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		482.504.226.171	248.907.116.148
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		77.446.214.894.337	79.572.266.465.364

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 01 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		67.353.569.009.650	69.766.387.795.991
Nợ ngắn hạn	310		11.303.469.857.347	14.472.033.007.045
Phải trả người bán	311	13	3.864.809.168.154	4.865.692.098.314
Người mua trả tiền trước	312		103.636.000	915.000.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14(a)	328.547.327.437	151.253.443.821
Phải trả người lao động	314		102.294.632.728	135.135.259.912
Chi phí phải trả	315		52.102.756.457	201.614.469.108
Doanh thu chưa thực hiện	318		15.944.744.132	15.952.466.021
Phải trả khác	319	15	1.077.798.480.696	3.309.049.365.611
Vay ngắn hạn	320	16(a)	5.473.408.154.411	5.426.787.609.848
Dự phòng ngắn hạn	321		133.033.552.953	98.377.185.447
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		255.427.404.379	267.256.108.963
Nợ dài hạn	330		56.050.099.152.303	55.294.354.788.946
Doanh thu chưa thực hiện	336		378.955.365.915	382.744.919.575
Vay dài hạn	338	16(b)	55.671.143.786.388	54.911.609.869.371
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		10.092.645.884.687	9.805.878.669.373
Vốn chủ sở hữu	410	17	10.092.645.884.687	9.805.878.669.373
Vốn cổ phần	411	18	10.699.695.770.000	10.478.234.644.194
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.014.917.945	6.014.917.945
Vốn khác của chủ sở hữu	414		18.876.854.562	18.387.593.875
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	19	(1.098.488.973.504)	(2.378.304.250.451)
Quỹ đầu tư phát triển	418		134.210.488.996	362.518.284.511
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15.939.926.044	15.939.926.044
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(20.046.414.799)	853.491.634.889
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		853.491.634.889	806.913.104.550
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối năm nay	421b		(873.538.049.688)	46.578.530.339
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	110.593.427.602
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		336.443.315.443	339.002.490.764
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		77.446.214.894.337	79.572.266.465.364

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

Người lập



Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểu

Người duyệt



Vũ Phương Thảo
Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018

MẪU B 02 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

	Mã số	Thuyết minh	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND (Phân loại lại)
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	10.047.930.226.021	29.290.517.937.087
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	8.809.853.242.137	25.595.196.345.512
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.238.076.983.884	3.695.321.591.575
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	83.785.001.348	162.750.057.796
Chi phí tài chính	22	25	1.949.906.094.139	3.407.794.806.802
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		699.539.293.509	2.034.789.676.172
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	24	6(b)	26.984.730.311	171.991.642.283
Chi phí bán hàng	25		31.684.721	101.858.195
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	139.156.246.216	349.362.542.049
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(740.247.309.533)	272.804.084.608
Thu nhập khác	31		38.592.912.146	167.327.810.643
Chi phí khác	32		34.355.305.077	121.032.826.971
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.237.607.069	46.294.983.672
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(736.009.702.464)	319.099.068.280
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	144.128.554.766	17.118.748.352
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	(26.606.710.591)	13.879.964.174
(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		(853.531.546.639)	288.100.355.754

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

MẪU B 02 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

	Mã số	Thuyết minh	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND (Phân loại lại)
(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		(853.531.546.639)	288.100.355.754
Phân bổ:				
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(873.538.049.688)	268.052.205.804
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		20.006.503.049	20.048.149.950
Lỗ trên cổ phiếu				
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(816)	Không áp dụng

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

Người lập

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểu

Người duyệt

Vũ Phương Thảo
Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018

(PHƯƠNG ÁN GIÁN TIẾP)

MẪU B 03 – DN/HN

(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

	Mã số	Thuyết minh	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND (Phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(736.009.702.464)	319.099.068.280
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.158.307.954.529	3.356.698.313.593
Các khoản dự phòng	03		45.826.326.632	24.552.997
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.227.158.793.591	1.342.614.232.180
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(69.023.454.275)	(162.285.480.302)
Lãi được chia từ công ty liên kết	05		(26.984.730.311)	(171.991.642.283)
Chi phí lãi vay	06		699.539.293.509	2.034.789.676.172
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.298.814.481.211	6.718.948.720.637
Biến động các khoản phải thu	09		(1.424.275.378.073)	(4.944.752.098.861)
Biến động hàng tồn kho	10		(36.202.068.359)	(88.135.008.047)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		518.838.852.296	(697.192.696.714)
Biến động chi phí trả trước	12		24.502.053.677	(37.798.984.291)
			1.381.677.940.752	951.069.932.724
Tiền lãi vay đã trả	14		(128.158.988.948)	(350.920.496.929)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.266.543.316)	(116.361.233.485)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.828.704.584)	(198.731.283.756)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		1.231.423.703.904	285.056.918.554

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018

(PHƯƠNG ÁN GIÁN TIẾP)

MẪU B 03 – DN/HN

(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

	Mã số	Thuyết minh	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND (Phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.809.671.206.244)	(681.451.327.760)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	210.454.546
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		(3.921.820.000.000)	(1.413.320.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		1.381.320.000.000	1.752.000.000.000
Chuyển công ty con về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	26		-	(35.558.568.910)
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		62.821.694.465	276.432.690.392
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(4.287.349.511.779)	(101.686.751.732)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả lại vốn góp cho chủ sở hữu	32		(221.350.148.719)	-
Tiền thu từ đi vay	33		1.586.899.285.954	280.143.160.920
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(305.856.073.050)	(822.669.910.851)
Tiền trả cổ tức	36		(25.638.647.529)	(16.068.819.328)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		1.034.054.416.656	(558.595.569.259)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(2.021.871.391.219)	(375.225.402.437)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		4.514.277.821.705	4.889.503.224.142
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.349.057)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	5	2.492.402.081.429	4.514.277.821.705

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

Người lập

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểu

Người duyệt

Vũ Phương Thảo
Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014, Bộ Công Thương quyết định cổ phần hóa Công ty Mẹ-Tổng Công ty Phát điện 3.

Theo quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ -Tổng công ty Phát điện 3.

Tổng Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là PGV theo quyết định số

114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày

2 tháng 1 năm 2019. Theo đó, ngày bắt đầu hoạt động của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần là ngày 01 tháng 10 năm 2018.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 2 công ty con (1/10/2018: 2 công ty con).

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3;
- Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân; Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình;
- Văn phòng Tổng Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

Các công ty con như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty có 3.478 nhân viên (1/10/2018: 3.372 nhân viên).

Công ty con	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		31/12/2018	1/10/2018
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Sản xuất điện, sản xuất sản phẩm hóa chất, sửa chữa và lắp đặt thiết bị điện và các dịch vụ khác có liên quan.	54,76%	54,76%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Sản xuất kinh doanh điện năng, quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện và các sản phẩm dịch	79,56%	79,56%

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kỳ kế toán năm đầu tiên của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần. Kỳ kế toán năm tiếp theo của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua. Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Tổng Công ty chuyển đổi theo tỷ giá bán ra (bảng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-CĐKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ ("Công văn 1779") và Công văn số 5246/EVN-TCKT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính cho năm 2018 ("Công văn 5246"). Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 150/2018/NQ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 2018 ("Nghị quyết 150"), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động. Hướng dẫn của Nghị quyết 150 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh. Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 121.939.976.041 VND (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018: lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 492.968.936.511 VND), chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu", và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên bảng cân đối kế toán riêng của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (giả định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 1.098.488.973.504 VND (1/10/2018: lần lượt tăng và giảm 605.520.036.993 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn của Công văn số 5344/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Tập đoàn điện lực Việt Nam ("Công văn 5344"), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 ("Công văn 122").

Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc "Vốn chủ sở hữu", thay vì vào "Chi phí tài chính", và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ không thay đổi (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018: lần lượt tăng và tăng 979.679.014.804 VND), chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (giá định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ không thay đổi (1/10/2018: lần lượt tăng và giảm 371.028.960.470 VND).

(iv) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư từ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần ("Nghị định 126") chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) theo dõi và xử lý theo quy định.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo Thông tư 200 thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ lần lượt giảm và tăng 1.401.755.252.988 VND (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018: lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 1.401.755.252.988 VND).

Chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (giá định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ không thay đổi (1/10/2018 tăng và giảm 1.401.755.252.988 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chúng khoản tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận trực tiếp.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 10 - 40 năm
- Máy móc và thiết bị : 5 - 20 năm
- Phương tiện vận chuyển : 5 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý : 3 - 10 năm
- Tài sản cố định khác : 5- 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất.
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.
- Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Bản quyền chuyển giao công nghệ

Bản quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa được hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Nhóm Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản do Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ/năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ/năm. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là các bên liên quan.

(s) Lãi trên cổ phiếu (EPS)

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm Nhóm Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện.

Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 10 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 30 tháng 9 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Tiền mặt	2.912.617.687	3.419.926.822
Tiền gửi ngân hàng	1.413.589.463.742	3.394.774.059.267
Các khoản tương đương tiền	1.075.900.000.000	1.116.083.835.616
	2.492.402.081.429	4.514.277.821.705

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc một đến ba tháng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất được hưởng là 4,7% - 5,5% một năm (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018: 4,0% - 5,4% một năm).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, một bên liên quan	200.000.000.000	200.000.000.00
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	3.753.820.000.00	1.213.320.000.000
	3.953.820.000.000	1.413.320.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 13 tháng với lãi suất được hưởng là 4,8% - 7,2% một năm (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018: 4,8% - 7,2% một năm)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

Biến động đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Số dư đầu kỳ	1.386.942.714.130	1.341.623.914.594
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	26.984.730.311	171.991.642.283
Chia cổ tức	(28.575.000.000)	(125.581.948.000)
Chuyển giao về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	(1.090.894.747)
Số dư cuối kỳ	1.385.352.444.441	1.386.942.714.130

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

	31/12/2018			1/10/2018		
	% số hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT Công ty Cổ phần						
Thủy điện Thác Bà (i)	30,00%	279.877.226.103	476.250.000.000	-	466.725.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (ii)	30,55%	928.345.577.277	1.055.533.879.000	-	1.109.098.284.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A (iii)	30,00%	177.129.641.061	(*)	-	(*)	-
		1.385.352.444.441			1.386.942.714.130	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị này tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá trị trường của các khoản đầu tư này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

- Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 03 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 04 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 01 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Tổng tài sản	9.913.782.260.407	9.659.291.024.750
Tổng công nợ	5.480.917.796.001	5.216.546.471.960
Tài sản thuần	4.432.864.464.406	4.442.744.552.790
Phần tài sản thuần trong các công ty liên kết	1.385.352.444.441	1.386.942.714.130

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Doanh thu	264.870.199.092	1.072.609.347.269
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	89.446.141.616	568.194.635.486
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	26.984.730.311	171.991.642.283

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Số dư đầu kỳ	3.483.263.880	29.914.646.400
Tăng/(hoàn nhập)	10.518.431.180	(26.431.382.520)
Số dư cuối kỳ	14.001.695.060	3.483.263.880

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

	31/12/2018			1/10/2018				
	% số hữu	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% số hữu	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
ĐẦU TƯ VÀO ĐƠN VỊ KHÁC Công ty Cổ phần Điện lực								
Dầu khí Nhơn Trạch 2 (iv)	2,50%	83.022.592.000	175.199.232.000	-	2,50%	83.022.592.000	187.662.592.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	15,00%	74.463.661.588	(*)	-	15,00%	74.463.661.588	(*)	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,60%	19.600.000.000	(*)	-	0,60%	19.600.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	1,80%	114.770.927.800	109.899.232.740	4.871.695.060	1,80%	114.770.927.800	113.417.663.920	1.353.263.880
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1,60%	108.730.000.000	99.600.000.000	9.130.000.000	1,60%	108.730.000.000	106.600.000.000	2.130.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn	19,89%	83.750.000.000	(*)	-	19,89%	83.750.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Phủ Thạnh Mỹ	12,10%	50.000.000.000	(*)	-	12,10%	50.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt Điện Miền Bắc	2,70%	2.500.000.000	(*)	-	2,70%	2.500.000.000	(*)	-
		536.837.181.388		14.001.695.060		536.837.181.388	(*)	3.483.263.880

(iv) Giá trị ghi số của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, công ty niêm yết, tại thời điểm 30/9/2018 được thực hiện theo hướng dẫn về xử lý tài chính quy định tại mục d, khoản 2, Điều 21 và khoản 2, Điều 32, Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính Phủ. Theo đó, Tổng Công ty được ghi nhận thêm phần cổ tức được chi trả bằng cổ phiếu theo giá tham chiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị này tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá trị trường của các khoản đầu tư này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

7. Phải thu của khách hàng

	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
BÊN LIÊN QUAN		
Công ty Mua bán điện	8.304.276.576.025	10.059.088.650.826
Nhà máy nhiệt điện Thái Bình (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	35.093.793.900	96.224.131.300
Nhà máy điện Vĩnh Tân 4 (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	54.824.844.800	13.705.661.200
Các bên liên quan khác	82.140.145	833.772.937
BÊN THỨ BA		
Các khách hàng khác	17.087.377.168	11.666.284.822
	8.411.364.732.038	10.181.518.501.085

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
BÊN LIÊN QUAN		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.256.171.287	7.211.873.623
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng	253.952.245.056	218.741.729.220
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình	10.307.578.223	-
Cổ tức được chia	52.984.728.000	27.000.000.000
Lãi tiền gửi từ Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	2.780.082.191	5.395.890.411
Bên liên quan khác	7.468.387.981	-
BÊN THỨ BA		
Lãi tiền gửi phải thu	43.084.935.241	35.479.345.211
Phải thu khác	34.765.290.034	66.200.263.423
	420.599.418.013	360.029.101.888

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

10. Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND		Máy móc và thiết bị VND		Phương tiện vận chuyển VND		Thiết bị dụng cụ quản lý VND		Tài sản cố định khác VND		Tổng VND
	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	
Số dư đầu kỳ	18.458.657.440.224	6.011.473.763	84.619.971.093.024	9.610.604.717	6.574.214.489.421	3.406.794.545	149.261.741.918	2.880.784.671	192.863.636	860.154.790	109.802.297.628.223
Tăng trong kỳ		10.053.903.194		117.308.656.749		498.150.800		-		-	22.769.812.486
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 12)											127.860.710.743
Xóa số				(75.852.248.738)		-		-		-	(75.852.248.738)
Giảm khác				(3.017.200)		(88.017.870)		-		-	(91.035.070)
Số dư cuối kỳ	18.474.722.817.181		84.671.035.088.552		6.578.031.416.896		152.142.526.589		1.053.018.426		109.876.984.867.644
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Số dư đầu kỳ	5.983.366.875.407		46.043.127.978.340		2.890.367.958.483		109.394.898.004		159.684.727		55.026.417.394.961
Khấu hao trong kỳ	158.683.286.523		918.850.184.778		75.253.361.560		3.711.173.417		855.029.568		1.157.353.035.846
Xóa số			(75.852.248.738)		-		-		-		(75.852.248.738)
Số dư cuối kỳ	6.142.050.161.930		46.886.125.914.380		2.965.621.320.043		113.106.071.421		1.014.714.295		56.107.918.182.069
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Số dư đầu kỳ	12.475.290.564.817		38.576.843.114.684		3.683.846.530.938		39.866.843.914		33.178.909		54.775.880.233.262
Số dư cuối kỳ	12.332.672.655.251		37.784.909.174.172		3.612.410.096.853		39.036.455.168		38.304.131		53.769.066.685.575

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 32.628 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/10/2018: 29.282 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.857 tỷ VND (1/1/2018: 1.887 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng công ty (Thuyết minh 16(b)(*)).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN

(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/10/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	2.289.837.243	-	11.731.955.901	-
Nguyên vật liệu	2.813.283.077.995	(285.606.943)	3.005.434.447.525	(124.721.551)
Công cụ và dụng cụ	83.063.188.397	-	74.745.868.685	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.565.535.210	-	15.510.725.998	-
Thành phẩm	632.363.003	-	668.130.236	-
	2.903.834.001.848	(285.606.943)	3.108.091.128.345	(124.721.551)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho có biến động trong kỳ như sau:

	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Số dư đầu kỳ	124.721.551	936.690.056
Tăng dự phòng trong kỳ	160.885.392	51.574.662
Hoàn nhập	-	(863.543.167)
Số dư cuối kỳ	285.606.943	124.721.551



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền chuyển giao công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	73.613.400.322	13.461.469.427	4.025.390.14	191.646.088	91.291.905.985
Tăng trong kỳ	-	2.718.279.231	-	13.099.234.733	15.817.513.964
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 12)	2.552.429.342	-	-	-	2.552.429.342
	76.165.829.664	16.179.748.658	4.025.390.148	13.290.880.821	109.661.849.291
KHẤU HAO TRONG KỲ					
Số dư đầu kỳ	11.900.907.211	5.086.617.046	3.789.362.85	3.968.585	20.780.855.692
Khấu hao trong kỳ	579.324.074	321.860.032	21.208.251	32.526.326	954.918.683
Số dư cuối kỳ	12.480.231.285	5.408.477.078	3.810.571.101	36.494.911	21.735.774.375
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu kỳ	61.712.493.111	8.374.852.381	236.027.298	187.677.503	70.511.050.293
Số dư cuối kỳ	63.685.598.379	10.771.271.580	214.819.047	13.254.385.910	87.926.074.916

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 8 tỷ VND (1/10/2018: 8 tỷ VND) không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 8 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/10/2018: 8 tỷ VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Số dư đầu kỳ	2.487.272.804.641	3.788.284.168.769
Tăng trong kỳ	339.909.929.374	343.862.237.668
Chi phí lãi vay vốn hóa	6.056.765.400	15.396.266.976
Chuyển từ/(sang) hàng tồn kho	(355.748.162)	(225.438.924.313)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (thuyết minh 10)	(127.860.710.743)	(205.211.721.160)
Giảm do quyết toán	-	(1.052.102.661.356)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (thuyết minh 11)	(127.860.710.743)	(6.149.923.000)
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(101.226.716.090)
Giảm khác	(31.769.435.154)	(70.139.922.853)
Số dư cuối kỳ	2.670.721.176.014	2.487.272.804.641

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1	1.221.295.137.450	1.221.947.927.450
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	148.924.891.353	162.729.518.607
Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	676.106.948.237	660.160.223.232
Cảng than Vĩnh Tân	383.746.615.607	334.257.403.904
Nhà máy Nhiệt điện Bà Rịa	132.043.939.157	64.771.181.148
Điện mặt trời Vĩnh Tân 2	8.066.079.120	-
Khác	100.537.565.090	43.406.550.300
	2.670.721.176.014	2.487.272.804.641

13. Phải trả người bán

	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
BÊN LIÊN QUAN		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.311.294.219	42.071.791.336
Các bên liên quan khác	17.075.702.451	9.538.028.849
BÊN THỨ BA		
Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	2.549.808.266.172	2.295.234.627.479
Công ty Shanghai Electric Group	8.313.030.000	1.486.382.804.864
Các nhà cung cấp khác	1.288.300.875.312	1.032.464.845.786
	3.864.809.168.154	4.865.692.098.314
Số có khả năng trả nợ	3.864.809.168.154	4.865.692.098.314

14. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/10/2018	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ	Phân loại lại	31/12/2018
Thuế giá trị gia tăng	37.785.261.139	256.365.591.913	(201.102.455.755)	-	93.048.397.29
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.836.312.184	144.128.554.766	(10.266.543.316)	(1.923.568.788)	135.774.754.846
Thuế nhà thầu	5.505.165.553	11.982.693.090	(7.613.780.741)	-	9.874.077.902
Thuế xuất nhập khẩu	-	5.085.955.017	(5.085.955.017)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.356.164.623	9.881.483.161	(8.783.341.562)	1.313.667.783	5.767.974.00
Thuế tài nguyên	39.575.736.307	117.645.585.068	(116.231.290.167)	(69.848.535)	40.920.182.67
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	14.192.477.353	750.140.802	(14.942.667.780)	49.625	-
Phi. lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	47.002.326.662	37.987.984.327	(41.771.857.574)	(56.512.701)	43.161.940.714
Các loại thuế khác	-	7.324.290.979	(7.324.290.979)	-	-
	151.253.443.821	591.152.279.123	(413.122.182.891)	(736.212.616)	328.547.327.437

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/10/2018	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ	Phân loại lại	31/12/2018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.923.568.788	-	-	(1.923.568.788)	-
Thuế thu nhập cá nhân	937.284.340	-	-	1.313.667.783	2.250.952.123
Thuế tài nguyên	79.438.427	-	-	(69.848.535)	9.589.892
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	49.625	49.625
Phi. lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	56.512.701	1.347.141.983	(1.347.141.983)	(56.512.701)	-
	2.996.804.256	1.347.141.983	(1.347.141.983)	(736.212.616)	2.260.591.64



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIÁI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

15. Phải trả khác

	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Gốc, lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu (chưa bù trừ qua tiền điện)	-	2.275.532.138.470
Lãi vay, phí vay lại và thuế nhà thầu phải trả	779.189.436.755	519.881.469.214
Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	74.444.898.826
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	156.962.849.626	146.215.216.225
Phải trả từ bán cổ phần	152.499.616	98.349.816.694
Chi phí chuyên gia	14.680.695.065	66.789.916.722
Phải trả khác	126.812.999.634	127.835.909.460
	1.077.798.480.696	3.309.049.365.611

Chi tiết các khoản phải trả khác cho bên liên quan là:

	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	779.932.815.962	2.869.858.506.510
Các bên liên quan khác	116.070.726.297	44.304.863.693
	896.003.542.259	2.914.163.370.203

16. Vay**(a) Vay ngắn hạn**

	BIẾN ĐỘNG TRONG KỲ			
	1/10/2018 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2018 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	5.426.787.609.848	679.321.001.003	(624.901.477.246)	5.473.408.154.411
Số có khả năng trả nợ	5.426.787.609.848			5.473.408.154.411
			Chênh lệch tỷ giá VND	
			(7.798.979.194)	

(b) Vay dài hạn

	BIẾN ĐỘNG TRONG KỲ			
	1/10/2018 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2018 VND
Vay dài hạn	54.971.609.869.371	1.586.899.285.954	(679.321.001.003)	55.671.143.786.388
			Chênh lệch tỷ giá VND	
			(148.044.367.934)	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

GIÁI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
VAY TỪ CÁC TỔ CHỨC				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1</i> Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	103.604.510.566	103.604.510.566
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i> Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	1.974.000.000.000	2.068.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	1.516.694.935.392	1.572.868.821.888
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i> Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	250.000.000.000	260.000.000.00
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	VND	2021	70.905.118.612	78.777.118.612
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	VND	2019	92.068.364.311	92.068.364.311
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i> Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	110.684.549.761	221.369.062.761
<i>Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vinh Tân</i> Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	VND	2026	258.153.558.834	233.945.112.081
			4.376.111.037.476	4.630.632.990.219

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	0.561.944.694.725	6.014.917.945	16.273.236.198	(2.449.196.948.778)	291.205.621.444	15.939.926.044	881.358.003.376	114.101.515.647	352.757.549.993	9.790.398.516.594
Tăng khác	14.542.592.000	-	-	-	499.211.736	-	-	-	-	15.041.803.736
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(3.327.218.134)	-	-	-	-	-	(74.444.898.826)	-	-	(71.772.116.960)
Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức (*)	(94.925.424.397)	-	(1.566.487.558)	-	(21.540.842.227)	-	-	(3.508.088.045)	-	(121.540.842.227)
Phần loại lại	-	-	3.680.845.235	-	(3.680.845.235)	-	-	-	-	-
Tích đầu tư phát triển	-	-	-	-	96.035.138.793	-	(96.035.138.793)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(125.438.536.672)	-	(6.772.643.995)	(132.211.180.667)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	70.892.698.327	-	-	268.052.205.804	-	20.048.149.950	288.100.355.754
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	-	70.892.698.327	70.892.698.327
Có tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(27.030.565.184)	(27.030.565.184)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2018	10.478.234.644.194	6.014.917.945	18.387.593.875	(2.378.304.250.451)	362.518.284.511	15.939.926.044	853.491.634.889	110.593.427.602	339.002.490.764	9.805.878.669.373

(*) Theo Quyết định số 05/QĐ-EVN ngày 19 tháng 1 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam chuyển giao quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 3 về Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 năm 2018.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN

(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
VAY LẠI TỪ TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1</i>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2032	444.445.836.309	454.606.455.267
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2034	19.206.808.016.325	19.554.327.054.073
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2028	8.999.713.746.007	9.048.109.711.516
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	6.275.936.541.397	6.309.685.393.524
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2027	1.688.212.359.504	1.685.494.354.842
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	14.731.365.464.567	13.248.226.816.493
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	89.444.501.596	87.125.866.733
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	67.338.860.225	65.593.261.265
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	73.457.010.088	73.852.025.199
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	27.989.680.391	55.790.241.320
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	156.119.724.974	196.199.073.599
<i>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	4.530.817.037.415	4.413.366.437.868
<i>Dự án Đuôi hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa</i>				
Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu	KRW	2028	476.792.124.525	515.387.797.301
			56.768.440.903.323	55.707.764.489.000
			61.144.551.940.799	60.338.397.479.219
Trong đó, thanh toán trong vòng 12 tháng			5.473.408.154.411	5.426.787.609.848

Lãi suất năm thực tế trong kỳ của các khoản vay như sau:

Các khoản vay USD từ 3,15% đến 6,56% (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 30/9/2018: từ 2,01% đến 6,17%).

Các khoản vay VND từ 8,98% đến 10,05% (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 30/9/2018: từ 8,98% đến 10,03%).

Các khoản vay JPY từ 1,15% đến 2,75% (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 30/9/2018: từ 0,95% đến 2,75%).

Các khoản vay CNY là 3,40% (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 30/9/2018: 3,40%).

Các khoản vay KRW là 2,40% trong suốt thời hạn cho vay lại là 13 năm.

(*) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được đảm bảo bằng nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.857 tỷ VND (1/10/2018: 1.887 tỷ VND).

Các khoản vay trực tiếp từ các Ngân hàng thương mại trong nước còn lại được bảo lãnh bởi Công ty mẹ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, và không có tài sản đảm bảo.

MẪU B 09 – DN/ HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2018	10.478.234.644.194	6.014.917.945	18.387.593.875	(2.378.304.250.451)	362.518.284.511	15.939.926.044	853.491.634.889	110.593.427.602	339.002.490.764	9.805.878.669.373
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh	-	-	-	-	(221.350.148.719)	-	-	-	-	(221.350.148.719)
Điều chuyển về vốn chủ sở hữu	117.061.813.711	-	489.260.687	-	(6.957.646.796)	-	-	(110.593.427.602)	-	-
Khoản để lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	86.143.440.000	-	-	-	-	-	-	-	-	86.143.440.000
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	1.279.815.276.947	-	-	-	-	-	1.279.815.276.947
Trích đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(873.538.049.688)	-	20.006.503.049	(853.531.546.639)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(22.565.678.370)	(22.565.678.370)
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	18.255.872.095	-	-	-	-	-	-	-	-	18.255.872.095
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	10.699.695.770.000	6.014.917.945	18.876.854.562	(1.098.488.973.504)	134.210.488.996	15.939.926.044	(20.046.414.799)	-	336.443.315.443	10.092.645.884.687



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/ HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	Số lượng cổ phiếu	31/12/2018 VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.069.969.577	10.699.695.770.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	1.069.969.577	10.699.695.770.000
Số cổ phiếu đang lưu hành	1.069.969.577	10.699.695.770.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của vốn cổ phần/vốn góp trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Số dư đầu kỳ	10.478.234.644.194	10.561.944.694.725
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	(3.327.218.134)
Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	-	(94.925.424.397)
Tăng do xử lý tài chính theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP	-	14.542.592.000
Khoản để lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	86.143.440.000	-
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	18.255.872.095	-
Điều chuyển về vốn chủ sở hữu	117.061.813.711	-
Số dư cuối kỳ	10.699.695.770.000	10.478.234.644.194

Chi tiết cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Vốn cổ phần	31/12/2018 Số lượng cổ phần phổ thông	Tỷ lệ %
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	10.613.552.330.000	1.061.355.233	99,19%
Người lao động	14.647.000.000	1.464.700	0,14%
Các cổ đông khác	71.496.440.000	7.149.644	0,67%
	10.699.695.770.000	1.069.969.577	100,00%

19. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

	Thuyết minh	1/10/2018 VND	Phân loại lại VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	31/12/2018 VND
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	3(b)(ii)	605.520.036.993	371.028.960.470	-	121.939.976.041	1.098.488.973.504
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ	3(b)(iii)	371.028.960.470	(371.028.960.470)	(143.502.828.713)	143.502.828.713	-
Chênh lệch tỷ giá do xử lý tài chính theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP	3(b)(iv)	1.401.755.252.988	-	102.316.344.579	(1.504.071.597.567)	-
		2.378.304.250.451	-	(41.186.484.134)	(1.238.628.792.813)	1.098.488.973.504

	Thuyết minh	1/10/2018 VND	Phân loại lại VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	31/12/2018 VND
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	3(b)(ii)	1.098.488.973.504	-	-	(492.968.936.511)	605.520.036.993
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ	3(b)(iii)	1.350.707.975.274	-	(108.430.637.811)	(871.248.376.993)	371.028.960.470
Chênh lệch tỷ giá do xử lý tài chính theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP	3(b)(iv)	-	-	1.401.755.252.988	-	1.401.755.252.988
		2.449.196.948.778	-	1.293.324.615.177	(1.364.217.313.504)	2.378.304.250.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIÁI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

20. Cổ tức

Việc phân phối lợi nhuận tuân theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Trong vòng một năm	17.497.494.087	11.366.097.978
Từ hai đến năm năm	74.866.060.886	45.430.549.049
Sau năm năm	280.468.865.098	286.932.636.646
	372.832.420.071	343.729.283.673

Cam kết thuê hoạt động thể hiện

Tiền thuê đất tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam bao gồm một thửa đất thuê trong 38 năm kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012; 1 thửa đất thuê trong 49 năm từ ngày 11 tháng 11 năm 1999 và 3 thửa đất tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam trong 70 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013.

Tiền thuê văn phòng tại số 60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiền thuê đất tại Khu phố Hương Giang, Phường Long Hưng, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam trong 50 năm kể từ ngày 9 tháng 5 năm 2005.

(b) Ngoại tệ

	31/12/2018		1/10/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	28.223,67	653.373.165	28.343,47	660.123.168

(c) Cam kết đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, Nhóm Công ty sẽ đầu tư 1.553.121 triệu VND để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác trong năm 2019 (tại ngày 1/10/2018 là 886.571 triệu VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Doanh thu tiêu thụ điện	9.923.521.583.253	28.973.756.731.882
Doanh thu bán sản phẩm và dịch vụ khác	124.408.642.768	316.761.205.205
	10.047.930.226.021	29.290.517.937.087

23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Giá vốn sản xuất điện	8.692.535.637.363	25.308.564.945.465
Giá vốn sản phẩm và dịch vụ khác	117.317.604.774	286.631.400.047
	8.809.853.242.137	25.595.196.345.512

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND (Phân loại lại)
Lãi tiền gửi	58.811.476.275	121.037.180.986
Cổ tức được chia	10.211.978.000	3.800.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	3.291.547.851	16.309.795.486
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	11.469.999.222	21.603.081.324
	83.785.001.348	162.750.057.796



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

25. Chi phí tài chính

	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Chi phí lãi vay	699.539.293.509	2.034.789.676.172
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	1.174.491.410	35.213.748.256
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.238.628.792.813	1.364.217.313.504
Tăng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	10.518.431.180	(26.431.382.520)
Chi phí tài chính khác	45.085.227	5.451.390
	1.949.906.094.139	3.407.794.806.802

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Chi phí nhân viên	43.643.304.237	172.735.963.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.906.261.176	42.142.876.450
Chi phí khác	75.606.680.803	134.483.702.587
	139.156.246.216	349.362.542.049

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.669.857.526.291	20.253.403.498.640
Chi phí nhân công	192.006.937.427	645.366.790.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.129.473.775.722	3.269.005.211.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.406.271.037	316.124.752.837
Chi phí sửa chữa lớn	501.048.517.551	756.240.732.235
Chi phí khác	313.248.145.046	704.519.760.448



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	38.539.224.092	17.118.748.352
Năm trước	105.538.577.040	-
	144.128.554.766	17.118.748.352
(Lợi ích)/Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(26.606.710.591)	13.879.964.174
Chi phí thuế thu nhập	117.521.844.175	30.998.712.526

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(736.009.702.464)	319.099.068.280
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty	(147.201.940.493)	63.819.813.656
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(7.439.341.662)	(45.016.552.583)
Chi phí không được khấu trừ thuế	98.346.663.186	7.591.372.306
Chi phí thuế TNDN năm trước	105.564.287.022	-
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	72.900.716.631	4.648.540.509
Sử dụng lỗ lũy kế	(4.648.540.509)	-
Ưu đãi thuế	-	(44.461.362)
	117.521.844.175	30.998.712.526



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2018		1/10/2018	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	364.503.583.155	72.900.716.631	23.242.702.545	4.648.540.509

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2023	Chưa quyết toán	365.369.799.245

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Nhóm Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của lỗ tính thuế.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Dự án nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và dự án Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

29. Lỗi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lỗi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 1.069.969.577 cổ phiếu (giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018: không áp dụng), chi tiết như sau:

(a) Lỗi thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Lỗi thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(873.538.049.688)	Không áp dụng

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	1.069.969.577	Không áp dụng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	GIÁ TRỊ GIAO DỊCH	
	Giải đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giải đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	31.262.775.465	93.593.294.327
Cung cấp dịch vụ	-	192.651.641.000
Vay trong năm	1.562.690.839.201	-
Thanh toán gốc, lãi và phí vay trong năm	2.968.463.360.784	3.609.367.205.129
Lãi vay	335.257.017.954	1.858.926.273.319
Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	74.444.898.826
<i>Các công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ Phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh Cổ tức được chia	-	63.016.948.000
Công ty Cổ Phần Thủy điện Thác Bà Cổ tức được chia	28.575.000.000	24.765.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A Cổ tức được chia	-	37.800.000.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty Mua bán điện Bán điện	9.923.521.583.253	28.973.756.731.882
Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải Cung cấp dịch vụ	649.766.000	216.048.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh) Mua điện	712.692.956	9.388.082.831
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc Mua dịch vụ	2.075.253.137	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 Mua dịch vụ	966.843.461	12.316.846.292
Cung cấp dịch vụ	214.275.100	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

	GIÁ TRỊ GIAO DỊCH	
	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 Mua dịch vụ	1.021.404.136	1.671.848.605
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 Mua dịch vụ	79.410.845	74.247.332.268
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực Lãi tiền gửi	5.797.890.410	17.056.937.596
Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH – công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam Mua dịch vụ	1.352.417.791	2.338.790.165
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin – Chi Nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam Mua dịch vụ	1.463.663.543	519.552.489
Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 Cổ tức được chia	6.409.728.000	49.291.120.640
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại Cung cấp dịch vụ	1.011.326.364	-
Hội đồng quản trị Thù lao	73.773.000	428.161.000
Ban Tổng Giám đốc Thù lao	215.775.000	2.312.433.000
Cán bộ cấp quản lý khác Thù lao	1.923.749.500	6.480.691.500



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIẢI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

31. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang mua chưa thanh toán	100.365.114.571	1.564.540.602.810
Bù trừ gốc vay, lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu phải trả EVN và phải thu công ty Mua bán điện	2.917.335.651.810	3.149.756.701.124
Bù trừ Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam và phải thu công ty Mua bán điện	74.444.898.826	-
Xây dựng cơ bản dở dang chuyển từ/sang hàng tồn kho	6.862.084.833	225.438.924.313
Bàn giao Công ty TNHH Nhiệt điện Thủ Đức	-	121.540.842.227
Chuyển xây dựng cơ bản dở dang chuyển sang chi phí trả trước	-	101.226.716.090
Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	74.444.898.826
Vốn cổ phần giữ lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	86.143.440.000	-
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	18.255.872.095	-
Cổ tức được chia phải thu nhưng chưa thu được từ		
Công ty liên kết và Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	52.984.728.000	27.000.000.000
Cổ tức đã thông báo nhưng chưa trả	43.418.391.437	18.906.862.096



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIAI ĐOẠN TỪ 1/10/2018 ĐẾN 31/12/2018 (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
(BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 202/2014/TT-BTC
NGÀY 22/12/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH)

30. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của “Doanh thu hoạt động tài chính” và “Thu nhập khác” cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến 30 tháng 9 năm 2018 được phân loại lại theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ - “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp” và Công văn số 1931/BTC-TCDN ngày 19 tháng 2 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn vướng mắc thực hiện cơ chế tài chính tại Tập đoàn điện lực Việt Nam. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018		
	(theo báo cáo trước đây) VND	(Phân loại lại) VND	(Đã phân loại lại) VND
Doanh thu hoạt động tài chính	212.041.178.436	49.291.120.640	162.750.057.796
Thu nhập khác	118.036.690.003	49.291.120.640	167.327.810.643

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

Người lập

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểu

Người duyệt

Vũ Phương Thảo
Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



EVNGENCO 3

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP

- 📍 | Số 60-66 Đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Quận 2, TP. HCM, Việt Nam
- ☎️ | 028 36367449
- ✉️ | genco3@genco3.evn.vn
- 🌐 | www.genco3.com